

Tác Giả và Tác Phẩm

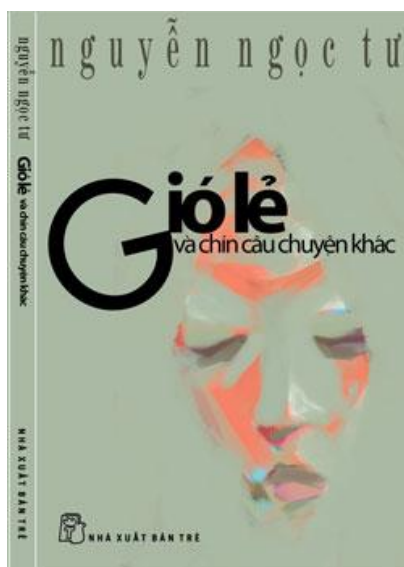
Nguyễn Ngọc Tư (III)

Tiểu sử

Sinh năm 1976 tại Cà Mau

Tác phẩm

Ông ngoại, Biển người mênh mông, Giao thừa,
Nước chảy mây trôi, Cánh đồng bất tận



Mục Lục

Không gian sông nước....của Nguyễn Ngọc Tư – Thụy Khuê - 2

Vết chim trời - 7

Tình dục và văn chương nữ giới trong nước – Nguyễn Mạnh Trinh – 10

Bạn nhậu cũ - 11

Tác phẩm đặc trưng của Nguyễn Ngọc Tư – Mai Ninh - 13

Lớn lên từ những ngộ nhận - 15

Phụ đính:

Cúi vọng người xưa – Chờ đợi những mùa tôm

Quán nhớ - Mê thầy - Người xưa – Qua câu nhớ người

Hiu hiu gió bắc – Một mối tình – Bời yêu thương

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Không gian sông nước trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư Thụy Khuê



Nguyễn Ngọc Tư nổi tiếng về những truyện ngắn khá hay viết theo lối truyền thống. Chị thường kể lại những nỗi u hoài trầm lắng, sự nhẩn nại chịu đựng cam phận trong tâm hồn người dân quê miền Nam, mà đời sống gắn bó với con kinh, con rạch. Giọng văn và tinh thần sông nước của chị như một truyền thống nối dài từ Bình Nguyên Lộc, người đã gắn liền hai yếu tố đất và nước, thành ý nghĩa thiêng liêng của hai chữ đất nước. Tư tưởng này, truyền qua Sơn Nam, đến Nguyễn Ngọc Tư, là thế hệ thứ ba, tuy đã bớt đậm đặc đi, nhưng vẫn đem lại cho người đọc, nhất là người đọc khác miền, những cảm xúc mới. Lối viết *hiện thực thô lậu* của Bình Nguyên Lộc đã ảnh hưởng sâu sắc đến những cây bút cùng thời với ông như Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Nhật Tiến, Sơn Nam...

Nghệ thuật thô lậu là gì? Là ghi lại đời sống bằng giọng thô lậu, bằng ý nghĩ thô lậu của nhân vật, của động vật, đồ vật và quang cảnh xung quanh, chứ không bằng văn chương và ý nghĩ chủ quan của tác giả. Trong cách viết hiện thực thông thường, nhà văn đứng ngoài, dùng một giọng *neutre*, *giọng vô thanh*, *vô hình*, *vô ngã* để thuật truyện; chỉ khi chuyển sang đối thoại, người viết mới tìm cách làm lộ địa vị xã hội, gốc gác, bản tính, cách suy nghĩ của các nhân vật qua lời ăn tiếng nói của họ. Trong hiện thực thô lậu, tất cả những yếu tố kể trên, không cần đợi tới đối thoại mới bật ra mà chúng nằm ngay trong *giọng kể*, tàng trữ trong giọng kể. Giọng kể ở đây không vô thanh, vô hình, vô ngã, mà có âm, có hình, đa ngã. Thí dụ Bình Nguyên Lộc viết:

- "*Gió bắc lướt trên ngọn cây, té vào giếng ấy như nước chảy vào chỗ trũng, và vì không có lối ra gió quay cuồng, càng vẩn thêm lòng người vốn đã lạnh*".

- "*Ba cái thây sống này lại càng giống nhau ở chỗ nó cụt ngùn và xằng như dùi đục chắm mắt nôm, hay là không nói gì hết, tối ngày*."

- "*Thằng nhỏ trên chõng chạp tuột xuống, rê cái bụng bình rình chằng chịt những gân xanh lại gân chị Chín*". (trích truyện *Thêm người* của Bình Nguyên Lộc trong tập *Nhốt gió*).

Hai chữ: *té*, *vẩn*, trong trích đoạn đầu, làm cho giọng kể mềm mại hơn, có âm lên, có chuyển động lên, và xác định không gian miền Nam, cá tính miền Nam. Một nhà văn Bắc sẽ viết: "Gió bắc lướt trên ngọn cây, xoáy vào giếng ấy...", và ta thấy ngay tác dụng khác nhau giữa chữ *té* và chữ *xoáy*: *xoáy* văn chương hơn, *té* bình dân hơn; *xoáy* vô thanh, vô ngã, trong khi *té* có âm thanh, hình ảnh và chủ thể.

Trích đoạn thứ nhì lộ thêm một khía cạnh khác trong nghệ thuật thô lậu: Tả vợ, chồng, con, nhà người ta mà Bình Nguyên Lộc bảo là ba cái *thây sống*, *cụt ngùn*, *xằng như dùi đục chắm mắt nôm*, thêm hai chữ *tối ngày* đi đoạn hậu như cái nhầy căng: *tối ngày* khác hẳn *suốt ngày* mà những người viết văn hay dùng. Bình Nguyên Lộc chuyên xử dụng hình ảnh và âm thanh, mà âm thanh của ông là thứ âm gỗ, thanh lạ, ảnh của ông là những ảnh sắc: *thây sống*, *rê cái bụng bình rình*... Những nhà văn Bắc như Thanh Tâm Tuyền, Nhật Tiến, Viên Linh... sống

trong Nam, cũng bắt chước Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc viết tiếng Nam, nhưng họ chỉ viết được đối thoại, còn về *giọng kể*, vẫn không thể kể hay như Bình Nguyên Lộc.

Sự khác biệt sâu xa giữa văn lối Bắc và văn lối Nam là người Bắc viết văn, còn người Nam kể truyện. Nhưng phải kể một cách nào đó mới thành tác phẩm.

Hiện thực thô lậu dựa trên sườn chính là *giọng kể*, kể phải làm sao cho bắt giọng, nghĩa là phải có cái giọng tự nhiên thành thật, ăn khớp với tâm tình và bối cảnh mình kể; nếu thành công, sẽ tạo ra một bối cảnh sâu sắc hơn lối viết hiện thực thông thường. Bình Nguyên Lộc có thể hòa đồng giọng đất, giọng nước, giọng cái xa quay, giọng ma, với giọng người.

Văn Nguyễn Ngọc Tư, có nhiều chỗ cũng tạo được cái mạch xuyên suốt, nghĩa là giọng người kể, tâm lý nhân vật và đối thoại chập lại thành một: "*Con Thủy nói nó không lấy chồng, nó ở vậy đi bán với ba, nó nói mà giọng hơi buồn. Ông Chín nghe rồi như gió ùa về, lòng tự dưng nghe đau xót. Rồi khi hai đứa con gái ông sinh ra những đứa con, chúng lại phải sống cuộc đời lênh đênh như má chúng, ông nghĩ*". (Trích *Nhớ sông*, trong tập *Giao thừa*).

Trong trích đoạn trên đây, có vẻ như chỉ có một giọng kể, nhưng thực ra là nhiều giọng chập lại: khi giọng chị, khi giọng người kể, khi giọng cô em, khi giọng ông bố. Lối kể như vậy, tự nó đã tạo mối liên hệ nội tại giữa người kể và các nhân vật, giữa các nhân vật với nhau, khiến cho câu chuyện (mới chỉ qua giọng kể không thôi) đã trở thành một luồng giao tiếp nối nội tại giữa không gian và thời gian, giữa nhân vật và bối cảnh bên ngoài.

Là hậu duệ của một truyền thống văn nói xướng lên từ miệt sông nước, Nguyễn Ngọc Tư đã kể và kể rất hay về những mẫu đời của người dân miệt vườn, về cuộc sống bám với chiếc ghe, con nước của những con người hiền lành cam phận, những tình cảm chân thật, nối liền đất nước với con người.

Nhớ sông có giọng kể giao hoà tâm lý nhân vật với bối cảnh xung quanh:

"*Mỗi lần qua sông Cái Lớn, Giang lại nghĩ, chắc tới già, tới chết, mình sẽ chẳng bao giờ rời chiếc ghe nhỏ này đâu. Cũng khúc sông này, năm Giang mười tuổi, má Giang chết. Hôm đó, trời mưa nhỏ nhưng gió nhiều, gió bạt tay chèo liêu xiêu. Nước từ vàm sông cuộn cuộn đổ ra. Chiếc ghe bạt nước tấp vô xà lan chở cát. Ông Chín, ba Giang chống đặng mũi, má Giang chống đặng lái. Giang ngồi trong mũi ghe, ôm con Thủy vào lòng. Giang thấy rõ ràng, lúc cây sào trong tay má đang chỏi vào thành xà lan trượt hớt lên, má ngã xuống, đầu má đập vào cái gờ sắt, đôi chân còn bấu vào ghe. Rồi má cong lại như chiếc võng, hụp vào sông. Giang khóc điên, bỗng con Thủy lồm cồm bò về đặng sau lái, Giang còn kịp nhìn thấy mái tóc má trôi xum xoà phiêu phiêu trong làn nước, rồi mất hút*". (Nhớ sông)

Cả một dĩ vãng đau thương gọi lại trong giọng kể quê mùa chất phác như tiếng than ơ hờ chẳng ra than, kể mà như khóc không thành tiếng. Sau khi người mẹ chết đuối, một thứ hạnh phúc bất diệt gắn bó ba cha con, vợ với chồng, người với đất, người với nước, người sống với người chết: "*Sau này, khi vợ chết, không hoàn toàn vì miếng ăn mà cả nhà ông Chín trôi dạt hết dòng sông này đến con kinh kia. Ở đấy con sông nào đó, còn là nơi gửi gắm xương thịt của người đàn bà xấu số - má Giang*" Ông Chín ở vậy nuôi con. Đơn thương loay hoay một mình, khi có "vấn đề", ông vẫn tiếp tục "vấn kể" vợ, hỏi vợ, bàn với vợ, tâm sự với vợ, xin lỗi vợ: "*Tui biết tính sao bây giờ, bà ơi. Tui tính làm một lần này rồi*". "*Bà đã thành nước, thành đất, thành cỏ thành cây, cha con tui ở đâu, xin bà theo đó*."

Đời trong *Nhớ sông* là đời "thuở trước", con người còn nhân nghĩa. Một giọng thủy chung. Người cha chung thủy với vợ, người con gái cả chung thủy với sông, nước; người con gái út chung thủy với đất, bờ. *Nhớ sông* toát ra một bầu không khí thủy chung như nhất trong tình đất tình người.

Thủy chung lại xuất hiện trong truyện "*Cái nhìn khắc khoải*", chung thủy trong tình bạn tri kỷ giữa con vịt Xiêm, tên Cộc, với ông lão chăn vịt:

"... ông nói như chỉ nói với mình:

- Mai một mình đi nữa hen Cộc?

Con vịt cạp mắt cá chân ông, đi thì đi chớ gì.

- Mà đi hoài, mãi một không?

Nó há mồm đồm đen cạp ngón cái chân ông, thì mệt chó.

Tao đốn tràm, làm nhà lại, ở luôn ghen". (trích *Cái nhìn khắc khoải* trong tập *Giao thừa*).

Hai cô đơn đúc thành một khối: đối thoại cam giữa ông già và con Vịt Xiêm.

Ông già rước người phụ nữ bị phụ bạc ngồi khóc bên sông cho nàng quá giang, ông "thương" người đàn bà lỡ vận. Người miền Nam không dùng chữ Yêu mà dùng chữ Thương. *Thương* rộng hơn và sang hơn *yêu*: Thương gói ghém cả yêu lẫn thương. Yêu tỏ được nói được, diễn tả được. Thương không nói được, nhưng cảm được. Nếu nói ra, thương sẽ biến đi. Thương con, thương chồng, không nói. Nói ra là vô nghĩa. Ngọc Tư đã diễn tả được những âm thầm, nín lặng ấy, bằng cử chỉ, bằng hơi thở, bằng ánh mắt, bằng những điều không nói trong những truyện ngắn hay của chị. Ngọc Tư đã viết về những mảnh đời lam lũ chân thật với giọng đặc biệt miệt vườn của mình, đã đưa ra được những sâu lắng, những chân thật, những chung thủy, đơn chiếc, trong lòng người dân quê miền Nam, đôn hậu, và gắn bó với sông nước.

Trong *Cánh đồng bất tận* Nguyễn Ngọc Tư đã tìm một lối viết khác, như để đoạn tuyệt với lối cũ:

Chủ đề đã chuyển từ *chung thủy* sang *ngoại tình*, từ *yêu thương* sang *tàn nhẫn*, từ một xã hội *nhân bản* sang một xã hội *dã man, hung bạo*. Sự thay đổi chủ đề chứng tỏ Ngọc Tư can đảm, dám đi vào xã hội hiện tại, dám viết về bộ mặt tiêu cực của nó, và đó là lý do chính khiến cho truyện của chị bị kiểm thảo, bị lên án gắt gao, bởi Ngọc Tư là một ngòi bút Nam, gốc "ngụy". Về mặt bút pháp, trong những trang đầu, chị đã bỏ giọng kể đặc biệt theo lối Nam, đây cũng là một cố gắng khác của chị, nhưng cố gắng này có đôi điều cần bàn lại, vì nó gây thương hại đến nghệ thuật của tác phẩm.

Tuy giọng kể là giọng người chị, nhưng đã chuyển sang một "ton neutre", vô sắc, vô cảm, không phải là giọng quê mùa của người con gái thất học từ bé đến lớn sống trên sông nước nữa:

"Con kinh nhỏ nằm vắt qua một cánh đồng rộng. Và khi chúng tôi quyết định dừng lại, mùa hạn hung hãn dường như cũng gom hết nắng đổ xuống nơi này. Những cây lúa chết non trên đồng, thân đã khô cong như tàn nhang chưa rụng, nắm vào bàn tay là nát vụn. Cha tôi tháo cái khung tre chắn dưới sàn ghe, bầy vịt lúc nhúc chen ra, cuống quýt, nháo nhào quẫy ngụp xuống mặt nước vắng phèn. Một lớp phèn mới, vàng sẫm quánh lại trên bộ lông của những con vịt đói, nhóp nhép bám lên vai Điền khi nó trảm mình bơi đi cặm cọc, giăng lưới rào bầy vịt lại. Tôi bung cái cà ràng lên bờ, nhóm củi"

Một giọng "chuẩn", rất văn chương, mà lại là giọng tả cảnh "lối Bắc" của một người khá sành sỏi, có chất thành thị (nhiều chỗ dùng những từ thời thượng như *trầm nghịch, ảo giác, miên viễn, hoang dã...*). Nếu không có hai chữ *cà ràng*, thì không thể biết cảnh này ở đâu: giọng văn mới này đã xóa cái "không khí" sông lạch, miệt vườn. Nhưng cái "không khí" đó chính là cái mà Bakhtine gọi là *Thời không gian (Chronotope)* trong tiểu thuyết. Thời không gian trong tiểu thuyết của Flaubert là *tỉnh lỵ*; thời không gian trong tiểu thuyết Hồ Quý Ly của Nguyễn Xuân Khánh là Hà Nội, Yên Tử, thời Trần mạt. Thời không gian trong *Cánh đồng bất tận* là vùng lạch tỉnh ngày nay. Khi Ngọc Tư biến giọng kể của một cô gái miệt vườn thành một giọng lơ lơ thành thị, lơ lơ Bắc, thì chị đã làm nhạt không khí truyện, khiến người đọc bị lạc. Một mất mát đáng tiếc, có thể tránh được.

Tại sao giọng kể của Ngọc Tư lại biến đổi? Vì chị muốn "Bắc hoá" giọng văn của mình chăng? Vì chị muốn dùng chữ cho "chuẩn" chăng? Nếu quả như vậy, thì sự "thống nhất ngôn ngữ" đang đi trong chiều đáng ngại: nó đẩy nhà văn đến chỗ chối bỏ bản ngã của mình. Trái ngược với thời điểm sau 1954, các nhà văn Bắc di cư vào Nam, ngoài giọng văn Bắc, họ còn tập viết đối thoại tiếng Nam và họ đã làm giàu thêm ngôn ngữ của họ: văn chương luôn luôn cộng vào, khi trừ là mất đi.

Nhưng oái oăm là với cái giọng mới này, Ngọc Tư chinh phục được nhiều độc giả Bắc, phần đông thích đọc giọng chuẩn hơn giọng miền, và đó là lý do khiến cho *Cánh đồng bất tận* trở thành tác phẩm được đọc, được mến mộ nhất trong năm qua.

Ngoài sự đổi giọng đáng trách ở những trang đầu, dần dần, Ngọc Tư tìm lại được không gian trắng nước cũ và *Cánh đồng bất tận* trở nên lôi cuốn hơn, xứng đáng được yêu chuộng, bởi đây là một tác phẩm hay. Trái ngược với *Giao thừa*, nhẹ nhàng viết về thời trước, *Cánh đồng bất tận* phủ phàng đi vào thực tại xã hội hôm nay, trình bày những nhân vật thui, chột, đui, mù cả thể xác lẫn tâm hồn, những con người đã bị những bi kịch trong quá khứ làm cho tê liệt, không còn khả năng yêu thương, xúc cảm.

Một người đàn bà làm điếm bị hành hung một cách dã man. Người đàn bà vượt thoát, chạy xuống chiếc ghe của ba cha con sống trên thuyền, làm nghề chẵn vịt, đang đỗ trên bến. Sự tàn ác trong màn đầu thực ra chỉ để mở màn cho những bi kịch khác, sâu hơn, tiềm ẩn trong gia đình ba cha con: bi kịch của người đàn ông bị vợ phụ bạc, tìm cách trả thù tàn nhẫn trên những người đàn bà khác.

Đi vào bối cảnh đời sống xã hội hiện tại, Ngọc Tư dường như còn đang ngỡ: thảm kịch của người phụ nữ làm điếm bị "làng" xử: đồ keo dán sắt vào cửa mình hơi gượng ép, tựa như một thảm kịch thời phong kiến, khó tưởng tượng ở thời nay (mặc dù có thể đã xảy ra). Chính cái vụng về của tác giả đã làm cho người ta có cảm giác ép tác phẩm; nhưng một mặt nó lại gây háo hức trong lòng một quần chúng đọc đang cần một cái gì mạnh mẽ, một tác phẩm kịch liệt lên án xã hội, bởi những tác phẩm như thế đang quá hiếm trong văn học (được chính thức in ấn) ở Việt nam.

Cái hay của tác phẩm chìm lắng và thâm trầm hơn: Mầm chính của bi kịch là hận thù. Người cha trong truyện là một phóng ảnh của hận thù mù quáng, hận thù khôn nguôi, hận thù tàn phá hạnh phúc và lẽ sống của con người. Từ việc vợ bỏ nhà theo trai, ông xây dựng cuộc đời còn lại trên sự trả thù: ông tàn phá tất cả những người đàn bà khác đến sau người vợ. Đóng kín trong lãnh cảm, ông quay mặt với các con, không thèm biết tuổi thơ của chúng, biến chúng thành những chồi măng thui chột, bệnh hoạn.

Hai chị em bị bỏ bê, như thuyền không lái, rịt lấy nhau trong một thứ trực giác hoang dại: tự mày mò chống lại những yếu kém tinh thần, tự dạy dỗ nhau, tự trấn an những dồn nén, đòi hỏi của cơ thể. Hai chị em như những đứa trẻ bị bỏ hoang trên bãi chiến trường nguyên thủy, chúng chơi với những hố bom già, em hỏi chị: "*người ta thương mẹ ra làm sao?*", chúng phải tưởng tượng ra tình yêu, chúng phải sáng tác ra da thịt, chúng thiếp đi trong những cơn mộng mị "*nằm co quắp, hai tay kẹp giữa đùi*".

Người đàn bà điếm, với sức sống mãnh liệt, với tấm lòng trắc ẩn sâu xa, là nhân tố duy nhất có thể đem lại cân bằng cho cuộc sống ba cha con, nhưng chị đã thất bại: hận thù vẫn ngự trị trong trái tim khô héo của người cha, không cách gì tẩy được.

Qua phong nền ấy, con đồ Ngọc Tư xuôi vào đời sống hiện tại mà những giá trị đạo đức đã bị đảo ngược, để khuấy lên bộ mặt chìm của một xã hội mà hận thù, sau hơn ba mươi năm chiến tranh chấm dứt, vẫn còn làm chủ; mà sự tàn nhẫn, không nhân nhượng trở thành nội dung cuộc sống hàng ngày, mà môi trường sa ngã trong dịch cúm, dịch tham nhũng; với những tâm hồn không thông cảm nhau, cha con đứt đoạn như những kẻ xa lạ, với những con người bán hồn nuôi miệng bị xã hội hành hung, với những hạnh phúc chưa kịp nảy sinh đã bị tiêu diệt.

Trong *Cánh đồng bất tận* Nguyễn Ngọc Tư đã tìm một lối viết khác, như đề đoạn tuyệt với lối cũ:

Chủ đề đã chuyển từ *chung thủy sang ngoại tình*, từ *yêu thương sang tàn nhẫn*, từ một xã hội *nhân bản* sang một xã hội *dã man, hung bạo*. Sự thay đổi chủ đề chứng tỏ Ngọc Tư can đảm, dám đi vào xã hội hiện tại, dám viết về bộ mặt tiêu cực của nó, và đó là lý do chính khiến cho truyện của chị bị kiểm thảo, bị lên án gắt gao, bởi Ngọc Tư là một ngòi bút Nam, gốc "ngụy".

Về mặt bút pháp, trong những trang đầu, chị đã bỏ giọng kể đặc biệt theo lối Nam, đây cũng là một cố gắng khác của chị, nhưng cố gắng này có đôi điều cần bàn lại, vì nó gây thương hại đến nghệ thuật của tác phẩm.

Tuy giọng kể là giọng người chị, nhưng đã chuyển sang một "ton neutre", vô sắc, vô cảm, không phải là giọng quê mùa của người con gái thất học từ bé đến lớn sống trên sông nước nữa:

Ngoài sự đổi giọng đáng trách ở những trang đầu, dần dần, Ngọc Tư tìm lại được không gian trắng nước cũ và *Cánh đồng bất tận* trở nên lôi cuốn hơn, xứng đáng được yêu chuộng, bởi đây là một tác phẩm hay. Trái ngược với *Giao thừa*, nhẹ nhàng viết về thời trước, *Cánh đồng bất tận* phủ phàng đi vào thực tại xã hội hôm nay, trình bày những nhân vật thui, chột, đui, mù cả thể xác lẫn tâm hồn, những con người đã bị những bi kịch trong quá khứ làm cho tê liệt, không còn khả năng yêu thương, xúc cảm.

Một người đàn bà làm điếm bị hành hung một cách dã man. Người đàn bà vượt thoát, chạy xuống chiếc ghe của ba cha con sống trên thuyền, làm nghề chẵn vịt, đang đỗ trên bến. Sự tàn ác trong màn đầu thực ra chỉ để mở màn cho những bi kịch khác, sâu hơn, tiềm ẩn trong gia đình ba cha con: bi kịch của người đàn ông bị vợ phụ bạc, tìm cách trả thù tàn nhẫn trên những người đàn bà khác.

Đi vào bối cảnh đời sống xã hội hiện tại, Ngọc Tư dường như còn đang bỡ ngỡ: thảm kịch của người phụ nữ làm điếm bị "làng" xử: đổ keo dán sắt vào cửa mình hơi gượng ép, tựa như một thảm kịch thời phong kiến, khó tưởng tượng ở thời nay (mặc dù có thể đã xảy ra). Chính cái vụng về của tác giả đã làm cho người ta có cảm giác ép tác phẩm; nhưng một mặt nó lại gây háo hức trong lòng một quần chúng đọc đang cần một cái gì mạnh mẽ, một tác phẩm kịch liệt lên án xã hội, bởi những tác phẩm như thế đang quá hiếm trong văn học (được chính thức in ấn) ở Việt nam.

Cái hay của tác phẩm chìm lắng và thâm trầm hơn: Mầm chính của bi kịch là hận thù. Người cha trong truyện là một phóng ảnh của hận thù mù quáng, hận thù khôn nguôi, hận thù tàn phá hạnh phúc và lẽ sống của con người. Từ việc vợ bỏ nhà theo trai, ông xây dựng cuộc đời còn lại trên sự trả thù: ông tàn phá tất cả những người đàn bà khác đến sau người vợ. Đóng kín trong lãnh cảm, ông quay mặt với các con, không thèm biết tuổi thơ của chúng, biến chúng thành những chòi măng thui chột, bệnh hoạn.

Hai chị em bị bỏ bê, như thuyền không lái, rịt lấy nhau trong một thứ trực giác hoang dại: tự mày mò chống lại những yếu kém tinh thần, tự dạy dỗ nhau, tự bảo vệ nhau, tự trấn những dồn nén, đòi hỏi của cơ thể. Hai chị em như những đứa trẻ bị bỏ hoang trên bãi chiến trường nguyên thủy, chúng chơi với những hố bom già, em hỏi chị: "*người ta thương mẹ ra làm sao?*", chúng phải tưởng tượng ra tình yêu, chúng phải sáng tác ra da thịt, chúng thiếp đi trong những cơn mộng mị "*nằm co quắp, hai tay kẹp giữa đùi*".

Người đàn bà điếm, với sức sống mãnh liệt, với tấm lòng trắc ẩn sâu xa, là nhân tố duy nhất có thể đem lại cân bằng cho cuộc sống ba cha con, nhưng chị đã thất bại: hận thù vẫn ngự trị trong trái tim khô héo của người cha, không cách gì tẩy được.

Qua phong nền ấy, con đời Ngọc Tư xuôi vào đời sống hiện tại mà những giá trị đạo đức đã bị đảo ngược, để khuấy lên bộ mặt chìm của một xã hội mà hận thù, sau hơn ba mươi năm chiến tranh chấm dứt, vẫn còn làm chủ; mà sự tàn nhẫn, không nhân nhượng trở thành nội dung cuộc sống hàng ngày, mà môi trường sa ngã trong dịch cúm, dịch tham nhũng; với những tâm hồn không thông cảm nhau, cha con đứt đoạn như những kẻ xa lạ, với những con người bán tròn nuôi miệng bị xã hội hành hung, với những hạnh phúc chưa kịp nảy sinh đã bị tiêu diệt.

Paris, tháng 11/2006

Vết chim trời

Buổi trưa tháng mười đó, rất bình thường, như bình thường, chúng tôi trốn ngủ. Thăng Vĩnh vắt vẻo trên nhánh me trước sân nhà, cầm trái xoài sống nhai vừa nhai rau rầu, vừa thả vỏ xuống đầu tôi, nước miếng chèm nhẹp. Tôi hơi quạu, nhưng chỉ cười, tôi mà ném trả thì sập bẫy của Vĩnh, sẽ cuốn ngay vào trò chơi nó bày sẵn. Mọi người sẽ phát hiện ra đám trẻ đang ở ngoài sân thay vì trên giường, sẽ la om sòm lên. Thấy tôi nín thinh, biết không ăn thua, thăng Vĩnh đâm chán, nó thôi khiêu khích. Hai đứa tôi im im, như bị vây bủa, bị đóng băng bởi cái thình lạng ban trưa của con đường thừa vắng người. Nắng trên cao lọt nhách, xuyên qua tàn cây xuống đến sân thì tẻ hơn, chỉ là những chùm bông nắng mờ mờ. Lâu lâu, vài ngọn gió mỗ côi leo heo chạy lệt phệt qua, những cái lá me lững thững rơi xuống, đám lông chó lại lờ đờ bay ngược lên, để lại nền sân vài bông nắng thừa, tái ngắt.

Lúc đó, tôi đã đi qua mười bốn cái tháng mười, đi qua không biết bao nhiêu buổi trưa lạt lạt, phai phai như vậy. Những buổi trưa không làm đám con nít buồn ngủ, nhưng cũng không làm tụi nó hứng chí chạy nhảy chơi đùa. Những buổi trưa lừ đừ, lười nhác. Và nếu bà nội không khóc, buổi trưa nọ đã trôi tuột khỏi đời tôi, không một vết tích, không làm tôi đau khi đôi khi gặp lại cơn nắng nào, đã cũ.

Nhưng mà bà nội đã khóc, và buổi trưa kia đã vĩnh viễn bị tiếng khóc đóng đinh vào. Lúc đó bà vẫn còn nằm trên giường, chắc vừa choàng thức dậy sau giấc ngủ trưa. Mới đầu, nghe những tiếng hức nhẹ, tôi nghĩ là thăng Vĩnh nên ngó lên cây. Mới hay, Vĩnh cũng đang trở con mắt dò xét ngược xuống. Tiếng nấc bồng ồ ồ dồn đuổi nhau qua cửa sổ. Bà nội. Bà nội khóc. Bà nội khóc kìa, ba ơi. Ba, bà nội khóc.

Cả nhà bị dựng ngược, lẳng xằng quây lấy một bà già đang khóc. Trời ơi, sao má khóc vậy? Ủa, nội ơi, nội bị làm sao? Má ơi, má đau chỗ nào? Bà nội lắc đầu, vẫn khóc, nước mắt vừa lau xong nước mắt lại tràn trụa. Dĩ hoài bà không nín, cả nhà bắt lực ngó nhau, ngờ vực, ai trong chúng ta đã làm bà nội khóc? Vừa lúc ấy thì bà nội nín, bà nắm lấy tay cha, hụp hủi:

- Sao bây lại bắt Út Hơn của má?

Sau này, long đong với bao biến cố cuộc đời, chen lấn, tranh giành, bị tạt vào mặt những câu từ khó nghe, phũ phàng nhất, nhưng tôi thề rằng chẳng câu nói nào đau đớn và nghiệt ngã như lời thốt ra từ cái miệng máu máu của bà nội. Trời đất lặng phất. Một mũi tên nào đó xé gió đâm thẳng vào tim cha. Ông chới với:

- Má!

- Bây bắt Út Hơn của má chết rồi, con ơi.

Bà nội bệu bạo nhắc lại, đẩy mũi tên vào trong cha sâu hơn. Và tôi khóc hức lên vì cảm giác cha vừa vào chết. Má tôi không biết gì hết, má túi bụi với sạp bán thuốc gò ngoài chợ. Chiều về, má ngạc nhiên thấy bà nội không chịu ngồi chung mâm, bà bưng chén cơm day lưng lại, trệu trạo nuốt từng miếng rời, chỉ chịu ăn những gì Vĩnh gắp cho. Người già giận hờn cũng ngoe nguẩy như trẻ con. Má hiểu là đã xảy ra chuyện gì nhưng má không hỏi, việc kiếm miếng ăn cho cả nhà khiến má rã rời.

Cha buông đũa sớm, có vẻ cha không cầm được máu mình đang rơi, ông nhìn vào cái lưng lạnh ngắt của bà nội cố hiểu chuyện gì đó. Bà thấy hình ảnh nào trong chiêm bao? Hay chỉ là một hành động trong chuỗi hành động ngớ ngẩn của căn bệnh lẫn thần đang tàn phá bà nội mấy năm qua? Như bà nội đã từng xách thùng tưới cải trong tủ lạnh, nhổ cỏ trồng vô hồ nước mưa. Như cái ngày bà nội ngơ ngác nhìn chúng tôi, hỏi, ủa, ai đây? ai mà kêu tui bằng bà nội vậy cà. Còn chú Hai này, muốn gì mà kêu tui bằng má, tui không có của cái gì đâu, đừng tưởng ngon mà nhào vô nhận bừa, ghen.

Tôi và những miếng cơm khô róc, bỗng nghĩ, bây giờ bà nội có trèo lên cây ca hát hay đốt áo nướng trứng thần lẫn tôi cũng không ôm bụng cười ngắc nghéo nữa, những chuyện đó đã là

bình thường. Chỉ bất thường là tiếng khóc ban trưa, khóc cho một câu chuyện về một trận chiến xa xôi trong một cuộc chiến đã xa xôi, đã khép lại rồi, đã lạnh những sẹo, ít ra thì đám con nít chúng tôi tưởng vậy. Bằng chứng là những vụ bắn nhau bằng súng nước giữa tôi và thằng Vĩnh luôn làm bà nội cười lăn, cười chảy nước mắt. Cho đến một buổi trưa tháng Mười đờ đẫn, tôi ngờ ngợ, hay cái cười đó là dành cho chúng tôi, nhưng nước mắt khóc cho cuộc chiến xa xôi kia, nơi cha tôi và chú Út Hơn, cha thằng Vĩnh buộc phải đứng ở hai bờ chiến tuyến?

Tôi không biết. Bà nội rất khó hiểu, bởi sáng bữa sau bà ráo hoảnh như chẳng có chuyện gì xảy ra. Bà nội dậy sớm, đi te te lại bàn ăn, trầm trồ tô mì gói má vừa nấu sẵn trước khi ra chợ dọn hàng. Thấy cha phờ phạc, liêu xiêu, bà nội hỏi bệnh gì sao? “Ngủ không được sao? Mắc gì mà mặt mày buồn hiu? Sao ngó tui trân trân vậy?” Cha chỉ cười, không nói. Bà nội đã thật quên chuyện hôm qua hay bà nội chôn nỗi đau đó tận đáy lòng?

Hay tiếng khóc trưa tháng mười chỉ là một cơn mê sảng băng quơ? Giống như ông chồng nào đó thốt lên trong cơn say “Diễm em ơi!”, mà cô Diễm này nhiều khả năng không có thật ngoài đời, chỉ là một nhân vật trong phim, trong tiểu thuyết. Nhưng bà vợ thì ám ảnh cái tên đó suốt, bà uất hận, giận dữ, bà cảm thấy bị mất mát, lừa dối. Giống như thằng Vĩnh vẫn thường chỉ tay lên trời, “Chim kia!” nhưng bầu trời tạnh vắng, và tôi biết thằng Vĩnh nói gạt mình, nhưng vẫn nghĩ, nếu thật là có con chim nào đó bay qua, thì sao? Và sự băng quơ của bà nội cũng nghiệt ngã, cũng hoang đường, rõ ràng cha chỉ quanh quẩn ở Sài Gòn và chú Út thì ngã xuống ở con đường rừng nào đó, xa xôi. Không tin nhưng cha tôi buộc phải lục lọi từng cái ngách ký ức, nín thở, đau nhói, hải hùng khi phát hiện ra một khả năng, một xác suất dù rất nhỏ nhoi, rằng đứa em trai có thể đã từng đối mặt với mình giữa lúc cuộc chiến sắp tàn.

Nên cha không chịu sống lại dù đã sang tháng thứ hai, dù mọi việc đã trở lại bình thường, nhất là với bà nội. Bà ngồi may áo, hỏi áo này tính cho ai, bà cười, cho cháu nội, thằng Hiền, thằng Vĩnh. Cái áo chỉ bằng gang tay. Trước bà, thời gian mềm nhũn, bời rời như cọng bún mắc mưa, vô nghĩa. Nó không ngăn cản được chuyện bà nội trở bàn tay sắp ngửa giữa thực tại và mười năm, hay hai mươi năm trước. Sau một giấc ngủ, bỗng bà nội hai mươi tuổi, không chùng. Tôi tiếc là mình chưa già, để bệnh lẫn có thể chiếm đoạt mình, để tôi buông xuôi, đồng tình với nó. Để có thể trở về trước cái buổi trưa tháng mười ấy.

Khi đó, cha tôi vẫn còn cười, âu yếm và nhẹ nhõm mỗi khi thằng Vĩnh nhảy chồm chồm, chờn vờn trước mặt tôi như một võ sĩ boxing trên sàn đấu. Khi đó, mỗi sớm cha gọi hai đứa trẻ thức dậy, chạy bộ ra công viên, và chúng tôi cùng nhau đá cầu. Nhưng rồi bà nội cất tiếng khóc sau một giấc ngủ dài, mà, lòng người là thứ dễ thương tổn, dòng sông cũng có thể cắt nát, sau đó thì ánh mắt, tiếng nói, nước mắt...

Thằng Vĩnh đôi tánh, nó bỗng ít nói, làm lì, cục cằn. Nó không còn nhìn thẳng vào tôi. Cả lúc ngủ, Vĩnh cũng day lưng lại, điều đó làm tôi day dứt, nằm cạnh nó mà nhớ nó toí bời.

Vĩnh về với nhà tôi khi má nó lấy chồng. Cha đặt nó cạnh tôi, nói, đây là em con. Nó nhòe cười, bôi nước mũi xanh dờn của nó vào miệng tôi, thay cho lời chào. Vĩnh đệt ngắt, nhưng gạt tôi ra rìa trong cuộc chiến giành mạng vú bà nội. Được ít lâu, Vĩnh cũng phải từ giã đôi vú thống dài mát lạnh đó lủi thủi lên gác, mặng cùi chỗ tôi, ngủ khò. Từ nhỏ, nó phá như quỷ sứ, quậy vô phương. Bó tay chân Vĩnh lại, cái đầu nó sẽ lúc lắc, nếu vịn cả cái đầu, con mắt vẫn dáo dác và nếu ta bịt mắt nó lại, ta vẫn cảm giác nó đang chạy nhảy lung linh. Hành động của Vĩnh luôn nằm ngoài những thứ mà cả nhà tưởng tượng được, bản năng, hoang dã và hồn nhiên. Như cỡi cái quần ướt đẫm nước tiểu quăng vào nồi cháo vịt, lấy gậy để bật cầu dao điện, bắt mèo bú chuột, khoái đáí vô... tử lạnh cho mát... cu. Nó thích trèo cây, ngủ ngoẻo trên cây mà không rơi xuống.

Vậy mà cả nhà đều thương Vĩnh, thương đến mức nhiều khi tôi muốn khóc vì ghen tỵ. Với bà nội, với cha, Vĩnh là hiện thân của chú Út Hơn, cũng từng hoang dã, nghịch ngợm, cũng làm cả nhà hoảng hồn khi cầm cây củi đang cháy rượt người lớn chạy ngời ngời, lén múc nước làm gà đổ vào ấm trà của ông cố... Lớn lên, chú cũng làm mọi người chới với khi bỏ học, lấy vợ, rồi bỏ người vợ mới cưới vào bưng, “để coi làm sao họ sống thiếu thốn, khó khăn vậy mà

lại bắn tung bừng”. Vĩnh giống cha, khó đoán trước, đầy ngẫu hứng. Riêng má tôi không thương Vĩnh vì bóng hình nào đã cũ, mà việc dạy dỗ Vĩnh là sự thách thức thú vị so với người chồng mờ nhạt, ẩn mình như cái bóng và đứa con trai luôn uỷ mị, ngoan ngoãn, vẽ cái vòng tròn bắt ngòi đậy là te te vào ngòi, suốt ngày sạch sẽ, chẳng cần thay bộ đồ cũng tinh tươm, như con gái.

Chơi cùng nhau, thằng Vĩnh luôn là người bày đầu, và luôn luôn thắng cuộc. Tôi luôn bị đau và luôn mếu máo cười hờ hơ. Một khoảnh khắc nào đó, khi má tôi ôm siết Vĩnh vào lòng, tôi thấy ánh mắt nó lạc đi, chơ vơ, nó đã ý thức vòng tay ấy có thể chặt, có thể ám áp nhưng không phải của mình. Tôi thương Vĩnh suốt, thương những lần đám giỗ chú Út Hơn, thằng Vĩnh cầm nắm nhang ngoài ra sau, hỏi: “Bác Hai, nói làm sao?”. “Cái thằng, dạy không biết bao nhiêu lần rồi, nói vậy nè, bữa nay rằm tháng hai, nhà mình làm bữa cơm, con mời cha về ăn”. Thằng Vĩnh lóng ngóng nói tiếng trầy tiếng trật, và khi nó cắm nhang vào lư hương, tôi bỗng đọc trên gương mặt nó thất vọng nào nè, nó gọi cha ơi nhưng tuyệt nhiên không có tiếng vọng nào dội lại. Cho đi và mất hút. Cho đi và biệt tăm.

Những dịp đó thì má thằng Vĩnh có về thăm, đôi lúc nhầm, Vĩnh gọi má nó bằng thím Út, như tôi. Nó chạy chơi suốt, và khi má nó đi, nó chỉ đứng chống nạnh trông theo. Nhìn từ phía sau lưng, tôi bỗng nghĩ, không có hai cánh tay chõ vào hông, thằng Vĩnh sẽ gãy ngang, đổ gục xuống. Hỏi làm sao tôi không thương Vĩnh cho được. Hơn nữa, hành động đó làm cha tôi rất hài lòng. Cha và chú Hơn chỉ bên nhau ngót hai mươi ba năm, đầy hụt hẫng, tiếc nuối, và tình anh em đó chúng tôi tiếp nối. Chúng tôi tô màu mới lên bức tranh cũ, một đứa khờ khạo, chậm rãi lại yêu chiều đứa lanh lợi, ngang tàng. Đôi lúc, tôi lỡ tay đánh Vĩnh, nó khoái trá cười vì cuối cùng cũng khích được tôi, nhưng ánh mắt của cha buồn rượi.

Cha khá nghiêm khắc, và tôi phải giấu mình, theo ý cha. Tôi không được phép sai phạm lỗi lầm, dù là nhỏ nhất. Có cảm giác cha đang cố gắng dạy tôi điều gì đó, xa vời hơn việc không thuộc bài, hay tham gia đánh nhau cùng thằng Vĩnh. Nhưng ông muốn dạy tôi điều gì? Tôi buộc phải suy nghĩ nhiều, rất nhiều, nghĩ những chuyện mà ở tuổi tôi không nên nghĩ. Vĩnh ngán ngẩm, gọi tôi là ông ngoại và nó rất bực cái sự ông ngoại của tôi. Bởi nhiều khi đang chơi cùng nhau, tôi bỗng dờ ra, nghĩ, cha muốn dạy tôi điều gì, sao lại dẫn tôi đi họp tổ dân phố? Vừa ăn sáng ông vừa hỏi, như thể đã trễ rồi. Nhưng chúng tôi có mặt sớm nhất, ngồi sù sụ, nhẫn nại chờ mọi người đủ mặt. Cha có vẻ nghiêm túc, ông cầu thị lắng nghe suốt buổi họp, mặc kệ người ta chộn rộn nói tặc, cầu nhau. Và cha về cuối cùng, sau khi xếp ghế, tắt hết đèn trong phòng họp. Cha tôi muốn nói gì với tôi khi mỗi Quốc khánh, lễ lạt, ông tự giác treo cờ, phờng khóm phát động phong trào nào, nhà tôi luôn gương mẫu đi đầu. Cả ông già chẳng gây bên xóm sáng nào ra ban công súc miệng cũng phun nước qua mái hiên nhà bên này, nước dãi cứ chảy tuôn tuôn, cha cũng nín nhịn. Tôi tức mình, thất vọng, tôi không biết tránh và chạm là tránh xây xước, tránh khui miệng một vết thương. Cũng là một cách che chở tôi khỏi những thương tổn. Chỉ đến dịp trường xét học sinh ưu tú để nhận bằng khen cấp thành phố, tôi không được chọn chỉ vì lý lịch của cha có chút vết đen, hiểu ra chút ít, tôi thoải mái hơn. Có tám chục cái giấy khen thì cũng không đổi được sự nhẹ nhàng này. Nhưng cha vẫn rầu rầu... Bởi cha biết đôi khi ta phải trả giá lớn dù chỉ mang một lỗi lầm nhỏ. Trong ông luôn có dự cảm chia lìa, nếu không vì buổi trưa lạt nhách lạt nhiều kia thì một ngày nào đó, trong một va chạm nào đó của tôi với cuộc đời, cha cũng lịm chết vì tự trách mình. Vì người ta vẫn có thể bị trừng phạt dù không phạm lỗi lầm nào, ví dụ như tôi bị thằng Vĩnh day ngang, không đếm xỉa gì nữa vì một cuộc chiến tranh không mắc mớ tới tôi, tới nó. Có lần, tôi mơn trớn, ngoáy mãi cái đuôi rùa sau gáy Vĩnh, tôi muốn nó quay lại, dù là sừng sộ, nạt nộ (nhưng tôi sẽ được nhìn vào mắt nó), “thôi ghen ông ngoại, tui động vô mặt ông bây giờ đó”. Nhưng thằng Vĩnh không nói, nó học lên và đề nghiến lấy tôi. Tôi ghen thờ, tôi thấy mình vùng vẫy một cách tuyệt vọng trong ánh nhìn tối, đen ngầu, vằn lên những tia máu li ti của Vĩnh. Tôi cố cười, méo xệch, “Ê Vĩnh, đừng chơi vậy chứ, tui mình là anh em mà”.

“Anh em...”, Vĩnh nhại lại, cười khan, nó buông tôi ra, càu càu bỏ ra ngoài, tôi vẫn còn nghẹn thở. Tôi lẫn lộn, tôi đau nhói. Tôi xuống nhà, lặng lẽ ngồi nhìn bà nội ngủ say, không biết bà đã đau, đã day dứt đến mức nào khi hai đứa con trai của bà lại đứng ở hai bờ chiến sự, đến nỗi trong cơn quên nhớ lẫn lộn, lại để tiếng khóc rơi ra. Để cha tôi, thằng Vĩnh loay hoay hoài một trưa tháng mười xưa.

- Thằng Út Hơn của má quơ tay nhảy cà tưng kêu em nè anh Hai, em nè, Út Hơn nè nhưng bây vẫn bắn. Má thấy rõ ràng...

Những buổi trưa tháng mười mờ, lọt lại quay về trên khu phố nhà tôi. Má không có cơ hội nào để nhìn hoa nắng nhạt rụng trên sân, ở khu chợ thưa người, nóng la mày mặt, má ứ hự xếp lại mấy cây thuốc gò dẻo nhẹ. Cha cũng chẳng ngó ngàng gì hoa nắng, lặng lẽ ngồi đánh máy một cái đơn tranh chấp đất đai của khách hàng, gương mặt quắt quay, bàn tay như những vụn xương khô, cứng quèo bởi ý nghĩ, có thật mình đã bán đứa em ruột thịt của mình? Bà nội ngủ trưa, mặt nhiều khi cau lại, nhiều khi rên khẽ, dường như những cơn chiêm bao đang tàn phá sự sống của bà. Hai đứa trẻ trốn ngủ, ra sân, tôi trèo lên cây thả những khúc cành khô xuống đầu Vĩnh với hy vọng Vĩnh sẽ quăng trả, sẽ sập bẫy, cuốn vào trò chơi của tôi. Sẽ ném vào nhau rất những nụ cười. Và tôi cứ chờ đợi mãi...

Tình dục và văn chương nữ giới trong nước Nguyễn Mạnh Trinh



Truyện ngắn “ Cánh Đồng Bất Tận “ của Nguyễn Ngọc Tư như thế nào mà lại gây ra những cuộc tranh luận sôi nổi như vậy và dẫn đến việc cô bị “ kiểm điểm “ bởi những giới chức cầm trịch văn học ở địa phương ..Truyện có bốn nhân vật chính và không gian là những vùng đồng ruộng hoang vu nơi chăn nuôi một đàn vịt, sinh kế của một gia đình sống lang thang trên những vùng sông nước . Bốn nhân vật bốn cá tính . Cô gái điếm , sau trận bị đánh ghen tàn nhẫn , đã nhảy lên chiếc ghe của một gia đình bé nhỏ gồm ba cha con.. Người cha , bị vợ bỏ vì bà này ham muốn những vải vóc của một người buôn bán tạp hóa dạo bằng ghe và bỏ nhà đi theo, để lại một mối hận thù đàn bà trong lòng người chồng. Hai chị em , sống cô đơn ở những vùng vắng bóng người , có tâm tính bất bình thường của những người bị dồn nén. Nhất là người em tên Điền , một cậu trai mười bảy tuổi , đã chứng kiến cảnh người mẹ ngoại tình và cũng thấy người cha bạc tình lạnh lùng bỏ rơi những người đàn bà sau khi chiếm đoạt thân xác họ, nên tâm tính trở thành người bất thường , lúc thì tàn ác , lúc thì lạnh lùng không để ý tới chuyện sinh lý mà tuổi dậy thì phải có . Người chị kể “Điền mười sáu tuổi, nó có thể mãn nguyện nằm bên tôi, dái tai để mặc tôi mân mê. Điền đã lạnh ngắt . Nó đứng đưng nhìn những đứa con gái làm cỏ lúa ,quần xoắn cao , đùi non mơn. Đôi lúc bắt

gặp những đôi người quần nhua giữa các chòi ruộng hay lùm cây, nó khinh khỉnh cười khào..”. Và, kết cuộc là Điền đã bỏ đi theo một người đàn bà phong trần sành sỏi chuyện xác thịt. Đòi cha ăn mặn, đòi con khát nước, thằng con trai thì bỏ đi theo sinh lý đòi hỏi và người con gái thì bị hãm hiếp trước mặt mình, có phải tác giả muốn nêu lên một góc cạnh của luật nhân quả? Nhân vật có nhiều cá tính nhất trong truyện vẫn là người đàn bà làm điểm nông thôn, dù bị đòn đau, đến nỗi đồ keo hàn sắt vào cửa mình nhưng vẫn lạc quan và gương dạy được trong những nỗi nhục nhã của một người hiểu được thân phận của mình. “cha đưa chị một ít tiền ngay trong bữa cơm, khi cả nhà đủ mặt,” Tôi trả cho hồi hôm..” rồi cha điền nhiên phủ đít đứng đĩnh đứng lên, sự khinh miệt và đắc thắng no nê trong mắt. Chị nhét tiền vào trong áo ngực, cười “Trời ơi, ba mấy cứng sộp quá chừng..”. Người đàn bà ấy, lúc thì ngây thơ, nhưng cũng có lúc lại tinh cảm. Hành động hiến thân cho những “ông cán bộ” để cứu đàn vịt, nguồn sinh sống của gia đình nhỏ nhoi như một phản diện của vóc dáng người đàn bà này. Rồi thì, phải bỏ đi vì sự nhục mạ nặng nề của người đàn ông mà chị chớm có cảm tình..

Nhiều người kết tội Nguyễn Ngọc Tư đã quá tay khi phác họa những nhân vật bệnh hoạn và những hoàn cảnh quá sức bi đát. Những nét hiện thực tạo thành một thế giới đen tối, của nghèo nàn, của những bất mãn càng ngày càng tạo thành sức ép khiến cho con người bị đẩy vào cùng đường không có ngõ ra. Một người cùng nữ phái như Phạm Thị Ngọc Liên viết: “Tiêu biểu, trong thời điểm 2005, Cánh Đồng Bất Tận của Nguyễn Ngọc Tư được xem như “một bút phá ngoạn mục” so với cách viết thật thà, nhà quê trước đó của cô. Cây bút nữ được yêu mến bởi những tác phẩm về nông thôn Nam Bộ với những nhân vật “hiền như cá rô kho tộ” bỗng trở nên táo bạo ác nghiệt nhấn tâm trong Cánh Đồng Bất Tận. Cùng những con người ấy, nhân vật ấy, chợt đậm đặc như một thứ dục tính cuồng bạo. Không ít người vốn yêu quý giọng văn Nguyễn Ngọc Tư trước đây đã phải kêu lên” Ghê quá “.

Đọc xong Cánh Đồng Bất Tận, cái cảm giác tương tự khi đọc một truyện kích dâm không có, với tôi. Mà, bàng bạc trong ý nghĩ những hình ảnh của một xã hội, vừa nghèo đói, vừa bất công hiện ra. Những con người, trong những hoàn cảnh khắc nghiệt của cuộc sống, đã bị lôi đi trong những vòng xoáy thăm thẳm để bị nhận chìm tất cả xuống đáy sâu. Nhưng, hình như tất cả không phải chỉ là đen tối. vì khi nhân vật Tôi sau khi bị hãm hiếp vẫn còn có được những ý nghĩ thật nhân ái:” Không biết con có bị có con không cha? Nó hơi sợ hãi. cảm giác một cái gì, nhỏ xíu nhưng lạnh lợi như con lẳng quăng đang ngập lặn trong nó. Đưa con gái thoáng nghĩ, rót nước mắt, trời ơi, có thể mình sẽ sinh con. Nhưng nó chấp nhận việc ấy, dù phũ phàng (với nó, chấp nhận cũng là một thói quen),

Đứa bé đó, nhất định nó sẽ đặt tên là Thương, là Nhớ, hay Dịu, Xuyên, Hường.. Đứa bé không cha nhưng chắc chắn được đến trường, sr tươi tỉnh và vui vẻ sống đến hết đời, vì được mẹ dạy, là trẻ con, đôi khi nên tha thứ lỗi lầm của người lớn”.

Lỗi lầm? Của ai? Có phải là của một xã hội bất công nghèo đói và chậm tiến?

Bạn nhậu cũ

Hắn chịu thiệt là mình mê chơi, ham vui, và vì thích chơi vui nên khoái nhậu. Còn gì buồn bằng việc phải về nhà sớm vào những buổi chiều cuối tuần diu diu nắng, gió nhẹ hiu hiu, phải ngồi một mình trong những buổi trưa trời mưa rả rích. Có gì vui bằng được ngồi trong một cái quán nào đó, hơi ồn ả, phức tạp một chút. Ở đó, mỗi người mang tới một màu sắc mùi vị, một tính cách khác nhau, đa dạng như cuộc đời tươi đẹp này. Họ có thể không có lý do gì rõ ràng hết, cũng có thể vì gặp người bạn cũ lưu lạc lâu rồi, một hợp đồng kinh tế mới ký, buồn do thất

ting, vui vì mới cưới vợ xong... và niềm tự hào duy nhất của hắn khi ngoái nhìn lại nửa đời bia bọt là có lúc hắn đi quán chỉ vì nhớ cha, nhớ quá trời.

Ngày xưa, cứ năm ba bữa hắn lại chở cha đi nhậu. Đó là những bữa hắn bỏ rơi đám bạn bè mà không đưa nào dám giận, có đưa còn ngồi tằm tắc, ước gì tao còn ông già, đưa khác nghe lòng thẹn thứa, lâu rồi mình không về thăm, ăn một bữa cơm với ba, chỉ đoàn tụ được mấy bữa giỗ nhưng hôm đó, ông già khề khà chung mâm của ông già, con ngồi cụng ly với đám bạn cùng cơ quan, nhậu nhẹt vốn là chuyện ít câu nệ nhất, xuề xòa, hòa đồng nhất mà hai ba con còn không thể sánh vai ngồi, nói chi... Nên hắn được bạn thương lắm, nể nhiều, tụi nó tò mò theo hỏi: "Nhậu với ông già, vui hôn mậy?"

Hắn nói vui, vui lắm, ít ai kiếm được một ông bạn nhậu quý như vậy. Khi đi hắn chở cha, lúc về, cha sợ hắn say, nên cha giành chở. Ngồi lâu nhưng uống không nhiều. Cha hắn thường bảo, uống ít còn nhiều, còn bạn bè, còn tự chủ, còn nhân cách, còn là mình, uống nhiều mất hết. Rượu bia là thứ để thưởng thức chứ không phải nốc vô tội vạ để khoe tài. Cái thức uống này là để rạng rỡ lòng chứ không phải tiêu sấu. Nên hắn vô chừng hai ly là có thể nói chuyện cởi mở với cha như một người bạn đồng niên. Có bữa, hắn ngà ngà say nên nổi hứng đọc bài thơ con cóc, cha cười, "vậy là cha biết làm sao con thích la cà quán nhậu rồi, để hứa hẹn như đinh đóng cột với mọi người cái chuyện mình không bao giờ làm được, gõ cái chén ca bằng cái giọng tề... không chịu được, nói cho hả hê những ầm ức trong lòng... tất cả những chuyện đó, lúc tỉnh, con không bao giờ làm". Hắn cũng cười, "Nhậu cũng khổ lắm cha ơi, đầu tháng có tiền, nhậu toàn món sang. Cuối tháng, còn chừng mười ngàn trong túi dành ngồi nhậu với đạu phụng luộc, cá khoai khô. Lúc này kể ra thì xấu hổ đây, đi ngang quán quen chạy thiệt chậm coi có thằng bạn nào ngoác lại không, ngoác nhẹ mình tự ái chạy luôn, ngoác mạnh mình ghé lại, tình bạn nhiệt thành vậy, con phụ sao đành". Cha cười ha ha, cái thằng...

Hắn giống cha, giống nhất là nhiều râu. Râu cha xồm xoàm, cứng tua tủa, ngả màu bạc, râu con cạo sạch nhưng vẫn xanh rì dưới làn da. Hắn càng uống càng đỏ mặt, cha càng uống càng xanh. Hắn nói với cha về những khó khăn trong công việc, về con bạn hắn thương sắp lấy chồng (đặc biệt chuyện này lúc tỉnh để gì hắn mở miệng), cha ờ ờ, hỏi trẻ, cha cũng bị thất tình hoài. Hắn ngạc nhiên, "cha nói chơi, "cứng" như cha, từng vào sinh ra tử với quân thù, cung biết cảm giác nẫu ruột khi mất người yêu như đám thanh niên bây giờ sao?" Tự nhiên hắn thấy giữa mình và cha hình như không còn khoảng cách nào hết, vì có thể nói và nghe nhau. Có lần, hắn còn kêu cha lấy vợ đi, lấy cô giáo già thương cha hoài, chờ cha hoài đó. Cha cười, "cha già rồi". Hắn gạt ngang, "Già đâu mà già, cha còn "ngon" lắm, lần nào cha con mình nhậu con cũng say trước...". Cha hắn bật cười, cái thằng uống rượu như xe bồn mà dám già đồ say. Nhưng có điều chắc cha chưa biết, hắn làm vậy để được cha che chở, dịu dặt như ngày còn bé. Đàn ông lớn xác vậy nhưng đôi lúc vẫn thèm, đời ngoài kia trần trụi và khốc liệt quá mà...

Rồi một ngày, hắn đến quán một mình, ngồi chỗ cũ, gần song cửa đóng bằng thẻ tre bù xè đã ăn thủng lỗ chỗ, phấn rắc lấm tẩm mặt bàn. Hắn đòi hai cái ly, một đĩa đạu phụng rang, run rẩy rót rượu tràn ra bàn rồi đầu đầu nhìn về chiếc ghế trống trước mặt. Cha hắn đi rồi, đi xa lắm, cô phục vụ xinh đẹp rụt rè ngồi xuống chỗ cha thường ngồi, cô bảo:

- Hôm rồi xe tang đi qua, em thấy giống bác, em đã ngờ ngợ... Hồng ngờ...

Hắn không nói gì hết, sợ mở miệng ra sẽ bật khóc. Đàn ông đàn ông ai khóc trước mặt con gái, kỳ.

Sau này gặp lại, cô phục vụ cười:

- Chừng nào em lấy chồng, em sẽ chọn một người y hệt anh, một người có thể chở cha mình đi nhậu. Bây giờ, ít người làm vậy lắm - Rồi cô nghẹn ngào - Sao thấy anh em nhớ bác quá, anh à.

Người tri kỷ xưa vừa đi, người tri kỷ khác lại đến.

Cha mất hai năm, cô phục vụ nọ thành vợ hắn, người vợ duy nhất không cần nhằn khi chồng đi nhậu, vì cô biết, có lúc chồng mình cũng bỏ mặc đám bạn bè để một mình đến quán cũ, ngồi nhớ thương người bạn nhậu cũ. Nói cho cùng, la cà ở quán nhậu cũng hỏng phải là chuyện xấu lắm...

Tác phẩm đặc trưng của Nguyễn Ngọc Tư Mai Ninh giới thiệu

Mút Cà Tha là cù lao đơn độc hiu hắt nằm cuối một con sông, bên rừng mắm. Nơi có những gò đất chôn cất từ trẻ em đến người lớn, đa số chết vì bệnh chỉ do không có được một thầy thuốc hi sinh đến ở chốn này. Dân làng phó mặc cho rủi may, ngoài ông trưởng ấp. Người đàn ông đầy tình nghĩa và quyết tâm “không chết vì bệnh, chỉ vì già” sẽ làm gì để đem đến một đời sống an lành đảm bảo hơn cho đám dân nghèo cam phận của ông?

Nguyễn Ngọc Tư, như từ những ngày đầu tôi đọc tập “Ngọn Đèn Không Tắt”, với tâm áo ngoài bình dị nhưng gói bên trong tất cả sâu xa lắng đọng - trong ý tưởng lẫn ngôn từ, đã đưa tôi lên một chiếc xuồng xuôi dọc con sông Dài, như nhân vật trong “Thương Quá Rau Răm” dưới đây, để bước vào thế giới nhỏ nhoi nhưng đượm tình người chân chất lại luôn luôn phảng phất một nỗi gì u hoài thiên cổ. Thế giới của con người tận cùng miền đất Việt Nam.

Tôi ngồi trên xuồng và để mái chèo của Nguyễn Ngọc Tư đưa đi, chị rất tài tình đổi thay nhịp nước. Mút Cà Tha buồn thế, vậy mà Nguyễn Ngọc Tư đã đẩy lên trong tôi bao nụ cười cùng thú vị bất ngờ. Văn chương mà không cần cầu kỳ ẩn dụ nhưng đem được cho người đọc những xúc cảm như thế, không phải nhà văn nào cũng có khả năng.

Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư Thanh Vân



Tuy chỉ là "bình mới rượu cũ" nhưng vì là rượu thật, rượu ngon nên người "uống" phải tấm tắc khen.

Tên sách: *Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư*

NXB Trẻ - Thời Báo kinh tế Sài Gòn, 12/2005.

Nói "bình mới rượu cũ" vì quyển tạp văn này chỉ là một tập hợp những bài Nguyễn Ngọc Tư đã đăng trên báo. Chị không ít lần phải xin lỗi độc giả việc vài NXB thỉnh thoảng lại tập hợp những

truyện chị đã đăng, đã in thành một tập sách mới. Khi biết mọi người kéo nhau đi mua, chị áy náy, lờ người xem phật ý... Thế nhưng, nếu là người yêu văn Nguyễn Ngọc Tư, vô tình đọc lại những gì chị viết cũng đâu thừa. Với quyển tạp văn này cũng vậy, đã liếc qua đâu đó trên báo, tạp chí rồi, đọc lại vẫn thấm thía giọng văn sâu thẳm tình quê của một nhà văn có bút lực dồi dào cả về ý tưởng lẫn cảm xúc.

Chính vì thế, sau đợt xuất bản đầu tiên với số lượng 2.000 cuốn vào cuối năm 2005, đầu tháng 1/2006, sách đã được tái bản với số lượng 5.000 cuốn và hiện nằm trong danh mục sách bán chạy của NXB Trẻ.

Thủng thủng, nhỏ nhẹ như người con gái quê đang vừa hái rau muống vừa kể chuyện, những câu chuyện lúc thì da diết lúc lại hóm hỉnh, tưng tưng, vui vui, tạp văn Nguyễn Ngọc Tư có sự kết hợp rõ nét giữa văn và báo. Nếu như ở truyện ngắn, Nguyễn Ngọc Tư chưa chạm nhiều đến "kinh tế, chính trị" thì trong tạp văn, chị bộc lộ cái nhìn của mình về chuyện lúa chết non, tôm chết lãng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, chuyện giữ đất hay bán đất, chuyện quan lại những nhieu, hạch sách người dân trong *Ngậm ngùi Hưng Mỹ, Đi qua những cơn bão khô, Ngơ ngác mùa dưa, Chờ đợi những mùa tôm, Làm cho biết, Kính thưa anh nhà báo...*

Trong quyển tạp văn *Nhân trường hợp chị thổ bông* của cây bút Thảo Hảo (nhà văn Phan Thị Vàng Anh) cũng có bài viết về cái khổ của người nông dân trước nạn ốc bươu vàng. Thảo Hảo viết sắc, gọn, đanh, đưa ra những thống kê, bảng so sánh chi tiết, dẫn chứng khoa học cụ thể. Vì thế, đọc Thảo Hảo xong người ta thấy tức tối vì cái sự "mù mắt" của những người có trách nhiệm trước thảm họa ốc bươu làm khổ nông dân.

Nguyễn Ngọc Tư cũng có bài viết về cái khổ của người nông dân trước dịch ốc bươu vàng. Viết không đanh, không sắc nhưng mà sâu, đọng, day dứt: "Tôi đi học xa, chiều thứ bảy về nhà bắt ốc. Cả nhà bắt ốc, cả xóm bắt ốc, cả tỉnh bắt ốc. Lúc sức trẻ tôi rệu rã thì má tôi vẫn chăm chăm từng con ốc theo mỗi bước chân thụt lút dưới sình... phải lượm lại ốc để gieo sạ đợt hai... Má già sọp như trăm ngày góp lại... Mắt tôi nhức, rưng xuống những giọt nước mắt trong và mặn..." (*Mơ thấy mùa đang tới*).

Tình người, tình quê và chút tình riêng đan xen hoà quyện vào nhau trong *Đất Mũi mù xa, Xa Đầm Thị Trường, Quán nhó, Tháng Chạp ở rạch Bộ Tòi, Lời nhắn, Sân nhà...* Tôi tin chắc những độc giả thích đọc văn Nguyễn Ngọc Tư không ít lần sẽ thấy sống mũi cay xè khi đọc truyện của chị. Vì người viết đã biết cách đưa vào những chi tiết lay động lòng người. Với tạp văn, Nguyễn Ngọc Tư cũng có được sức rung cảm từ những chi tiết như thế. Đọc hết 35 tạp văn của chị, gập sách lại vẫn còn vương vấn hình ảnh những người nông dân tảo tần, lam lũ rưng rưng cầm con tôm chết trên tay, hình ảnh chợ quê, cái lu, khạp muối, vườn cây trái xào xạc, món canh măng tre mẹ nấu vàng óng ánh cả trưa hè.

Nhà văn Nam Cao nói: "Sống rồi hãy viết!". Những trang văn của Nguyễn Ngọc Tư đều đi thẳng vào lòng người đọc có lẽ vì chị đang tập sống, nghe, nhìn, trải lòng với miền quê của mình. Chính vì vậy, những trang tạp văn không chỉ để giải trí mà còn để người miền khác hiểu biết về đời sống của một vùng đất, và để cho chính những người sống ở vùng đất đó kịp nhận ra được dù không đi đâu đất cũng hóa tâm hồn.

Có lần trả lời phỏng vấn, Ngọc Tư nói vui: thích viết tạp văn vì nhẹ nhàng và dễ kiếm được ít tiền trang trải cuộc sống hơn viết truyện. Nhưng đọc tạp văn của chị thì không thấy "nhẹ nhàng" chút nào, bởi vì bên trong vỏ bọc của giọng văn đó người ta thấy ẩn sâu nỗi niềm của một người con đất Mũi. Viết vì thương quê, thương cái nghèo, cái khó, cái mộc mạc, chân sơ của nơi mình sinh ra, lớn lên, nơi mình hít ngậm nước mưa trong lành ở cái lu đầu ngõ, nơi mình hâm nồi cơm nguội buổi chiều, nướng con khô cá lóc, cá sặt, nháp chén rượu cay mà thương quê đến nao lòng.

Thương quê nghèo đến độ phải thốt lên: "Làm nông dân mà, cực từ đàng Đông, Tây, đem lại, cực từ Nam, Bắc cực vô, cực từ trên trời rơi xuống" (*Mơ thấy mùa đang tới*). Thế nhưng, than là than vậy trang viết nào kết lại vẫn lấp lánh niềm tin. Bởi vì vốn cái tạng của dân "Hai Lúa" là lạc quan. Tôm chết đợt này, nuôi đợt tôm khác cẩn thận hơn, lúa chết đợt này gieo đợt lúa mới đúng kỹ thuật hơn, đời mình chưa sướng thì làm hết sức để đời con cháu mình sướng hơn.

Nằm trong bộ sách ra mắt bạn đọc cả nước nhân dịp 15 thành lập *Thời báo Kinh tế Sài Gòn* gồm những cuốn tập hợp nhiều bài viết, nhận định, đánh giá mang tính chuyên môn cao của những doanh nhân, nhà nghiên cứu, khoa học nổi tiếng về kinh tế Việt Nam, tưởng như *Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư* rất lạc loài. Thế nhưng, đọc rồi mới thấy những điều chị viết cần thiết lắm, gắn bó lắm với nỗi niềm đau đáu chung của những nhà khoa học cho sự phát triển của nước nhà (*Để nông dân giàu lên* - Võ Tòng Xuân, *Doanh nhân, doanh nghiệp và cải cách kinh tế* - TS Lê Đăng Doanh, *Góp vào đổi mới* - Nhiều tác giả...).

Lớn lên từ những ngộ nhận

Làm sao giải thoát được sự cô đơn, làm sao nói với nhiều hơn một người, tôi tự hỏi mình câu hỏi đó khi bắt đầu tuổi mười tám trên một mảnh vườn thênh thang vắng rợn bóng người. Những năm sau đó thật là dài, như vô tận, với một đứa trẻ luôn cần sự sôi động. Và tôi viết văn. Câu hỏi mà những người thân đặt ra khi nhìn thấy những trang viết đầu tiên của tôi là “tại sao con viết văn?”. Tôi bảo rằng, tại con buồn.

Đó là ngộ nhận đầu tiên của tôi về nghề viết, tôi tưởng viết là sẽ không cô đơn nữa. Nhưng cô đơn là sự tối cần của người viết, nó là một điều kiện hàng đầu của nhà văn. Không một người viết hay nào tôi biết mà không cô đơn, không một thần tượng văn chương nào của tôi mà không bị cô đơn giày vò. Và để chạy trốn nỗi cô đơn trong giao tiếp đơn thuần mặt nhìn mặt, tay nắm tay, việc viết văn đã dẫn tôi đến sự cô đơn khác, đó là ở giữa đám đông mà họ không thấy tôi, hoặc họ thấy một cái gì đó giống tôi, họ tưởng là tôi, nhưng tôi đang đứng ở một chỗ khác, một mình, chờ một bàn tay chạm. Khi người ta bằng mọi cách chạy trốn sự cô đơn thì tôi, và những đồng nghiệp của tôi lại nuôi cô đơn, cho nó ăn để duy trì sự cô đơn tồn tại trong người mình cho cái gọi là sáng tạo văn chương.

Với lý do đó, tôi bắt đầu một ngộ nhận khác, rằng văn chương là công việc đơn độc, đó là công việc thuần túy cá nhân, ít ảnh hưởng đến những người chung quanh. Nhưng khả năng tác động của văn học với mỗi độc giả đã dạy tôi rằng, một khi tác phẩm đến với bạn đọc, nó không còn là của tôi, và tư duy theo cách của tôi nữa. Mỗi người đọc có một cách nghĩ khác nhau. Nhà văn luôn ở trong tâm thế của một người mẹ phải đưa đứa con ra đường, và để cho nó tự sống, được nâng niu hay ruồng rẫy, được chăm sóc hay chà đạp, bà mẹ không thể làm gì, bởi đứa con đã vượt ra khỏi tầm tay bà. Một người viết dấn thân luôn gặp phải va chạm giữa những tư tưởng, những kiểu hiểu và hành xử khác nhau. Đó là công việc không an toàn chút nào, nó đầy rủi ro, bất trắc. Người viết cũng là một người lính. Tôi hoàn toàn thích cách ví von này, nó làm cho tôi có được một lý do để yêu nghề.

Bởi tôi đã tưởng mình không yêu thích, không đam mê viết. Tôi chỉ nghĩ, đó là một nghề sống được, như người thợ máy, như người thầy giáo, như một viên chức mẫn cán... Tôi sẽ rời bỏ công việc này khi nào tôi không thích nữa. Nhưng văn chương đã ở bên tôi vào những lúc mệt mỏi và kiệt sức nhất, những lúc tôi hạnh phúc, thăng hoa nhất. Và giữa lúc này đây, ở giữa các bạn, những người thuộc một quốc gia khác, với một văn hoá chính trị khác với đất nước tôi, tôi thấy mình yêu công việc sáng tạo văn chương hơn bao giờ hết, yêu vì ngạc nhiên trước khả năng chia sẻ của văn học, đã vượt qua khỏi những biên giới địa lý, những rào cản ngôn ngữ, những khác biệt của lối sống. Tôi vốn là người hay xây những bức tường quanh mình, bỗng một ngày nhận mình cũng có khả năng bắc một nhịp cầu. Và tôi có thể đến với người, nếu muốn.

Tôi sinh sống ở vùng đất Nam Bộ, và những tác phẩm của tôi đều viết về đất và người Nam Bộ. Mảnh đất cuối cùng của đất nước tôi hay mang một cảm giác nhọc tiều của vùng đất mới khai phá, không có cái nền văn hoá dày và sâu, nằm xa những trung tâm văn hoá kinh tế lớn, giáo dục, đặc biệt là văn học ít có thành tựu, không được đánh giá cao trong giới cầm bút, trong những tổng kết của văn học Việt Nam. Bất cứ người viết văn nào xuất hiện ở vùng đất này đều được sự đón nhận nồng nhiệt, tôi cũng vậy. Được xem như một đặc sản của miền Nam, một người viết Nam Bộ thuần tuý, nhận nhiều kỳ vọng của mọi người, đặc biệt là đồng nghiệp, tôi sung sướng, và thấy hài lòng, mình đã làm việc đó cho quê hương, cho mảnh đất này.

Nhưng sự trải nghiệm của tuổi tác, của thời gian đã làm tôi nhận ra, những gì tôi viết là không gian của riêng tôi, của sự tưởng tượng và sáng tạo. Những đất ấy, người ấy, tôi chỉ mượn cái hồn cốt, giai điệu của Nam Bộ để chuyển tải. Thổ ngữ địa phương chỉ là phương tiện thể hiện ý tưởng và câu chuyện của người viết. Chúng được mọi người xem là phong cách riêng của văn tôi. Nhưng thực chất đó chỉ là một lớp vỏ, tôi muốn bỏ qua cả lớp vỏ đó, để tận mắt thấy trên mảnh đất này, người đời đang lạnh hay ấm, vui hay đau qua làn da, qua từng vết tím, từng cái se lại của lỗ chân lông, thấu thị tận tâm hồn, như một người hành hương về chốn tâm linh không cần bất cứ phương tiện hiện đại nào, chỉ bằng đôi chân trần. Những gì tôi viết, tình yêu, sự dối trá, thù hận, sự tha thứ, hay trả thù, tôi tin rằng chúng xảy ra ở bất cứ vùng miền nào trên trái đất này. Bởi đâu đâu cũng những thân phận, những số phận con người.

Nghề viết, văn chương vốn gây nhiều ngộ nhận, ngộ nhận liên tiếp ngộ nhận. Ngộ nhận ngay từ trên tác phẩm, tưởng chỉ là con chữ nhưng bỗng đâu nhân vật với đầy đủ xương thịt sống động mím cười. Tỉnh ra là sự thất vọng bàng hoàng giữa ý tưởng và thể hiện thực tế; giữa cuộc sống bề bộn nóng hổi và sự xa lạ lạnh lẽo của trang viết; giữa thực tại và mơ ước, khát vọng văn chương; giữa cái cảm giác của một người viết ra tác phẩm và của một người đọc để nhìn nhận nó theo cách khách quan.

Tôi luôn tự hỏi, mình đã đủ tỉnh táo chưa, đầu mình đã đủ lạnh chưa cho một trái tim quá nóng ? Những trang viết này có làm mình xấu hổ không, có đi vào lòng người không, có khiến người ta nhớ không ? Những câu hỏi đặt ra chỉ là cách để tôi không phải vướng vào một ngộ nhận sơ đẳng nhất, nhưng dễ giết chết người viết văn nhất, đó là ảo tưởng về mình. Tôi sợ mất mình, sợ lạc mình ở một nơi mà cả đời không tìm lại được vì tưởng mình đã ở quá cao. Thực tế, trong văn học không hề có đỉnh cao nào, và tôi chỉ là người viết cô đơn ngơ ngác bên chân núi.

Chỉ cần giữ được mình, dù thời gian tiếp nối, những ngộ nhận cũng tiếp nối, lên một bậc thang, ngoái nhìn bên dưới, tôi sẽ nhìn rõ hơn con đường mình từng đi. Nó in hằn những bước chân lúc thẳng, cương quyết, lúc chệch choạc, ngập ngừng.

Ngày mai, khi nghĩ về những gì tôi phát biểu trong cuộc gặp gỡ này, rất có thể tôi sẽ tự cười mình. Bản thân tác phẩm của mỗi người viết văn đã nói lên nỗi buồn, nỗi cô đơn, tư duy sáng tạo, cách nhìn cuộc sống... diễn giải bản thân ngoại phạm vi tác phẩm, mong nhận được sự đồng cảm của các bạn, có thể sẽ là một ngộ nhận khác.

Sự quyền biến sâu thẳm của công việc viết văn khiến tôi có những giấc mơ đại đột của riêng mình và khi tỉnh dậy, tôi luôn thấy mình lớn lên.

Phụ đính :

Cúi vọng người xưa

Không thể một ngày một bữa mà liệt kê hết những khác biệt giữa thế hệ của má và tôi. Cũng như khi hai má con ì ạch trèo lên chiếc xe để chuẩn bị cho chuyến đi xa, tôi chợt nhận ra ngay trong những chuyến đi như thế này, lúc chiếc xe cũ mèm xùng xèng từ từ lăn những vòng bánh đầu tiên, cảm nhận trong lòng mình với má cũng khác. Tôi thấy mình bùi ngùi như chiếc lá bị bứt lìa cành (mỗi lần bước chân ra khỏi nhà tôi luôn có cảm giác kỳ cục đó). Má tôi lại khác, mỗi chuyến đi như thế này, má nôn nao như được về nhà-cửa-mình, về một cảnh cội nào đó mà dòng họ má đã bị bứt lìa ra từ lâu lắm. Bởi chuyến đi này, má về Hà Tiên.

Không có gì đặc biệt đâu, cái thị xã nằm cheo leo bên biên giới. Biển Hà Tiên không xanh lắm, núi Hà Tiên không cao. Không có gì đặc biệt, để kỳ vọng, để chờ đợi, nhưng đó là nơi ông tổ họ của má tôi nằm xuống, gởi nắm xương lưu lạc trên những ngọn núi xanh rì.

Má tôi họ Mạc. Người ta nói rằng chi tộc họ Mạc ở Cà Mau là chi tộc đông nhất của họ Mạc Hà Tiên. Những năm tháng chiến tranh loạn lạc như cơn lốc bốc một số người Hà Tiên ném đến tận cùng Đất Mũi. Vậy nên, năm nào cũng vậy, cùng với bà con trong họ, má tôi hành hương về Hà Tiên cúng giỗ Ông – Khai trấn quốc công Mạc Cửu. Buổi chiều má còn xắn quần lội ruộng dậm lúa, quăng phân, chạng vạng má biểu tôi tổ con mắt cạo phèn móng chân giùm má để tí nữa má lên xe làm một chuyến xa nhà.

Đoàn người đến Hà Tiên là một đoàn lữ hành nghèo, giản dị nhưng vui một cách kỳ lạ. Trên chiếc xe dò cũ kỹ cộc cạch, đông đảo nhất là con nít, không có đủ tiền mua vé, người lớn trải chiếu ngồi bệt dưới sàn xe nhường ghế cho trẻ con ngồi. Chen trong tiếng kêu lảm rảm của những cái cửa kính xe long lên khi qua đoạn đường xấu, là tiếng vụ mùa rôm rã qua những lời thăm hỏi, là tiếng trẻ con ríu rít háo hức mơ về nơi sắp đến, Hà Tiên.

Dòng họ ngoại tôi giáo dục truyền thống vào hàng siêu việt, dạy từ hồi bé con con từ hồi lít chít như thế này. Những đứa trẻ sinh ra trong dòng họ Mạc, vừa tí tuổi đầu trong lòng đã có Hà Tiên. Hà Tiên xa mà tưởng như gần xịu gần xịt, bởi trong lời cha ông mình dạy, Hà Tiên là nhà. Trong lúc người ta cuống cuống đi tìm cách giữ gìn bản sắc văn hóa thì cái bản sắc văn hóa uống nước nhớ nguồn lại được bà con giữ một cách hồn nhiên.

Vô tình vì những giềng mối sâu tận đáy lòng, thâm tình ràng ruột mà hai miền đất Cà Mau – Hà Tiên gần nhau như trong gang tấc, như mặt đối mặt, như tay này nắm được tay.

Bà con bên má tôi đều là nông dân, vì là nông dân nên phần lớn đều nghèo. Để trong lòng khỏi thấy bứt rứt, có tội với tổ tiên vì lỡ chuyến, bà con chuẩn bị từ lâu lắm. Từ đầu mùa lúa năm trước, má tôi đã ngăn phía dưới đất bờ để dành mười gạ để tháng năm này làm lộ phí đường xa. Hết như má tôi, dì Ba, dì Bảy mót máy từng lọn rau bở vô heo đất để dành từ sau Tết, có cậu Năm, cậu Tám chạy đồ dọc cũng dành dụm khoản riêng nào đó cho chuyến về nguồn.

Ý thức đây là dịp đặc biệt, người họ Mạc ở Cà Mau chuẩn bị về dự giỗ Ông rất trân trọng, chu đáo. Với một tấm lòng thành kính, thiêng liêng, má tôi vẫn tin rằng, có về quỳ xuống cúng bái mộ tổ tiên, sẽ bớt đi bệnh tật, đảm con cháu khỏe mạnh, lúa trúng đầy bờ, làm ăn khá giả. “Những người ăn ở mắt góc sống tới hết đời cũng góc đầu dậy không nổi đầu con à”, má vẫn thường dạy tôi. Má hay kể, từ loạn lạc người họ Mạc có chạy đi đâu, về đất nào cũng nhớ về đất Hà Tiên. Đường về, với mỗi thời, mỗi người mỗi khác. Ngày xưa ông cố má một mình chèo chiếc ghe bầu, ngày chèo, đêm chui vào nóp ngủ. Chiến tranh, ông ngoại tôi trên đường đi công tác cũng tạt qua, sụp xuống, cúi lạy người đã khuất. Trước đây, đoàn đi bằng tàu dò từ

Cà Mau qua Rạch Sỏi rồi mới lên xe đò đến Hà Tiên. Rồi có lần đi bằng ghe biển. Nhàu như vì say xe, say sóng mà vẫn vui, vui một cách tự nguyện, “Ngày xưa có cực khổ mấy ông bà mình cũng ráng về thắp nhang cho ông bà ở trên, bây giờ hòa bình, xe cộ đầy đường, sướng nhiều rồi hồng ráng đi sao được, con?”.

Tôi yêu Hà Tiên từ má, từ những cậu những dì trong họ, từ những chuyến đi như thế này. Những con người chân chất, bình dị. Ra biển không cần áo tắm cứ để nhảy ùm nguyên bộ bà ba. Những món đồi mỗi ốc biển chạm trở công phu bày đầy ở các quầy hàng lưu niệm chỉ là phù phiếm (một món bằng hai ba giá lúa chớ có ít đâu). Những người mê cải lương nhưng tấy chạy vở “Áo cưới trước cổng chùa” (còn làm đơn gửi đài truyền hình để phản đối) nói vở đã bêu xấu tổ tông mình, vì đã cho rằng Mạc Thiên Tích đoạt vợ người. Tôi thích những ông cậu, bà thím đã già vẫn mong về Hà Tiên rồi mai chết, cho yên lòng. Tôi thích đám con nít, luôn làm vẻ mặt nghiêm trọng khi cầm nén nhang trong tay, trước những ngôi mộ trầm mặc bên sườn núi.

Tôi thích những đêm ngủ lại ở Hà Tiên. Có lần ngủ chùa Tam Bảo, gần trăm người chui vô chỉ cái mùng vải dài vắng vặc. Sáng ra cả đoàn thức dậy, mặt phờ phờ vì thiếu ngủ, phần tại đông, phần một năm trời mới gặp lại bà con, phải thăm hỏi chuyện làm ăn ra làm sao, hỏi giáp một vòng cũng vừa trời sáng. Sau này, không ở chùa, nhà trọ trong thị xã lùm lùm mọc lên, cả đoàn cũng vào nhà trọ, cũng trải chiếu bệt xuống sàn ngủ chung nhau. Không phân biệt ai giàu ai nghèo, ai đói ai no, ai từng xấu và ai tốt, ai ở xa ai ở gần, chỉ biết hết thầy đều là họ hàng bà con, là hậu duệ của người khai phá trấn Hà Tiên, là con cháu của xứ sở nhiều huyền thoại. Bị bút lia trăm mối mưu sinh, đó là khoảng thời gian níu người ta xích lại.

Chờ đợi những mùa tôm

Cứ mỗi lần gặp, bác lại nhắc ba, hỏi thăm ông bạn già ra đi từ mùa chuyển dịch. Ba bỏ phở về đồng, đào ruộng, nuôi tôm. Con thừa, Ba con khỏe, nhưng ốm nhom, đen thui thui lùì, cần cõ người đi. Như cây dừa Xiêm đầu liếp, khi nước bắt đầu thấm vào thớ đất mặn mòi, con người cũng khác.

Khi nào rảnh, con mời bác về thăm ba con chơi.

Chỗ ba con ở không xa nhà mấy, qua cây cầu có con đường nhỏ dẫn xuống mé sông, qua chuyến đò ngang, men theo cái bờ đã lở như cá chớt rĩa sẽ đến đập Bộ Phát. Lăn theo mé kinh nhỏ, bác sẽ gặp ba con. Không biết bây giờ ba con đang làm gì. Nắng này, chắc ba con đi trồng cỏ nước mặn cho cỏ bò che phủ mặt nước, để nước đừng nóng lên. Chắc ba đang đóng lại cái cống tháo nước bằng gỗ. Chắc ba đang hí hục xúc sinh bồi lên cái bờ ruộng vừa lở chiều qua... Mà có thể, bây giờ ba con đang ngồi uống trà, má con nấu bữa cơm chiều, con cá phi kho khô tỏa mùi mặn nồng trên bếp, má kể sáng này thấy được con tôm rồi, nó bằng ngón tay cái vậy nè. Hai ông bà cười, mơ về những giấc mơ xa xôi lắm.

Con tin rằng, bác sẽ giật mình khi nhìn thấy ba má con như chính con giật mình khi nửa tháng, mười bữa mới gặp. Ông bà già đi nhanh, cái già tranh thủ từng ngày, từng giờ, mót má từng khoảnh khắc của cuộc đời. Chỉ mới một mùa tôm thôi, bác à, nhưng đó là mùa tôm người nông dân vùng chuyển dịch vất kiệt mình ra trước bao nỗi cực nhọc, buồn vui.

Con vẫn tin rằng, làm ruộng nuôi tôm làm cho người ta sống cùng, sống tận với cảm xúc của mình nhất.

Vui thôi là vui cái hồi bắt đầu cát căn chòi nhỏ. Mỗi chuyến đi về, ba má con xách theo nào nồi niêu xoong chảo, nào là mùng mền chiếu gối. Ba con nói vui "cảnh này y chang tui với bà vừa mới cưới, được ra riêng". Một mái ấm dựng lên trên góc đất, nằm cặp mé kinh. Một chiếc xuồng nhỏ nhỏ buộc đằng trước nhà. Dưới ruộng, đất đang cát, đang đào, bờ bao ngàn lờ mờ

hiện ra trong làn nước. Dọc theo xóm, nhà nào, người nào cũng hồ hởi. Nửa đêm, gió thổi hiu hút, trở mình nhớ nhà, nhớ đám con cháu ở nhà, tụi nó lúc nào cũng cười giỡn, cãi vả eo xèo, cãi cũng vui thiệt là vui. Rồi ba hỏi má, mình bỏ nhà, lặn lội vô đây để làm cái gì bà ha ? Má không nói vì cái gì, má chỉ an ủi, cùng lắm hai mùa tôm, có chút vốn kha khá rồi mình sẽ về. Cái hồi đó sao mà hy vọng tràn đầy, hy vọng lênh láng.

Phải chăng vì niềm hy vọng khao khát vươn lên nên khổ cực tới đâu ba má con cũng chịu. Một đêm vài ba lần, ba má con thức dậy, đi rảo một vòng ruộng, canh con nước ... Mức nước ngoài sông không cao, kinh cạn, đón con nước nửa đêm, hai ông bà ì ạch khiêng máy ra tát vô đầm nuôi. Chập chờn một chút, má choàng thức, rủ ba hì hụi đem máy vô chòi. Bác cũng biết, chuyện tiếp nước cho tôm từ cơ sở hạ tầng trồng lúa cũ đang là một trong nhiều khó khăn của chương trình chuyển dịch ở tỉnh mình. Nên chuyện nước ra nước vào ở chỗ ba con như một tiểu tiết, một chấm nhỏ mờ mịt trong 200ha chuyển từ đất trồng lúa sang nuôi tôm trong tỉnh. Không ai bảo ai, bà con ở xóm kinh tự lo, tự xoay xở riêng mình như hồi nào giờ vậy, nhà nước lo được bao thì hay bấy nhiêu. Có tủi thân, tủi phận thì lủi thủi than thở với nhau chơi, vậy thôi. Nhà nước còn phải lo tỉ tỉ chuyện lớn, chuyện mất còn khác.

Những đêm mưa, sợ nước dâng ngập bờ, dầm mình đi tháo nước, những ngày nắng, lặn lội xúc từng gàu sinh từ đáy đầm lên... Ba má con an ủi nhau, hồi trước giờ có khi nào nhà mình hồng cực. Nào là trồng cải, trồng ngò đội đi chợ, nào là mua so đũa về làm nắm rơm, nào là đi mua lúa hàng xáo, rồi làm hai ba vụ lúa... Có làm gì mà không cực khổ, dậy sớm thức khuya. Nhưng không làm nghề gì khắc nghiệt như nuôi tôm, y như trên chiến trường, "thắng làm vua, thua làm giặc", mà là giặc nghèo, giặc đói mới chết. Ba tháng nhọc nhằn, ba tháng rút vào lòng đầy hy vọng, tôm chết. Lúc đầu còn chết từng ruộng, từng chòm, sau chết cả vạt đồng, cả xóm, cả vùng. Tôm chết như người ta trở một bàn tay. Lẹ ghê, ngủ một đêm sáng dậy thấy tôm lụi vô bờ, nằm dại khờ trên gờ đất, ngọn cỏ, ngọn rong. Vớt từng con tôm nhỏ bằng ngón tay út lên lòng rưng rức, đứt ruột. Tở phờ hỏi nhau làm sao mà tôm nó chết vậy kia ? Có ai làm gì nó đâu mà nó chết, mình quý nó còn hơn mạng mình nữa mà? Tôm chết rồi làm sao cứu đây ? Cho nó uống thuốc gì, chích thuốc gì ? Ý trời, Anh là cán bộ ngoài tỉnh vô làm ruộng, bộ không biết sao ? Làm sao biết được. Bụng xót như xát muối, te tái chạy đầu trên đầu dưới hỏi nhau những câu ngờ ngẩn mắc cười.

Tôm chết rồi, cũng hết như bà con ở xứ mình, ba má con mới biết mình hồng nặng về kỹ thuật. Lăn lộn cuộc đời nông dân ngót năm mươi năm không có chút kinh nghiệm nào có thể đem vào chuyện này, má con nằm gác tay trên trán, thờ dài, rút ra kết luận. Má tá hỏa khi biết hầu hết tôm giống trên thị trường không hề được kiểm dịch, đúng quy trình phải quặng cả trăm ký vôi bột mà mình xài có hai ba chục ký... Báo chí than bà con mình thiếu thông tin, thiếu hiểu biết rằm trời, các chú "ở trên" nhần, bà con mình nóng vội quá. Nhưng bà con họ chờ bao lâu rồi hở bác, lâu quá là lâu rồi, từ đời cày cấy này qua đời trồng tĩa khác, họ kỳ vọng cái ngày vươn lên. Tôm chết, giống như một luồng nước lạnh tạt vào ngọn lửa trong lòng của mỗi người. Nhưng ngọn lửa ấy không tàn lụi, nó vẫn rạo rực cao ngọn từ tro ướt. Đã tắt hy vọng đổi đời từ cây lúa, người ta chờ đợi những mùa tôm.

Ba má con chắc là bị "sốc", bác cũng biết, gì thì má con làm ruộng cũng giỏi có tiếng tăm mà. Bà cảm thấy buồn lắm. Hai ông bà gầy rộc, sọp người đi. Ba con thôi làm thơ. Con không biết tại sao. Con vẫn thầm mong ba làm thơ lại. Trời đất ơi, bây giờ ba mà làm thơ được chắc là hay lắm. Những bài thơ không chỉ có tình yêu nam nữ, không chỉ có bức bách đời thường, mà nó còn mang nặng những niềm vui nỗi buồn lớn lao, đồng đúc của người nông dân.

Ba con kể chuyện vui. Ba nói có chú nào ở đầu kinh dưới hồi thả tôm tới giờ không thấy nó nổi lên chơi chơi như bầy cá mẹ rông rông hay cá chép, cá mè, dựng vái đất nước ông bà cho chú thấy bầy tôm, cúng gì chú cũng chịu. Ai dè, bầy tôm nổi thiệt, nhưng mà lúc nó nổi lên tức là đã nhiễm bệnh rồi, và tôm chết đỏ đầm. Chú mới vái lại, ông bà phò hộ dùm con, khỏi thấy cũng được. Ông bà nào phò hộ nổi hả bác ? Trước những hiểu biết mịt mờ về con tôm, người nông dân cũng biết mếu máo cười mình.

Ba con nói chuyện vui. Ba nói nuôi tôm trước sau gì cũng giàu, hồng giàu cái này mình giàu

cái khác. Chẳng hạn như không có tôm thì mình múc nước dưới đầm lên nấu lại thành muối, muối bây giờ bán cũng có tiền lắm chứ, giỡn sao. Nghe cứ buồn cười không chịu được, đầu lòng không chịu được.

Tôm lại thử lòng chịu đựng của nông dân, tụi nó mở đợt chết thêm vài ba đợt nữa. Đó là lý do tại sao lúc bác hỏi ba con giờ giàu chưa, con phì cười. Đợt tôm đầu, bán lai rai lấy lại được chút vốn mua con giống, ba má con đã là quán quân xóm kinh rồi. Má con bắt tép bạc lấy tiền mua đồ ăn mắm muối. Má nói, làm gì làm cũng đừng đụng vô mớ tiền bán tôm, đó là tiền gởi đầu cho vụ sau, mùa sau. Bác cũng biết tài tháo vát của má con hồi chiến tranh, bây giờ cũng vậy. Má định ra kế hoạch sản xuất, má đi học hỏi kinh nghiệm của những người nuôi tôm đi trước. Má luôn luôn vực cả nhà khỏi chán nản, tuyệt vọng. Má con có nhiều "bài" lắm, má nói tổ tiên họ Mạc của má linh thiêng lắm, hồng lể nào ông bà để mình khổ hoài, má nói, một ký tép bạc, tép đất cũng ăn đứt giá lúa theo giá bây giờ. Với ba, để thấp hy vọng như ngọn đèn không tắt, má nói về tụi con.

Con bắt đầu biết vì lẽ gì mà ông bà dầm dãi. Không có cái gì riêng cho ba má con đâu, bác à, như bác, như hàng vạn người cha, người mẹ khác vậy thôi một lòng lo cho đám con. Nên có hai người già trên đồng trống hốc, gió giật mái chòi. Nắng đổ ngầu. Mưa trắng xóa. Bà tóc bạc như nhuộm ở tuổi 50, sáng sáng xách nhúm tép đất ra đầu kinh xáng bán rồi về ngoài nhà, bơi vài xuồng gạo bỏ mồi có, bán lể có. Chiều vô ruộng đặt lú, nấu cơm. Ông già gầy gò, đen đúa mỗi tháng một lần về họp chi bộ, sẵn thăm nhà luôn. Thời gian còn lại lặn ngụp dưới ao đầm, vớt rong, trồng cỏ, vét bùn, đắp bờ. Sáng sáng, chiều chiều, đi xách nước ngọt bên kinh, hai tay lặc lể hai thùng qua cầu khỉ. Không ti vi, không sách báo, chỉ cái đài con con. Có họp hành gì người ta mời ba, má đốc ba đi, ba nói "Chân tui đóng phèn quá bà à", má năn nỉ, "ông mà chịu đi tui cạo bớt cho". Đêm, người canh chòi trên, người chèo queo chòi dưới. May mà còn những giấc ngủ nhọc nhằn sau khi đã trần trọc thỏa thuê. "Thượng đế ban cho chúng ta hy vọng và giấc ngủ để đền bù cho những nỗi lo lắng của cuộc đời".

Mà, bác đừng nghe con kể lể rồi thương xót ba con, rồi nghĩ "tội nghiệp, cái thằng hồi đó làm cán bộ oanh liệt vậy mà bây giờ sống khổ quá (nói cho văn vẻ chứ có oanh liệt khỉ khô gì)". Nếu có thương xin bác thương nhiều bà con khác, họ nghèo, chan chất chỉ chờ có con tôm, tôm càng chết nhiều, họ càng khổ. Má con còn ở nhà mảnh ruộng lúa đang xanh, còn cái quán nhỏ bán buôn cám gạo sống cũng được. Ba con thì giàu lắm, giàu gió giàu trăng, giàu bạn bè. Cái chòi lá của ba con vô cửa phải cúi người vậy mà không lúc nào ngớt khách. Bà con ở xóm kinh đi qua ghé uống ly trà, đi lại ghé ăn miếng bánh. Không có thông tin báo chí ba thôi buồn lòng vì vụ tham nhũng này, vụ tiêu cực kia, thôi buồn vì nhìn thấy cảnh gay mắt, chướng tai. Đôi lúc người ta thêm sống một cuộc sống như thế. Thêm sống với những lo lắng, ước mơ rất thường tình. Thêm ngồi trong một căn chòi thấp sừng sững nhưng đầy gió, vây quanh ly trà đượm khói, những người nông dân áo phèn, nước rỏ long tong từ ống quần đầy bùn đất, nghe trên đài tiếng nói Việt Nam đang tường thuật trực tiếp trận bóng đá chung kết cúp quốc gia mà tức mình, "vụ tôm này mà suôn sẻ, thu hoạch xong, tui chạy ra chợ rinh liền cái ti vi tổ chẳng về xúm lại coi cho đã". Nhắc tôm là rôm rả chuyện con tôm, chuyện kỹ thuật mới, chuyện con nước, con giống, chuyện sáng nay giá tôm sụt mất năm ngàn đồng một ký. Má con góp chuyện "Chỉ sợ tôm nhiều, giá cả đi vô con đường rẻ bèo như giá lúa, lúa ế mình còn để ăn được, chứ mấy ông "ở trên" lo không nổi đầu ra cho tôm, để đồn đồng đó ăn ngán chịu gì thâu".

Má và con tin rằng, dù lần nữa rồi thì những mùa tôm sẽ tới, bác à. Nó sẽ tới để thay đổi số phận, cuộc đời mỗi người, nó tới để đình đặc báo rằng, chủ trương của nhà nước mình là đúng đắn, rằng cổ tích ngày xưa là có thật. Những con người lam lũ cực nhọc cả đời xứng đáng được trả công.

Hồi nhỏ tới giờ con được dạy là phải biết hy vọng, lạc quan nhìn cuộc đời, bác à./.

Quán nhớ

Trong đám bạn nhỏ cùng xóm, lớn lên tản mác, chỉ nó là người đi xa nhất, cách núi sông đã đành, mà còn cách biển, bên này bên đó không thể cùng lúc ngắm mặt trời lên. Lâu lắm nó mới về, nó bảo, bây giờ xứ mình cái gì cũng khác, nhờ có tình bạn tụi mày mà tao còn biết đường về, nhờ một thứ nữa là cái tiệm tạp hóa của dì Hai, may, cứ nhìn tiệm đó mà tao không lạc.

Lối sống văn minh không làm nó quên tiếng tiệm ngày xưa, ngày mà cả nó và tôi còn nhỏ xíu, ngày nào má nó cũng kêu thằng Út ơi, thằng Út à, chạy lại đằng tiệm mua giùm má ít đồ. Bữa sáng chạy ra mua tương mua củi về nấu bữa cơm sớm cho má nó lót lòng đi làm phụ hồ, ba đi đạp xích lô, trưa cả hai người về, cho đỡ mệt. Chiều xách chai mua dầu về thắp đèn, bữa nào ba nó vui, muốn nhâm nhi với mấy ông bạn, nó đong thêm xí rượu. Nó biết đi tiệm mua đồ từ lúc còn chưa biết mặt của mấy tờ giấy bạc, ở nhà đưa tiền, nó chạy lại xòe tay ra mấy tờ bạc bèo nhèo đưa dì Hai, “má con dặn mua hết bi nhiêu đồng muối”. Dặn mua ít món còn nhớ, dặn nhiều nó phải vừa đi vừa nhẩm, gập cái chạc cây, vấp ngã, quên mất, lại phải mếu máo chạy về hỏi lại. Ở nhà sai biểu cái gì còn mê chơi, dùng dằng chứ bảo đi tiệm là nó te tái đi ngay, mua món đồ còn dư một vài trăm, thẻ nào dì Hai cũng thối lại bằng mấy cục kẹo chanh, kẹo dứa xanh xanh đỏ đỏ, ngọt dai dẳng cả một tuổi thơ của đám con nhà nghèo.

Tiệm tạp hóa của dì Hai cất dựa mé sông, nhà nhỏ, hàng hóa chất đầy ra lối đi, treo lùm đum lúu đúu không thấy được đầu người. Nhỏ vậy, chật chội vậy mà dường như hỏi món gì cũng có, gạo củi mắm muối thì nói gì, tiệm có cả những thứ năm thì mười họa mới bán được một lần. Chen chúc nhau những kệ cao kệ thấp, thùng nhỏ, thùng to, hủ sành, hủ mủ... không có cái thứ tự nào cho món lớn nhất như sĩa nĩa thúng mủng, nhỏ nhất như cục đá lửa, cái dao lam... Bạn tôi nói với tôi rằng, mười mấy năm qua, mỗi lần bước vào những siêu thị hàng hóa bày bán hào nhoáng, nó vẫn thường nhớ tới tiệm của dì Hai, nó nói có một cái gì đó đầy sự sống, ấm áp trong cái quán bèo bọt, hỗn độn của dì. Nên nhớ nhiều lắm. Nhớ đùm cốm gạo treo trên vách, mấy cái keo đựng bánh kẹo, bánh men, cái diêm đựng củ cải muối để kê bên rổ hột vịt, ở góc nhà là thạp đường mía vàng ươm óng, một lần nó lên lấy tay múc thử, dì Hai rầy, “cái thằng sao ở dơ ở dáy vậy con, sao không nói để dì lấy dao xắn cho”. Nó còn nhớ nắp đậy trên cái lon đựng tiền lẻ của dì lúc nào cũng dính dăm dấp bột gạo, bột củ năng. Qua bao nhiêu năm rồi, nó vẫn thắc mắc, tự hỏi, làm sao dì nhớ rành vị trí từng thứ hàng hóa trong tiệm của mình, để người ta hỏi cái gì, dì lẹ làng, phăm phăm lòi ra ngay thứ ấy, mà từ cái chỗ đôi khi ta không ngờ tới. Tôi cười, với dì, cái tiệm đó có một trật tự riêng, tụi mình không biết được đâu. Bởi dì đã mở tiệm hàng này từ lúc chúng tôi chưa được sinh ra. Có vài ba cái tiệm như thế cho xóm lao động nghèo nhưng không có cái nào lâu đời như tiệm của dì. Mỗi gia đình trong xóm nhỏ này, ai đi ai đến dì rành hết cả. Buôn bán lâu năm, dì còn thuộc nét ăn, xài từng nhà. Như cậu Ba chỉ thích ăn bí hầm dứa với đường mía, vừa ngọt vừa thanh, dì chín mê món cháo trắng ăn với cải xá bầu, sáng nào cũng nấu, nhà mợ Bảy thích xài xá bông bột hơn loại kem... Với cư dân trong xóm, khi đã vượt qua được đận cơm ngày hai bữa thiếu trước hụt sau, ai cũng tự hỏi, hỏi đó sống sao được nếu vắng những tiệm buôn bán lẻ trong xóm mình ha. Làm ngày nào đủ chi ngày ấy, đủ hai ký gạo, hai trăm đồng muối, năm trăm đồng đường, với bột ngọt, tương, chao... lắt nhắt, vụn vặt, không người bán biết mua ở đâu. Rồi mấy đứa con gái đến độ trưởng thành như tôi vất vả biết chừng nào, đôi khi không lấy được chồng chứ hổng phải chuyện chơi, vì lâu lâu vô bếp một lần, đang nấu canh, kho cá, tá hỏa lên trong nhà hết đường hết muối, sai đứa con nít chạy lẹ ra tiệm mua về nêm vẫn kịp, thiệt hú hồn, may quá. Lớn lên, xa nhà, đi rày đây mai đó, nhớ về xóm cũ, từng cái cây ngọn cỏ, con đường dường như mỗi thứ đã trở thành một phần đời... Cả cái tiệm tạp hóa bình dị, mộc mạc của người đàn bà góa chồng hiền hậu mà cả đời chẳng đứa nào quên tên gọi: dì Hai.

Nó lại thăm, dì Hai than lúc này già cả rồi, con mắt ngó không thấy đường, đêm nào cũng nghe đau nhức mình mẩy. Dì nấn bóp tay nó (cái bàn tay chuyên môn lén quẹt đường mía ăn), khen lúc này con lớn quá, mập ra. Nó cười, thì mười mấy năm rồi còn gì, xóm xưa trở thành phố thị, hàng quán tít tít mọc lên. Mọi thứ đã đổi rồi, sao dì với tiệm của dì không thay đổi gì hết vậy? Dì Hai cười, nếu cái gì cũng đổi hết thì bây biết đường đâu mà về.

Tôi thấy chút xíu nữa nó đã rút nước mắt. Nó nén lòng, mếu máo cười, bảo, "Lâu quá, hông ăn kẹo của tiệm dì Hai, dì bán cho con năm trăm kẹo đi, dì!". Dì cười, "Cái thằng, buôn bán gì, lâu lâu con mới về, dì đãi", rồi dì lụm cụm lấy cho nó một vốc kẹo dừa.

Hồi xưa nó cũng chỉ mê mỗi món kẹo dừa, mê tới mức cả hàm răng sún hết trội.

Mê thầy

Nhưng tại sao lại mê thầy? Chắc do tâm sinh lý tự nhiên, hễ con gái thì thích thầy, con trai đương nhiên khoái cô? Hay vì ông thầy đầu tiên để lại ấn tượng sâu đậm quá?

Giả thuyết đầu tiên khả năng sai cao, bởi nhiều đứa con gái bạn tôi mê cô giáo đến mức... xin hình cô đem về nhà treo. Giả thuyết thứ hai cũng không chắc, sâu đậm kiểu gì mà tên của người thầy đầu tiên tôi đã quên mất tiêu rồi. Quên gương mặt, dáng đi, giọng nói. Không biết thầy có đẹp trai không, giọng nói có ấm áp không? Thầy có thường cười đùa hay nghiêm nghị mực thước? Thầy từ đâu tới, người tự nguyện đến cái xóm heo hút đó để khai sáng cho đám trẻ quê nghèo, hay bị ép buộc về nông thôn cho đủ thời gian thử thách trước khi quay lại thành phố. Và, năm mười sáu tuổi, "thì" có "dậy" chút đỉnh, tôi đặt câu hỏi sau cùng về ông thầy thơ ấu đó, là "không biết thầy có... vợ chưa?".

Những câu hỏi không một tiếng vọng. Trong miền nhớ mịt mờ, chỉ là những cảm giác lên tiếng, chúng nói, thầy bị "dậy". Vì một ngôi trường (nói vậy cho oai) chỉ có một lớp học ngó ra sông nhỏ, mấy cây cột trâm bầu sần sượng, mái lợp lá chằm đóp, bàn ghế ghép lại bằng những thân cau chẻ, gỗ tạp. Người trong xóm có gì quyen góp nấy, nên lớp học trông lờm chờm như... chổi lông gà. Những bữa mưa nhiều tụi học trò phải ngồi chễm hễm trên ghế, co rúc người cho đỡ lạnh.

Trường lớp ọp ẹp, được nhóm học trò, mà tụi nó cũng ọp ẹp. Ọp ẹp theo kiểu tôi thì ốm tong teo, đen rọi đen pin còn không thấy, theo kiểu đám bạn tôi cũng đa dạng, đứa thì ghê chóc đầy đầu, đứa học nửa năm chỉ nhớ được chữ O, may nhờ nhà nó chuyên ấp gà con bán, có đứa đang học bổng chạy đi mất tiêu, lúc quay lại nó gãi đầu thừa, con đi thăm lờ, cá nhóc. Có đứa một ngày học, bốn ngày nghỉ vì bận mót lúa ngoài đồng, có đứa ghé qua học chừng hai buổi thì đi, ghe nhà nó nhỏ sào rồi.

Sau này, nhớ về lớp học đầu tiên, tôi luôn hình dung ông thầy đứng gần tấm bảng gỗ bào vôi, sần sùi, gió sông thổi thốc vào, lá mục bay chấp chới, chim non tao tác kêu trong những lùm cây dại bên hè. Hình ảnh thật buồn, cô đơn, hoang hoải. Nhưng là tôi tưởng tượng vậy, bởi đâu còn nhớ thầy đã từng buồn hay vui. Chỉ biết, thầy hay đến trường bằng nhiều hướng khác nhau, lúc đi ngang nhà ngoại tôi, lúc lại từ đằng kia tới, như thể thầy từ trên trời, rơi ngẫu hứng đâu cũng được. Nên có bữa tôi nán lại chờ ngoại luộc trứng chim canh chừng hễ thầy đi qua thì xách tập chạy theo, chờ hoải, ăn hết mớ trứng thì đăng trường thầy cũng dạy hết một bài. Giữa giờ chơi, thầy thả bộ tà tà lại nhà ngoại tôi uống trà, mà sao không uống trà nhà khác, tôi không hiểu. Mười sáu tuổi (lại mười sáu tuổi), tôi có một giả thuyết, ông thầy thương dì tôi, nên giả bộ lại uống trà với ngoại, để được ngó dì.

Nhưng có giả thuyết khác ít ngang trái lảng mạn hơn, là thầy cần phải gặp ngoại để tìm ra phương cách "chiến đấu" với cái tật... xé tập của tôi. Hồi đó, mỗi cuốn tập của tôi khi viết tới

trang cuối thì nó còn chừng... mười sáu trang, cả thầy. Ngoài vụ đó, tôi còn nhiều vấn đề khiến "nhà trường phải phối hợp với phụ huynh". Có lần quậy tung trong lớp, thầy dọa, chút nữa lại méc ngoại. Báo hại lúc ra chơi phải chạy về nhà để rình, nếu thầy méc thiệt thì thủ tiêu mấy cây roi ngoại hay giắt trên vách. Bị kịch, đứng ngoài hè trò bị kiến vàng cắn tả tơi, trong nhà thầy thủng thỉnh ngồi uống với ngoại, hỏi những câu kiểu như, lúa vụ này khá hôn, chú Hai. Vào học, thầy bảo, méc rồi, về nhà bị đòn nứt đít. Tôi gãi chân, cười thầm, ông thầy nói dóc để sợ.

Hồi đó, chắc chắn tôi không sợ thầy, từ đó suy ra là thầy dễ chịu lắm. Thương lắm. Đến nỗi khi trở ra thị xã học tiếp, tôi nhớ mình đã viết một lá thư gửi thầy (tất nhiên, giấy xé ra từ tập học). Rồi mấy cây cột cặm trong lớp một ngày kia được bà con trong xóm nhổ về làm củ chụm, thầy biến mất, lặng lẽ như hồi thầy tới.

Tôi lại có ông thầy khác, ông này có họ hàng bên má, vai cậu tôi. Vô lớp tôi gọi thầy, trống trường đánh cái thùng, tôi kêu cậu ơi cậu à, mà kêu lớn lắm. Cho tụi bạn nó... nể, thấy tui xấu vậy mà cũng có cậu làm thầy giáo à ghen. Hồi đó sao mà thầy cô giáo có giá dữ vậy không biết, bị tôi đem ra lòn thiên hạ, cũng thu được chút lợi, cái lợi đáng kể nhất khi có ông cậu họ làm thầy giáo là không bị bạn ăn hiếp. Hai mươi sáu tuổi, nghĩ lại thấy mình khờ, giờ thì gặp ai đáng chú, đáng bác cũng muốn gọi bằng thầy, để được xưng... em.

Hơn mười năm ngồi chai đít khi ở trường, học qua nhiều thầy cô giáo, nhưng năm nào có thầy thì năm đó học được, nói chung sáng ngữ dậy có muốn... tới trường. Thầy đẹp trai thì, chặc, còn gì bằng. Có đạo, đi học vì tính, hai ông thầy đều đẹp, độc thân, trẻ trung, khóa ấy, tôi đậu... thủ khoa (ha ha ha).

Thật tình, tôi không biết những ông thầy mà tôi mê có phải là giáo viên giỏi (cấp huyện, cấp tỉnh) không, có phương pháp sư phạm không, hiệu quả tới đâu, giảng bài có cuốn hút không, dạy có dễ hiểu không, và tôi đã nhận được những kiến thức gì, tôi nhớ chỉ vì ông thầy đó dễ thương.

Những ông thầy không làm tôi sợ bằng cách buộc tôi cúi đầu vâng dạ, những ông thầy không bắt tôi phải lễ phép khếp nép trước mặt mình, gò học trò vào một sự kính trọng gương gạo. Có thể có thầy nghiêm khắc, lúc nào đó, quãng nào đó, nhưng tôi không nhớ, chỉ nhớ thầy đó y chang bạn tôi. Trong không gian trường học chật chội, tẻ nhạt với những thứ kỷ luật bó buộc, những bài học khô rốc, cứng nhắc, những ông thầy để lại trong ký ức tôi sự khoáng đạt, mạnh mẽ, dắt tôi lướt đi trên khuôn khổ, tiểu tiết. Tôi quên mình đã học được gì nhưng nhớ mình đã được đối xử như thế nào, từ những người thầy.

Đó là những người đàn ông dịu dàng và bao dung, giống như ông ngoại tôi, ba tôi, đến nỗi, khi tìm kiếm tình yêu, hay bắt đầu quan hệ bạn bè, tôi luôn nghĩ tới những ông thầy của mình.

Giữa thầy và trò, giữa bề trên và kẻ dưới, giữa người cho và kẻ nhận, tôi đã nhận được sự thân ái, yêu thương, đồng đẳng giữa người và người.

Nên nhớ thầy, trước nhất, tôi nhớ người.

Người xưa

Khi Hiên thôi học ở thành phố về, mượn căn nhà, treo cái bảng kẻ bằng bút lông lên giấy các tông "Viết hồi ký thuê" thì Hiên gặp lại người thương của má.

Bảy năm rồi, Hiên mới gặp ông. Ông ốm, xanh, ông không già đi bao nhiêu nhưng tóc đã rụng nhiều để lại cái trán rộng như sân bay Trà Nóc. Hiên luôn luôn thấy ông gần gũi và thân thuộc, cái cảm giác ông luôn luôn có mặt trong đời của Hiên mặc dầu chẳng thân tình gì nhau. Cứ nói với một đứa bé mười, mười hai tuổi rằng cái ông đang nói trên ti-vi hồi đó thương má lắm, nó sẽ dõi theo ông ta bằng một sự quan tâm nào đó không lý giải được. Ngay từ khi ông còn tại

chức, ông luôn xuất hiện trên mặt báo, trên ti-vi với sự chân thật toát ra từ đôi mắt, một vẻ mặt trần trụi, đấu tranh. Hiên cho rằng đôi mắt thể hiện được con người. Ông từ chức chủ tịch trước nhiệm kỳ hồi cuối năm rồi với lý do sức khỏe kém, không đủ năng lực để làm việc. Hiên cố làm như mình chẳng bao giờ quen ông. Bảy năm, đủ để ông già đi và Hiên bỏ bộ dạng đờ đẫn học trò quê mùa cũ. Hiên hỏi ông muốn viết hồi ký ở dạng nào. Hẳn nhiên là có nhiều cách viết khác nhau, để lại cho con cháu thì đào sâu về đạo đức, lối sống, về buổi đầu lập thân cực nhọc ra làm sao để lại cho đời sau cơ ngơi, sự nghiệp này. Nếu xuất bản hàng loạt thì chú trọng những công việc, thành tích trong đời... hoặc chỉ viết riêng cho một mình ông thôi, sống giấu kín, chết mang theo. Ông cười rất đẹp (đôi lúc có những nụ cười như thể làm cho tim Hiên thót lên một tiếng hít hà):

- Tôi muốn cháu viết cho người tôi yêu. Và viết thật.

Hiên thưa rằng Hiên sẽ viết thật nếu như ông nói thật. Ông lại cười. Má ơi!

Hiên thêm được viết thật dữ lắm chứ. Hiên vừa học vừa làm thêm việc viết hồi ký non hai năm. Hiên đã gặp nhiều khách hàng nghe họ kể về cuộc đời của họ. Ai cũng làm tí mĩ điều tốt, điều cao thượng hơi giống nhau, bày tỏ lòng nhân ái với thế giới, lòng thương mến với tất cả mọi người. Hiên nhận ra một quỹ đạo nhằm chán là không ai kể về những lỗi lầm của mình dù là từ thuở ấu thơ đã ngắt đuôi con chuồn chuồn đỏ nhét vào cọng cỏ hay về chú dế lửa bị mình nhốt trong cái lồng đất đã chết vì chật và buồn. Mà, Hiên cho rằng, hồi ký là phải thật, ai đời người ta lại gian dối với cả chính mình. Đôi khi cảm quyến hồi ký do chính tay mình viết ra, trình bày sạch sẽ, bìa đẹp, lật từ trang đầu tới trang cuối thấy người ta sống sao mà tốt quá, tốt thiệt, tốt đến không ngờ. Bạn bè cười vào cái ý nghĩ ngớ ngẩn của Hiên: "Thì thật con người ta vậy mà...". Hiên biểu tin Hiên đi, thấy cuộc đời kiểu này không ham, không thấy vui đâu.

Ông không vậy, ông thủ thỉ với Hiên như một người bạn bên một người bạn thân thiết. Hiên cảm thấy cái quý giá nhất của hợp đồng này là được ông tin cậy. Ông nói với Hiên về tuổi thơ, về quê hương, về tất cả những chiến công và những lỗi lầm. Những nơi ông đến rồi đi và ấn tượng những người ông gặp... Buổi tối, trở về căn nhà vuông vức như cái bánh chưng, Hiên mở máy ghi âm để ghi lại giọng nói điềm đằm như thể dè dặt của ông và chợt nhận ra mình viết cái hồi ký không phải cho riêng ông. Hiên viết cho những đồng đội đã hy sinh xương máu để giúp ông lập nhiều chiến công. Hiên viết cho những người cộng sự cùng ông đưa cái địa phương này đi lên, được biểu dương thành tích. Và Hiên hạnh phúc viết về một bóng hình mờ hồ nào đó mà ông đã chia tay trong quá khứ nhưng luôn hiển hiện bên ông. Hiên không chắc chắn đó có phải là má Hiên không. Thường thì đàn ông không nhớ sâu sắc và yêu sâu sắc như người đàn bà.

*

Ông sống một mình trong một căn nhà rộng, mặt ngó ra một con đường nhỏ chạy vòng vèo quanh một hồ rộng nhân tạo. Vợ Ông qua đời gần tròn bốn năm. Họ không có những đứa con trai, con gái. Ông bảo bà yếu ớt, hay đau hay bệnh lắm. Ông cũng đang bệnh, mỗi sáng, mỗi trưa và tối, Hiên thấy ông uống một vốc thuốc. Hơi thở của ông cũng phảng phất mùi kháng sinh. Hiên hỏi thăm ông bệnh gì, ông cười, bệnh nhỏ thôi, mai mốt hết. Hiên hơi bần thần. Cô vẫn cần mẫn đến nhà ông như mọi ngày. Sáng nào ông cũng rang cơm và chừa cho Hiên một chén. Ông rang cơm rất ngon. Hột cơm se lại, giòn tan. Mùi tỏi vàng trong dầu nóng xộc vào mũi.

Hiên thường bưng chén cơm ra ăn ngoài khoảng sân hẹp rụng đầy bông điệp đỏ và ngồi xuống cái băng đá đặt dưới bệ cửa sổ. Màu của buổi sáng trong ngôi nhà này mới trong treo

làm sao. Hiên bảo:

- Sống một mình khổ thiệt. Cháu sẽ làm mai cho chú một cộ Thím cũng mất lâu rồi, phải không, chú?

Ông lấy tay vỗ vỗ đầu gối Hiên, tay ông to, nhưng mềm và lạnh lẽo:

- Thôi, cháu. Trẻ quá rồi.

Hiên cười, chú vẫn còn trẻ chán. Ông chắc lười, "tự nhiên thèm gặp một người" rồi quay sang hỏi Hiên có muốn nghe chuyện tình của ông không. Hiên còn chờ đợi gì mà không gật đầu. Hiên nhận thấy con người này luôn luôn vất kiệt mình trong đám bùng bùng thiện - ác, đúng - sai, giả - chân... Cả trong tình yêu cũng vậy. Hai người ngồi trong cảnh buổi sớm đang vãi nắng lên cao.

Hiên tưởng như mình đang đi trên con tàu cuộc đời ông và đã qua bao ngoặc trái ngoặc phải, leo bao đồi dốc, băng qua những cây cầu sang sông rồi một ngày, Hiên nhìn thấy má mình như một ga xép hiện rõ dần lên trong đêm tối. Một ga xép với đầy đủ vẻ đẹp của nó: thâm lặng, đìu hiu, nhưng rất trân trọng đón đưa những con tàu xuôi ngược.

- Đó là thời đạn bom ác liệt, nhưng sáng nào cổ cũng chèo xuồng ra chi khu Rạch Ráng bán trà. Tôi thương cổ từ ộp tràu cổ bó. Ớp tràu chắc nụi, hai đầu cong cong như mái đình làng. Những lá tràu xanh đằm lên nhau khăng khít không chèn lẫn một lá úa nào. Tôi thương cổ từ ngón tay cái bấm tràu đã mòn khuyết như trăng mừng tằm. Tôi hoạt động trong vai một thầy giáo, "con" út của một bà má tiến bộ. Con trai má đi lính cho Ngô Đình Diệm đã bị tử trận, bà má đó quả quyết là con trai bà bị chính lực lượng cộng hòa dập pháo và bà muốn trả thù. Sáng nào tôi cũng ra bến chợ, xuống xuồng của cổ mua một ộp tràu cho "má". Cổ không đẹp lắm, ừ giống như cháu vậy, ở cổ luôn luôn lộ ra một nét duyên ngầm, càng nhìn càng thấy lạ, thấy thương. Cổ cũng thương tôi thiệt lòng. Ngặt cái cổ là con gái xã trưởng Ba Chi khét tiếng ác. Gia thế cổ là vậy. Cổ chấp nhận thương tôi mặc dầu cũng đoán được tôi ở phía nào trong cuộc chiến tranh này. Cháu cũng biết thân phận của tôi mà, ông nội tôi, ba tôi, các chú bác đều thoát ly đi làm cách mạng. Gia đình tôi phản đối dữ lắm. Tổ chức cũng không đồng ý. Nhưng lúc đó tôi còn trẻ, trẻ như cháu bây giờ, tôi nghĩ, tình yêu sẽ vượt lên tất cả.

- Cháu cũng nghĩ vậy, chú à. - Hiên gật đầu.

- Nhưng cháu còn trẻ, cháu có hiểu không? Chiến tranh vốn đầy bất trắc. Nó để lại cho tôi một niềm đau, lâu quá rồi mà còn đau hoài.

Hiên cũng vậy. Hiên biết buồn nỗi buồn chiến tranh từ ngày thơ bé. Tụi bạn chơi trò đánh trận giả, bao giờ cũng đẩy Hiên về phía giặc. Thằng Đen lớn nhất, nó chống nạnh cười khi khịt: "Mày phải ở "bên nó". Má tao nói hồi đó ba mày đi lính quốc gia". "Bên mình" bắn "bên nó" phẳng phẳng, Hiên cũng bắn lại phẳng phẳng nhưng Hiên thì phải chết. Có khi nằm trên ổ kiến lửa để chết, Hiên giật nảy lên, giãy giụa, thằng Đen đứng vỗ tay cười chưa xong đã khóc mướt: "Con nhỏ này chết y hệt ba tao". Hiên cũng khóc. Những đứa trẻ như thằng Đen, như Hiên mới tí tuổi đầu đã bị súng bập dừa bắn vào trái tim thơ ngây. Đen thôi hồn nhiên và Hiên thì ngờ ngác chết.

- Người ta mong hòa bình một, tôi mong tới chín, mười, cháu à. Sau Mậu Thân, cơ sở bị lộ, tôi rút vô cứ. Địch ra sức đàn áp phong trào cách mạng. Tề ngụy gom dân vô áp chiến lược, trong đó, nhà cổ đi đầu. Người xuôi kẻ ngược, cổ chỉ kịp đăm đũa nước mắt và hẹn nhau hai tiếng

"hòa bình". Coi lại, cả đời chúng tôi rượt đuổi nhau. Cổ bỏ nhà ra áp chiến lược mới chín tháng thì chúng tôi mở rộng căn cứ về xóm quê ở. Tôi dọn dẹp căn nhà đầy mạng nhện và bỏ hóng cửa cổ để làm nơi làm việc. Hôm một bà má đi chợ về ghé báo con út Xuyên nó lấy một thằng lính ngự, đem đó bom bỏ vụn căn nhà. Tới bây giờ, tôi cũng không hiểu làm sao mình còn sống được, nhưng hôm đó, trong cái hầm, nước lỏng bỏng, tôi tìm được trong hốc đất một cái khăn trắng thêu hai con chim đậu trên cành mận nở đầy hoa, và một dòng thêu đỏ: "Đường dài ngựa chạy biệt tâm..."

-... " Người thương có nghĩa trăm năm cũng về". - Hiên buột miệng, rồi giật mình, cô quấy quá thêm - Cháu đã đọc câu ca dao này ở đâu rồi, chắc là trong trường học.

Ông gật đầu, dường như chớm bàng hoàng, ông nhắm lại "Người thương có nghĩa trăm năm cũng về". Mặt ông hơi tái đi.

- Vậy tôi không phải là người thương có nghĩa rồi, cháu à. Tôi đã có thật nhiều cơ hội nhưng rồi đã bỏ qua Năm tám hai, tôi chuẩn bị làm Bí thư huyện thì nghe tin chồng cổ vượt biên.

- Và chú phải lựa chọn, hoặc làm bí thư hoặc phải từ bỏ tất cả, không ai chấp nhận chú lập gia đình với một người đàn bà đã có một đời chồng là lính ngự?

Ông nhìn Hiên kinh ngạc, trong mắt ông ánh lên một niềm đau xót:

- Cháu biết nhiều như vậy để làm gì, cháu gái?

Hiên có muốn biết nhiều đâu, đời dạy cô vậy mà. Cô không trả lời câu hỏi, chỉ thốt lên:

- Trời đất ơi, sao chú lại có thể đem tình yêu ra mà bì với mấy cái đó. Cháu mà yêu ai, cháu sẽ vượt qua mọi trở ngại để tới với người ta.

- Cháu đã làm thử chưa?

- Rồi. - Hiên quả quyết.

- Tôi cũng có lần làm như vậy. Có một lần, tôi về thăm căn cứ. Chiếc tàu hi hụi về tới xóm đã chạng vạng. Tôi lúc đó không nghĩ tới chuyện gì khác ngoài chuyện tôi sắp gặp lại cổ. Khi tàu ghé dưới bạt kinh nhà Tám Muốt, tôi thấy cổ bơi xuống đi đặt đó. Xuồng nhỏ, bóng cổ nhỏ, một mình. Tôi nhìn cổ và nghĩ rằng mình có thể bỏ hết tất cả để về đây để che chở cho cái bóng nhỏ nhoi đó suốt đời. Nhìn tôi, cổ mừng xuống nước mắt. Tối đó, sau khi ăn đã đời bữa cơm bông súng nấu canh chua cá nâu, mắm sống, tôi chống xuồng qua sông. Hôm đó, tôi hơi say. Chắc tôi ngộ lắm nên đưa con gái nhỏ của cổ cứ nhìn tôi hoài. Tôi ngã mình trên võng mà khói cứ bay nồng mũi. Tôi còn nhớ mình nói rằng không chấp chuyện đã qua, tôi không ngại đưa con gái lên ba tuổi của cô. Tôi nói rằng cơn mưa xưa đã đem nguồn nước cũ về đầm. Cổ nằm trên một cái võng khác, giăng xéo qua hai cây cột, đưa con gái ngủ. Cô chỉ khóc, khóc thật nhiều mà có nói được gì đâu. Vậy mà hai đứa thức, thở vắn thở dài tới sáng. Bữa sau, tôi đi thăm những bà con trong xóm căn cứ cũ. Vườn sau sân trước hồ bom chằng chịt hồ bom. Bảy năm sau giải phóng mà xóm rất nghèo. Những gia đình cách mạng ngày xưa hết mình nuôi nấng, che giấu chúng tôi, cuộc sống rất khó khăn, mặc dầu bông súng đã nở trắng hồ bom, bày vệt ta lợi ngừng ngừng. Căn nhà tường đạn bom cháy xém, bà con dựng lại căn nhà lá. Tôi về than, bà con mình nghèo quá. Cổ nói với tôi rằng dù có chính tay họ làm hay không nhưng cha cổ, chồng cổ đã gây biết bao nhiêu tội ác, làm cho cái quê nhỏ này trở nên như vậy. Mà, có còn ai để giúp cổ trả món nợ này cho bà con, cho làng xóm, để cho cổ được

ngẩng đầu lên nhìn cuộc đời mà không thấy mình có tội, ngoài tội. Tôi thương cổ lắm, tôi quay lại, tự hâm nóng mình. Thời đó tôi sống tràn đầy hoài bão, tràn đầy yêu thương như cháu bây giờ, cháu gái à. Tôi chưa biết ham mê tước vị, quyền lợi. Rồi từ từ tôi mới biết cân nặng nhẹ, biết so đo Tôi lấy vợ, mà tội nghiệp tôi lắm, lấy vợ mà cũng so đo Ông già vợ tôi là cán bộ tổ chức của tỉnh. Tới một ngày chợt nhận ra, quyền lực đối với tôi càng giống như cục mỡ rệu trong veo trong nồi thịt kho tàu ngày Tết, nhìn thì thêm, ăn lại quá ngán mà bỏ thì tiếc.

Ông cười sùng sục. Tiếng cười nghe xao động như quày dũa rụng xuống vườn ranh giữa buổi trưa vắng. Nhưng Hiên giật mình vì ánh mắt không hề có một niềm vui, nó sâu hun hút. Hiên thấy lòng mình tạnh hẳn. Cái nhìn ông lạnh như cái ao sâu phủ kín lục bình.

- Chú à, bây giờ cô ấy ở đâu?

- Cháu có biết xóm Trầu? Một cái xóm đẹp. Căn cứ cũ của chúng tôi. Tôi nhớ hoài, trước mặt xóm là một cái đầm nước gió oi là gió...

Và một hàng dừa nước bên sông nghiêng mình soi đáy. Những ngày gió chướng về, nước trong vắng vặc như thấy rành rạnh từng xó lá. Trên bờ kinh, dây choại mọc đầy, đọt choại xanh non nhuốt lú ra lú rú níu bước chân người. Hàng bông bụt trước sân nhà nở đỏ. Con heo cỏ bụng bự đầy đất sục mũi vào đám rau diệu, rau chay. Sau vườn, dây trầu già leo cây cau ồm. Bầy kiến vàng liêu xiêu bò ra bò vào trên nhánh chanh giấy de ra mé ao. Và ở đó có má Hiên, một đời thâm lặng, hiền lành... Sớm sớm, ngồi xắt chuối quét nát trộn với cám cho bầy vịt Xiêm ăn. Xẩm tối, má đốt nhang lên bàn thờ ông bà ngoại, đóng cửa, sập rèm. Má Hiên bị bức phải lấy ba Hiên tháng chín, tháng ba năm sau giải phóng miền nam. Cái khoảnh khắc đó so với cuộc đời nó ngắn ngủi biết bao nhiêu nhưng đã trì níu cuộc đời má Hiên xuống. Mấy mươi năm, cuộc đời má như hũ sành bể nát, không mảnh nào ráp được với mảnh nào, phải làm hai, làm ba còn lấy keo chấp vá. Niềm vui chỉ những ngày cuối tuần, má Hiên trông từng chuyến tàu trưa, coi Hiên có về không? Một người quen cũ có về không? Khi ba Hiên đi học tập cải tạo ba năm, Hiên lớn lên không hề có ba mà không thấy tủi. Ba Hiên về, ba năm sau xuống tàu vượt biên. Hiên đã là một con bé lạ lẫm. Hiên có thể rạch ròi từng chuyện một. Hiên nghĩ rằng ba ra đi là lỗi của ông vì ông nghĩ rằng đất này không cứu mạng, không liên quan tới chuyện mối tình xưa gì gì đó của má. Hồi đó, mối tình đó chỉ là một ngọn lửa nhỏ le lói cháy trong mắt má Hiên. Lạ sao, đến bây giờ, ngọn lửa vẫn không tắt và chưa bao giờ tắt. Hiên vẫn không tin được, chỉ những lời hứa hẹn và một đôi lần nắm tay nhau (Hiên tưởng tượng cùng lắm thì hôn lên má nhau thôi, nếu có thể) lại làm cho người ta nhớ lâu, nhớ sâu đến vậy. Một lần xem ti-vi, nhìn ông thoáng qua, trên màn hình, má Hiên luôn cười rất nhẹ, kín đáo âm thầm. Cái cười nhỏ nhưng tràn đầy tình. Hiên có lần bảo: "Con mà thương ai thế nào con cũng lặn lội lại nói với người ta liền". Má Hiên cười: "Con còn trẻ, má già rồi. Mà, má có xứng gì đâu...". Hiên chợt nhận ra, thế hệ của mình đã khác, thế hệ mình sống nhẹ nhàng hơn thời của má nhiều.

- Không biết bây giờ xóm cũ có còn như trước, cũng ba năm rồi tôi không về...

Ông trầm ngâm. Hiên nói với lòng mình: Không, cái xóm đó không bao giờ thay đổi được. Người ở xóm đó vẫn vậy. Chắc nó không khác được đâu, lúc nào nó cũng soi mình xuống Đầm. Thấy mình khác một chút đã sửa lại.

- Lẽ ra bây giờ chú phải về xóm Trầu. Cháu chắc chắn là có người vẫn chờ đợi chú, chờ đợi tới trăm năm.

Ông bòn chồn ngược lên nhìn Hiên:

... Hai hôm sau, khi Hiên quay lại nhà ông, nhà đã khóa cửa ngoài. Hiên quay về chỗ trọ thì nhận được lá thư nhỏ. Thư của ông, Hiên cứ cầm thư mà xuống nước mắt. Ông viết: "Cuộc đời đã tận tiện chia sớt lại cái cơ hội cuối cùng của chú, cũng bởi vì chú đã hoài phí nhiều. Chú đã nhận ra cháu rồi, cháu gái à. Chú chuyển lời xin lỗi đến má cháu. Chú bệnh, bệnh nặng. Không còn ham hố, vướng bận gì nữa, chú cũng không thể trở về, bởi vì chú không muốn làm một gánh nặng cho má con cháu lúc cuối đời... Chú thương cháu nhiều, con gái nhỏ...".

Chỉ vậy mà họ có thể bứt khỏi nhau ra được sao, trời đất quỷ thần ơi, những người lớn. Đường đời gang tấc mà vì nỗi gì đi vòng cho xa hoài, xa mãi. Hiên lặng người, tới bây giờ Hiên cũng không biết ông bệnh gì, nghiêm trọng ra làm sao? Hiên không biết. Má ơi!

Qua cầu nhớ người

Chiếc sà lan chở người, vật liệu, máy móc đi xây dựng chiếc cầu bắc qua sông Dài chiều nay đến Đội Đỏ rồi. Những đũa nhỏ vừa chạy vừa la dài xóm, "Làm cầu! Làm cầu! Má ơi má!". Những cơn gió tháng Sáu đã làm cho tiếng reo đó bay xa, ai nấy đều nhòm đít ngồi dậy, bụng chén cơm lưng mà lòng vui tởm mở, trời đất ơi, thiệt hả, thiệt là Hai Nhớ dẫn thợ về xây cầu? Có người chạy lại nhà một bà má ăn trầu mỗi đồ như sơn, đứng ở cửa vờ đuôi cái đét, "tôi biết lắm mà, hồi nào giờ thằng con chị nói là làm, nhấn với nó, cả Đội Đỏ này mang ơn nó". Má cười miệng ờ ờ, "vậy hả, vậy hả" rồi nhìn đám công nhân xây dựng đang đứng lúp xúp dưới bến sông nhà mình, xớ rớ đứng ngồi, không biết mình đang vui hay buồn, cái rõ ràng nhất mà má cảm nhận được, nhà ta, con ta đã làm một chuyện động trời, bắc cầu qua sông Dài.

Đoạn sông Dài chảy qua Đội Đỏ không rộng lắm, nghe nói hồi chống Mỹ bộ đội bắc được cây cầu dứa tám nhịp để hành quân qua đánh chi khu Đồng Rạ. Được chừng mười ngày thì bị máy bay đánh sập, từ đó tới giờ, giữa đôi bờ đi lại chỉ nhờ chiếc đò ngang, chèo xuôi ngược cả tịch cả tang, bữa vui thì chèo khuya, bữa buồn chú Xái nghĩ sớm (độc quyền mà). Người Đội Đỏ nóng ruột quá. Lại Ủy ban xã thì nghe báo là chưa có kinh phí, cây cầu quy mô vậy, phải chờ tiền ở trên rót xuống, chớ xã nghèo quá. Dân bàn hay là để dân đóng góp lãnh đạo xã cười hỏi, "nhiều lắm, góp nổi không?" rồi quảy cây vợt đi đánh tennis (chớ để sân không, đóng rêu hết còn gì).

Nhưng mơ ước về một cây cầu vẫn âm ỉ trong lòng của nhiều người Đội Đỏ, những người chiều chiều ra bờ sông để nhớ nhau.

Anh Hai với anh Năm, con của bà má ăn trầu cũng hay ra ngồi uống rượu ngoài bến. Má rầy anh Hai bày đầu cho anh Năm làm chi, mới hai mươi một tuổi đầu đã tập tành rượu chè, anh Hai cười, "Ngoài ngoài này gió quá, uống chút ít cho ấm bụng, má coi, con với thằng Hiệp có bao giờ say đâu". Má cắc có hỏi chơi (vì trong bụng đã có câu trả lời), "Ngoài này gió sao không vô nhà?". Anh Hai, anh Tư chỉ lặng lẽ cười cười, không nói, ngó qua bên kia bờ sông Dài.

Bên đó là chợ Đội Đỏ. Những đêm không trăng ánh đèn loang sáng cả trời bên này, đèn trong sân tennis trước Ủy ban xã, đèn treo trên cây cột điện cao dựa bên đò đèn từ dãy hàng quán ven theo con lộ cặp mé sông... Quán nước của chị Nhiễm cũng nằm trong cái vùng sáng bồn chồn đó.

Chị Nhiễm bỗng thẳng Dương về bên ấy cũng lâu rồi, chắc không còn mong gì nổi lại mối duyên đã đứt. Hồi trước, anh Hai thường qua nhà chị, nhưng càng ngày, càng thấy lọt lạt thêm chút ít. Hồi trước, chị Nhiễm giận dữ, nín thinh, anh Hai mừng vì nghĩ, người ta còn giận là còn thương mình, bây giờ chị gặp anh thơn thớt nói cười, anh trả tiền ly trà đá đường thừa nhiều hay ít, chị cũng đưa lại. Chị hỏi chừng nào lấy vợ khác nhớ mời chị, chị đi bưng mâm cho, thản nhiên, tạnh ráo như chưa từng chiếu gối mặn nồng. Những đêm anh ngồi ở quán hơi khuya, chị nhắc, "Chú Xái cho đồ sên nghĩ rồi, anh về đi". Anh nhắc thẳng Dương ngồi lên đùi mình (giống như sợ bị giật lại), bảo "Con nó còn thức mà". Chị Nhiễm im lặng, về mặt không bằng lòng, lại bỗng thẳng Dương vô buồng, dỗ nó ngủ. Thằng bé bị cấu ngang hông, tay chân quơ lia lia như đang học bơi, miệng nó kêu ba ba. Anh Hai ngó theo, buồn thiu. Sau này chị mở lời, "Chuyện hai đứa mình coi như xong rồi, anh cứ nắm nuôi hoài, ai mà dám bước tới với tôi". Anh Hai nghe như có một cơn gió nào thổi tới bờ vào lòng.

Từ bữa đó, anh Hai ít qua sông, anh Hai nhờ anh Năm thường xuyên qua bên đó, để chơi với bé Tho, để coi có chuyện gì nặng nhọc, khó khăn giúp cho chị Nhiễm. Vậy là chàng vạng, anh Năm chái cái đầu mượt trượt, ăn mặc tinh tươm, chống xuống tà tà qua sông. Rồi anh Năm để lòng yêu chị Nhiễm, em gái chị Nhiễm hỏi nào không biết. Má hay được, rầy quá trời, cả chiếc xuồng be mười kèm anh Năm lấy làm phương tiện để tối tối bơi qua quán chị Nhiễm má cũng cấm tiệt. Anh Năm đành lội sông. Nên anh biết sông Dài chỉ rộng bằng bốn mươi sáu cái sải tay, tại không có cây cầu nên người ta thấy nó xa đó thôi. Má biết không cản được anh nên hay thở dài với những bà má khác, than phải thẳng Hiệp tôi không thích con gái Đội Đỏ thì tui qua Đội Vàng, Đội Tím kiếm vợ cho, mê làm chi chị em nhà đó?

Chị Nhiễm lớn hơn anh Năm bốn tuổi, mới học may ở chợ Vàm về, chưa chồng, đôi mắt, khoe miệng, làn da... toát ra một vẻ ngọt ngào, hồn nhiên, xinh xắn, cả cái mũi chun lại lúc cười. Tâm tính của chị Nhiễm cũng lạ lùng, tưởng như nắm được trong lòng tay, lại xa xôi lắm, nên lúc thì thấy như có tình, lúc lại không. Có lần chị Nhiễm dò hỏi ý em, nhưng chị Nhiễm không nói. Rồi ngó anh Năm lội sông về, chị Nhiễm cười khúc khích, bảo "Người đâu mà hấp tấp, ché coi, Hiệp không thèm dò chân trước coi nước có lạnh không mà nhảy ào xuống luôn". Những bữa anh Năm bắc ghế thay bóng đèn hay lui cui dọn quán, chị Nhiễm thường lấy tay áp vào má anh, bảo, "Trời ơi, Hiệp mà làm chồng thì dễ thương phải biết". Nói xong chị cười giòn. Anh Năm đứng sững, thẹn thò với vành tai ửng đỏ. Đêm đó lội sông về, không nghe lạnh gì hết, vì trong lòng cồn lên một niềm thương nhớ nồng nàn, dường như mỏng lắm, nhẹ lắm mà say hoài, say hoài. Đến sân nhà thấy má còn thức, anh Năm không dám vô, đứng đập muỗi lép bép ngoài hè, mới biết thổi quanh mình là những cơn gió hiu hắt. Má hay hết, má dang háng biểu anh Năm vô lấy khăn lau đầu tóc, xót ruột hỏi "Lạnh teo dái chưa con?" rồi má chuyển giọng buồn hết biết, "Sao mà anh em bây lại giống hệt nhau, thương là thương lấy được lúc bỏ thì bỏ không đành. Gió máy như vậy mà ra sông ngồi làm chi không biết?".

Câu sau thì má dành cho anh Hai đang lững thững ngoài bến. Anh thường nói với má anh quên chị Nhiễm rồi, nhưng anh ra sông vì nhớ thẳng Dương. Nhớ quá chừng, ước gì có thể chạy vù qua thăm. Hôm qua anh Hai đón con ở trường, mua kem, hai cha con ngồi mút nhau nhào. Thằng bé sún răng nói chừng nào má có chồng con về ở với ba, mà ba có vợ thêm không? Anh cười, vỗ đầu nó, nói với cái giọng dứt khoát "Không! Dễ gì!". Chắc ghen ba. Ủ chắc. Thề đi. Thề thì thề, ba mà phản lời thề cho bà bắn ba đi. Thấy vẻ mặt tin tưởng tràn đầy của con, anh Hai nhớ, hồi xưa, mình cũng hay thề cái câu kỳ cục, mơ hồ như vậy với Nhiễm. Nên ngồi gần thẳng bé Dương mà nghe nhớ nó, nhớ thêm muôn vàn chuyện nữa, nhớ tái tê trong lòng. Thấy thẳng con đi dép ngược, anh Hai chợt thêm được làm con nít, để khỏi buồn nhớ chuyện qua rồi. Hai cha con ngồi dựa mé rào trường học nói chuyện trên trời dưới đất, rồi chia tay. Như thể mai một không còn gặp nhau, như thể một người sắp đi đâu xa lắm chớ không phải chỉ cách một con sông. Thấy anh Hai bước xuống chiếc đò đầy của chú Xái,

Dương đứng trên bờ bệu bạo khóc, coi cái tướng bé bỏng, trơ trọi làm sao đâu. Có bữa nó còn gào lên, "Ba ơi, quay lại ôm con lần nữa đi, ba", làm ai nghe cũng rơi nước mắt. Có lần anh đi được nửa sông, Dương sức nhớ chưa méc ba là chú Quý công an xã hay nắm tay má hoài, nó chạy theo, ngã nhào xuống nước, may người ta vớt kịp. Hơn lúc nào hết, anh Hai nghĩ tới cây cầu.

Mười tám tuổi, anh Hai đã nổi tiếng dám nghĩ dám làm. Quen chị Nhiễm, biết chị thích tân cổ, anh đi đào đất mướn, sắm cái loa sắt mắc lên ngọn tràm bông vàng (bây giờ nó vẫn còn ở đó), chiều chiều mở catset cho Minh Vương, Lệ Thủy ca bài "Duyên kiếp" lồng lộng trời Đội Đỏ. Cưới nhau rồi, anh đổi hai chục gạ lúa lấy cây đờn để gảy từng từng tưng cho chị nghe chơi. Rồi anh đổi năm công ruộng để lấy chiếc máy suốt, đổi những ngày êm đềm (mà nghèo) bên người vợ trẻ để lang thang giữa đồng khơi, những mong cuộc sống sẽ khá lên (tưởng lúc có tiền, sắm cho chị nhiều thật nhiều quần áo đẹp, chị sẽ vui), cuối cùng, anh đổi cả hạnh phúc của mình sau những ngày thừa vắng. Lần này làm cầu anh Hai biết mình sẽ phải hy sinh, sẽ phải đánh đổi nhiều thứ lắm. Anh về nhà thưa với má đừng buồn, anh sẽ đứng ra bắc cây cầu qua Đội Đỏ, má kinh ngạc, bàng hoàng quá nhưng gượng cười.

Cái cười ấy góp phần làm nên sự kiện nổi tiếng đất Đội Đỏ một người dân bỏ tiền ra để xây cầu. Một người học hành không tới đâu, cũng không có tài năng nào đặc biệt. Lãnh đạo xã bị bất ngờ, phải triệu tập gấp một cuộc bàn coi có nên cho phép Hai Nhớ làm cầu không, cây cầu có phá vỡ cảnh quan của Đội Đỏ, có ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển của xã không, cha, cũng nhiều chuyện rối tinh rối mù. Chủ tịch xã than, "Thằng Hai Nhớ này lu bu thiệt, làm chuyện bự vậy mà không bàn bạc xin phép gì hết". Đám thợ được rước về từ miệt Châu Phú tới đây cũng té ngựa ra, tính đâu cái người tên Nhớ này giàu lắm, ai dè anh ta cũng nghèo, nhà vách lá, nền đất, xài nước ao, làm cây cầu này anh phải cầm cổ hết đất, vườn, chỉ còn trọi lỏi chỗ ở, vuông sân. Ngỡ cái tánh bợc trực, nông hậu, chân chất anh sẽ hạnh phúc lắm, đâu biết duyên nợ cũng trắc trở, dở dang. Bàn bạc mãi, anh em thợ nói sẽ không tính công, anh Hai cãi, "Vậy đâu được, anh em còn phải lo cho vợ con, cho ông bà già ở nhà".

Khảo sát thiết kế xong, thợ cầu Châu Phú bắt tay vào làm. Anh Hai, anh Năm cùng một số thanh niên trong xóm cũng ra phụ giúp một số công đoạn đơn giản. Nhiều bữa phải dầm mình dưới nước nhưng vui, trời ơi, tự tay mình bắc cầu để đi đến người mình thương nhớ không vui sao được. Nửa tháng sau, cầu đã hình thành dàn khung, ai đi qua cũng muốn đứng lại nhìn cho đã con mắt, muốn rờ rờ một chút, nghe lạ lắm, bàng hoàng như chạm được một giấc mơ. Anh Hai còn dẫn thằng Dương bỏ ra giữa cầu, thằng con vạch quần đái xuống sông. Ai cũng cười nhưng không hiểu sao anh Hai lại ôm con mình, đôi mắt buồn như sắp khóc.

Bây giờ tối nào anh Hai cũng cùng dẫn tốp thợ qua sông uống cà-phê, nghe nhạc xập xình ở quán chị Nhiễm. Hỏi mấy băng cải lương đâu, chị Nhiễm cười hực hờ, "Đề đâu mất tiêu rồi, lâu quá...". Anh Hai nghe thấy buồn, về leo lên ngọn tràm đem chiếc loa đã gỉ sét xuống, lật ngựa lên đồ đất vô, trông mấy bụi hành (tưởng làm vậy sẽ hết buồn). Hôm sau định không ghé chị Nhiễm uống cà-phê, nhưng thằng Dương chạy ra rủ ba đeo súng cây, nắn máy cày cho nó. Nó hay ngồi nhìn anh, nhìn mê say, nhìn tới chảy nước miếng, anh hỏi con nhìn gì, nó cười, "Sao kỳ quá hà, ba ở đây sao con mắc nhớ ba hoài. Mai mốt cầu xong rồi, bữa nào con cũng chạy qua chơi với ba ghen ba". Anh không trả lời, chỉ vò đầu nó, đôi mắt buồn rười rượi.

Đầu tháng Bảy, cầu đã làm xong, người ta khen tằm tấc "đẹp y như cầu Mỹ Thuận". Bữa liên hoan tiễn những người thợ Châu Phú, ông Ba trưởng ấp còn đào cả chum rượu đã âm thổ mười năm lên, làm thịt luôn con heo cổ. Đến lúc về, thợ làm cầu không nhớ đã thu dọn hết thiết bị máy móc thừa, có sót gì không, ai cũng say quá trời đất.

Sà lan rời bến lúc mặt trời lên, lúc mọi người trong xóm đang rủ nhau đóng góp chút ít tiền để phụ với thằng Hai Nhớ, lúc lãnh đạo xã đang bàn coi đặt tên cầu là Quyết Tiến hay là Thiên Trường, chớ để bà con kêu bằng cây cầu Hai Nhớ nghe kỳ quá, lúc chị Nhiễm tranh thủ thêu gối cưới khi quán vừa bớt khách, lúc thằng Dương đang méo máo khóc, kêu, ba ơi ba, nhìn cây thước nhịp nhịp trên tay cô giáo, cô biểu phát âm cho đúng, chứ lớp Một rồi mà đót đát "cục đất, cây cần, đầu lẩn, ông phật" thì không được.

Nhưng anh Hai đã đi rồi, gia nhập theo đám thợ rày đây mai đó. Anh Hai thừa với má, anh đi kiếm tiền về chuộc lại ruộng vườn, để lúc má xuôi tay nhắm mắt được nằm trên đất của mình, để em anh có tiền sang hỏi cưới Nhiên làm vợ và phụ với Nhiễm nuôi thằng Dương lớn... Anh Hai dặn má giữ gìn sức khỏe. Má cố cười tươi nhưng miệng không hiểu sao lại méo xệch, nước mắt chảy giàn giụa:

- Đừng lo cho má, có theo ông theo bà, má cũng đợi bây về.

Rồi anh đi. Đi xa mà cũng như đang ở lại (bởi cũng có người đang ở trước mặt đó mà cứ tưởng đã đi xa). Ai qua cầu cũng nhớ anh, không muốn nhớ cũng mắc nhớ, như chị Nhiễm. Nhiều người ngộ ra (nhất là mấy ông lâu rày đeo đuổi chị Nhiễm) "Thằng cha Hai Nhớ này khôn tổ cha chớ đâu có dại". Rồi chị Nhiễm lấy chồng, chị Nhiên cũng lấy chồng, mà không lấy anh Năm. Anh Năm chạy qua hỏi sao kỳ vậy, chị Nhiên cười ần anh ngồi xuống ghế, xoa đầu anh, "Hiệp cũng giống hết anh Hai, làm gì cũng không tính thiệt hơn, ở với Hiệp, chị không cảm thấy chắc chắn, lâu bền".

Anh Năm về, thất vọng, nghẹn ngào hỏi má, chân tình mà không chắc chắn, không lâu bền sao má, không đáng để được đền đáp sao má.

Má vuốt tóc con trai, không nói gì hết, má suy nghĩ. Có nên nói hay không lời xưa rày má thường dạy thằng con trai lớn, rằng sống trên đời, thấy phải thì làm, mà làm cũng đừng nghĩ sẽ được đền đáp xứng đáng, vì có những thứ quý giá lắm, chẳng gì bù đắp được đâu.

Hiu hiu gió bắc

Ở cái xóm nhỏ ven thành phố này, người ta nhắc tới anh Hết còn nhiều hơn chủ tịch tỉnh đi họp. Đưa nào hỗn hào, lười biếng, má nó biểu: " Lại coi thằng Hết kia! Ba mươi mấy tuổi đầu rồi, ngày đi làm thuê, làm mướn, không có chuyện gì nó chê, chiều về lụi hụi chui vô bếp nấu cơm, giặt giũ cho cha già, hiếu thảo thấy mà thương" . Ai mê vợ bé, mê chơi đờ, đá gà, họ lờm lờm: " Mê gì như thằng Hết mê cò" . Nên nghe râm ran chị Hảo để lòng thương anh, má chị kêu trời: " Bộ hết người rồi sao, con. Cái thằng mê cò tới mất vợ, không sợ?" . Không, chị Hảo nghiêm nghị, cò tướng là loại cò tao nhả chỉ dành cho quân tử, có gì mà sợ. Mê rượu, mê gái mới ghê Chỉ sợ người ta không thương mình. Má chị định cầm rằm nữa, thì chị đã quay lưng ra quán mất rồi!

Quán chị Hảo cũng nhỏ thôi, buôn hàng tạp hóa lặt vặt. Quán cất trước nhà, ngó ra mé lộ, có khi không cần ngồi giữ, bà con trong xóm ai muốn mua gì thì gọi vọng vợ Chỉ buổi chiều, chị mới ra ngồi ở đó. Buổi chiều, lúc mặt trời vừa khuất sau vườn chuối anh Hết hay ghé lại để mua 1.000đ mỡ nước, 500đ bột ngọt, 500đ tỏi, 500đ tiêu Chị cố bán thật rề rà để nhìn anh lâu nữa, coi bữa nay chắc anh đi vác lúa đặng nhà máy chà gạo, trên tóc còn vương trấu Nhìn vậy thôi chớ không nói gì hết. Con trâu không nói sao cái cộc nói được. Nhưng vẫn cứ đón chờ, có

khi sớm, khi muộn hơn một chút nhưng chị biết thể nào thì anh cũng về qua, về để nấu cơm cho tía anh.

Tía anh Hết năm nay 72 tuổi Tuổi này, người ta hay đau yếu nhưng ông vẫn còn sỏi lắm. Ông già khó tính, thêm tật lẳng tại Người ta mời ông ngồi, ông cười, xoa tay: " Ăn rồi Ăn cơm với thằng Hết rồi" . Chừng năm năm trước, ông còn vô bếp nấu cơm, mắt mũi tèm nhèm để lửa tấp vô vách lá, nhà cháy rụi Anh Hết cất lại nhà trên nền cũ đầy tro, nhìn xa nhà lớn hơn miếu ông Tà một chút. Ông già ngồi tiếc cái tivi đen trắng, mỗi lần mở phải đập thùm thùm nó mới lẹt xẹt lên hình. Ông già điếc đất vậy mà mê tivi, cháy rồi thì thôi vậy, chiều chiều chống gậy thả qua nhà hàng xóm coi nhờ.

Bữa nào anh Hết cũng chống mộng thổi lửa, rồi dọn cơm sẵn, ngồi dựa cửa trước chờ tía anh về. Có bữa chờ tới mỗi mòn, để bụng đói ngồi ngủ gà gật. Người ở xóm biểu cứ ăn trước đi chớ chờ gì, anh cười, mâm cơm có ầm cúng, tía tôi mới vui miệng, ăn nhiều Nhưng có bữa, anh mới vừa giờ cửa chui vô nhà, ông già đã ngồi nhai cơm cháy, bị nghẹn, mắt ầng ầng nước. Anh thương tía quá chừng vội vàng chạy đi vo gạo

Anh Hết mồ côi má từ mới lọt lòng. Bà chết vì sinh khó. Ngoại anh đặt tên là Hết. Chắc tại lúc đó đau lòng quá kêu đại vậy, chớ không có nghĩa gì đâu Anh Hết lớn lên, yêu hết thầy từng con người, từng tác đất ở cái xóm Giồng Mới Cái xóm nhỏ ngoại ô biết bao thương nhớ, những bờ rào giâm bụi xanh, những hàng cây đứng đỉnh xanh. Những người đàn ông chuyền tay nhau đồ dành đưa trẻ thiếu hơi ấm mẹ. Những người đàn bà cho anh bú thếp, để con khóc ngoe ngoé trên giường.

Tía anh không đi bước nữa, ngày ngày cột sợi dây võng dài từ nhà trên xuống bếp, vừa đưa vừa nấu nước cháo, hát vọng lên, " Chớ ầu ơ... Cây khô đâu dễ mọc chồi.." . Chừng này tuổi rồi, mỗi khi anh đặt lưng xuống bộ vạc, lại nhớ ngơ nhớ ngẩn lời hát của tía anh ngày xưa Buồn lắm, nghe đứt ruột lắm. Càng nhớ anh càng thương ông. Câu được vài ba con cá rô, anh bắc cái ơ lên kho quệt, tỉ mẩn lọc phần thịt dành cho tía, phần xương xẩu phần mình. Những trưa nắng tốt, tranh thủ giờ cơm trưa anh xin phép chạy về, dắt tía anh ra ngoài hè tắm rửa, kỳ cọ. Những tối trời mưa, anh lúp xúp cầm cái nón mê đi đón ông già. Đi cạnh, che đầu cho ba, nghiêm trang như đang chờ che cho sinh linh nào đó nhỏ bé lắm, yếu ớt lắm.

Nhưng ông già đâu có yếu, ông xách gậy rượt đánh anh hoài đó chớ. Tía đầu bạc rượt thằng con đầu xanh chạy cà tưng đuổi nhau lòng vòng quanh mấy cây me già ngoài mé lộ. Đám trẻ xúm lại, vỗ tay như coi hát bội Hỏi anh Hết sao không chịu chạy nhanh để bị dính đòn, anh bảo, chạy thì được, nhưng càng nhanh thì tía anh càng mệt, chịu có mấy roi nhẹ hều, nhằm gì.

Ai nghe nói cũng thương. Đúng là tên sao thì người vậy, chịu thương chịu khó hết mình, hiểu thảo hết mình. Có cái tật mê cờ, mê cũng hết mình.

Người ta nhắc hoài chuyện anh hể cấm đầu vô bàn cờ rồi quên đói, quên ướn, súng nổ cái đùng cũng coi như không nghe thấy, như là đã thoát tục rồi, bình an, xa rời mọi điên đảo Thấy con bồ mình đang thương dặt tay chồng tương lai đi sắm sửa đồ cưới mà cứ lo mang xe chiếu tương, thì đúng là không còn hỉ nộ ái ố gì nữa rồi Cũng có nhiều người thích đánh cờ nhưng say đến mức coi con cờ như con người thì không ai làm được, ai đời, đi chốt qua sông mà anh khóc, nước mắt chảy ròng. Chị Hảo nhớ, bữa đó hình như đám gả chị Hoài

Người ta nói chị Hoài đi lấy chồng cũng tại anh Hết mê cờ.

Họ thương nhau từ lúc hai người mới 22, 24 tuổi Thời đó, tuổi đó, người ta thương không nhìn gia cảnh, địa vị. Tuổi đó, người ta yêu không ngại ngần, không e dè, rà cản, họ để lòng tự nhiên như dòng chảy của sông. Bên nhà chị Hoài biết con gái hay hẹn hò với anh Hết ngoài cổng đá thì không vui Má chị Hoài hỏi sao đâm đầu vô thương chỗ đó, cô hỏi lại: " Anh Hết hồng được chỗ nào hả má?" . " ừ, tao chê chỗ nào bây giờ, thằng Hết được, hiền, giỏi giang, chịu khó lại hiểu thảo Nhưng nó nghèo quá, thân sơ thất sở không một cục đất chọi chim, biết có lo cho bây sung sướng được không. Bây quen được từng tiu mà" . Chị Hoài không cãi ra mặt nhưng bụng nghĩ, còn sức lực còn đôi tay, còn cơ may thay đổi cuộc đời

Lúc đó, anh Hết vẫn chưa mê cờ. Nhưng anh biết chơi nhờ đi làm bốc vác ngoài nhà máy, mấy ông già chèo đò truyền lại, nức tiếng với mấy chiêu pháo đầu, bình phong mã, công thủ song toàn. Cho tới lúc má chị Hoài lại nhà, không biết nói gì nhưng có khóc. Những giọt nước mắt chảy tràn trên khuôn mặt già nua của người đàn bà đã từng cho anh bú thép. Sáng hôm sau anh đã thay đổi, nhanh như người ta lật một bàn tay Anh đam mê cờ tướng. Anh hay na bộ cờ ra ngồi mấy gốc cây bên vệ đường để tìm đối thủ, để ai cũng thấy đúng là thằng Hết bê tha thiệt rồi Nó không chịu làm ăn gì mà tối ngày nướng thời gian trên mấy con cờ xanh đỏ.

Hồi đó, tía rầy anh dữ lắm. Anh thưa với con, nợ sữa là món nợ lớn nhất đời người Con đã nợ má em Hoài, tía à. Không biết ông già rồi có hiểu gì tình cảm của tụi trẻ không, ông ừ hử vậy Nhưng thấy anh ngồi la cà đánh cờ ở đâu, giữa đường cũng vậy, ông vác cây đánh ngay đó. Vừa đánh vừa kêu nhíp nhàng " Xe nè! Chốt! Pháo nè! Bụp! Chiếu hã, thằng ma cà bông, tao chiếu cho mấy đường" . Ông ca cẩm thằng con ông bây giờ tệ bạc lắm chiều hôm qua nó để ông ăn cơm nguội chung với mấy con gián. Ông nói mà giọng ông hơi nghèn nghẹn dường như trong lòng đau nhói lắm. Nuôi nó từ nhỏ tới lớn, bây giờ ông mới đánh nó đây, đánh để giúp nó trả ơn đời Tối về ông bắt nó nằm cho ông xoa dầu, hỏi bày đặt yêu đương chi mà khổ vậy con ơi Xóm này người ta không biết nên nói mày hết thuốc chữa rồi Con tao mà vậy à.

Chị Hoài cũng can ngăn, thuyết phục mãi, tốn không biết bao nhiêu là nước mắt, cuối cùng đành phải bỏ đi lấy chồng. Hôm đám, anh Hết còn tỉnh bơ ngồi ngoài bờ, dưới gốc còng, hào hứng bày cờ ra chơi với mấy đứa nhỏ. Đám bạn gái ai cũng xì xầm, chắc thằng Hết không thương thiệt con Hoài nên mới dửng dưng vậy Chị Hoài nghe mà khóc không thôi, bảo với chị Hảo, có cái tiếng bạc tình ảnh cũng gánh cho em rồi Tranh thủ lúc chưa làm lễ, chị Hoài rủ chị Hảo mang cả áo xống chạy ra, nhìn anh như nhìn làn chót, như lấy chồng là chết vậy Anh Hết dứt khoát không ngược lên. Thôi, không nắm niu gì được nữa rồi, nghe người ta kiếm cô dâu, hai chị quay vào Đi một đoạn, nghe đám con nít trở lên, anh Hết sao mà khóc vậy Đâu có. Có mà, nước mắt anh rớt lên con tướng này nè, đó, nó ướt nhẹp đó thấy chưa Hết cười lớn, nói lớn: " ừ, tại tao thương con chốt. Qua sông là không mong về" ...

Chị Hoài vừa đi vừa khóc. Lời của anh Hết làm chị Hảo thương điếng trong lòng. Con người này, nghĩa biết trọng mà tình cũng thâm.

Anh Hết lại sống như những ngày trước kia làm lũi đi đào thuê, vác mướn, kiếm tiền nuôi tía Đồi ba hôm, đi làm về, đã thấy trên cái bếp còn ấm tro một nồi cơm nấu sẵn với một mẻ cá kho khô Có bữa, mẻ kho đổi lại là nồi canh rau đắng. Rồi anh Hết gặp chị Hoài đi chợ về, thấy bóng anh từ đằng xa, chị lấy nón che một bên má bầm tím. Anh Hết chạy theo, giằng lấy nón mà xót xa:

- Sao nông nổi vậy, Hoài

Chị Hoài nói chị té đập mặt vô cạnh cửa nhưng anh Hết không tin: " Hoài ơi, em hạnh phúc, tôi mừng. Hoài cứ như vậy, chắc tôi bỏ xứ" . Chị Hoài khóc, người ta chớ đâu phải con cò mà hể qua sông là đứt lia phần đời trước.

Rồi chị Hoài cũng tập thương chồng, thương không giấu giếm, ào ào như người ta bán thuốc sơn đồng. Chị thôi không đứng tần ngần chỗ nhà chú Hết mỗi khi đi chợ về, thậm chí chị không thèm nhìn về phía ấy nữa. Chị Hoài nói với bạn: " Bữa nay đi chợ mua mấy khúc vải về may đồ cho anh Thứ. anh nói mặc đồ chợ cũng được mà tui đâu có chịu, người vợ biết đường kim mũi chỉ lúc nào cũng làm ấm lòng ông chồng, phải hôn nè..." . Giữa đường nói chuyện chồng con mà giọng chị Hoài lạnh lạnh, chùng như nhấn với Hết, thôi đừng đi đâu hết, tôi quên anh rồi, quên thiệt, quên luôn, bây giờ tui thương chồng tôi lắm đây. Cho bỏ tội mê cò, nghen.

Nhưng từ ngày chị Hoài lấy chồng, anh Hết đã không đụng tay vào quân cò nào nữa. Anh hay ngồi nhìn bàn cờ mặt buồn rười rượi, mấy đứa nhỏ không biết, cứ rủ hoài, ừ thì chơi. Anh biểu tụi nó bày cờ ra, rồi tự đi quân, anh không nhìn, chống mõng vo gạo, một đứa nói vô pháo đầu nghen, anh kêu mã tấn. Tấn chỗ nào Tấn giữ con chốt đang bị con pháo rình đó, biết còn hỏi Tụi nhỏ kêu, đây là kiểu " hiệp sĩ mù nghe gió kiếm" , đánh cò mà làm công chuyện không ngưng tay, nói khơi khơi, cũng thắng.

Lụi hụi rồi bốn mùa gió bắc về kể từ mùa gió chị Hoài lấy chồng. Ba anh Hết thường chống đũa trên mâm cơm than ăn không vợ Anh hỏi ông thèm gì. Ông bảo chắc tao gần chết rồi, tao thèm một thằng cháu nội Hết lượng sượng mãi mới cười: " Trời, thèm gì ngặt vậy, không biết con biết kiếm đâu cho tía bây giờ" . Tía anh Hết biểu lại đặng quán con Hảo lỡ thời mà kiếm. Mày giả đồ hoài, con nhỏ thương mày, ai cũng biết, chỉ mày là không. Anh Hết cãi, làm gì có, tía Ông già đứng dậy, vậy phải thử. Nói rồi vung gậy đánh. Như mấy lần trước, anh Hết lại chạy lừng khừng ra sân. Rượt chán, ông già dứ dứ cây gậy vô mặt anh rồi tùm tùm cười quay đi. Ông già còn kịp thấy chị Hảo chạy lại vệt đám con nít ra, đưa anh chai dầu Nhị Thiên Đường, miệng xuýt xoa hỏi anh đau chỗ nào, giọng như người thân thiết trong nhà: " Làm gì mà để tía giận dữ vậy, lén chơi cò phải hôn?" . Anh Hết không trả lời, cầm chai dầu còn ướt mồ hôi tay của chị. Đây đã là chai thứ chín chị cho anh, anh khế bảo:

- Hảo, tôi... cảm ơn.

Anh ngần ngừ sau chữ " tôi" hơi lâu, làm chị Hảo chờ muốn nín thở. Ờn nghĩa gì một chai dầu gió, nó chỉ làm anh hết đau ngoài da thịt, mà trong lòng thì còn mãi. Chị Hết ơi!

Đâu có biết, chỉ tại chưa quên được. Anh chưa dám nhìn thẳng vô mắt Hoài để cười, chưa dám nựng nịu con của Hoài mỗi khi chị bồng nó đi tiêm ngừa. Chưa thanh thản để chào nhau như một người bạn gặp một người bạn. Hảo có hiểu không?

Hiểu, nên tôi chờ đây nè.

Thêm một mùa gió bắc nữa, chị Hảo vẫn chưa lấy chồng. Ai lại cũng hỏi, chị chờ ai vậy cả. Chị bảo chờ người ta xức dầu Nhị Thiên Đường của chị mà hết đau, chờ người ta đánh cò mà trong tâm " Viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh niết bàn" , chờ người ta thôi buồn khi đưa chốt qua sông.

Nhưng mà chờ tới chừng nào lận?

Ai mà biết.

Mùa nay gió bắc hiu hiu lại về.

Một mối tình

Mưa vô mùa, nghĩa là hết một đợt dài lưu diễn, tôi về quê. Má tôi chặt lá, giúc nếp cặm cụi ngồi gói bánh cà bắp, nấu một nồi tám đầy vun bánh. Tôi hỏi má gói chi nhiều vậy, má cười: "Cho cha con thằng Bầu, tội nghiệp tội nó, nhà không có đàn bà nên cũng có bánh trái gì ăn đâu...". Tôi giành: "Chùng nào bánh chín, để con đem qua bên cho. Mà, má nè, anh Hai có tính bước thêm bước nữa chưa, hả má?". Má tôi cười: "Chưa, má biểu nó hoài, mà, cái con này, lần nào về cũng hỏi có mỗi chuyện đó...". Minh à? Minh sao? Lần nào cũng hỏi chuyện đó à? Ừa, hỏi hỏi nào sao mình không hay vậy ta?

Tôi ngủ lưng một giắc, bánh chín, một tay tôi bưng rổ bánh, tay kia xách cây dầm xuống bên. Có xa xôi gì đâu, từ nhà tôi bơi dọc theo rạch Ô Môi, ngược lên hướng mặt trời mọc chừng trăm thước là đã tới nhà Trọng rồi, nhà trồng nhiều thiệt nhiều cây ô môi, bông đỏ, lá xanh, trái chín không ai ăn, tội con nít móc xuống làm gươm đánh nhau chan chất. Hai bên đầu nhà trồng toàn vú sữa, cao lớn lắm, già lắm, cỗi cằn lắm, lâu rày không thấy có trái trắng gì hết. Dưới mé kinh còn nguyên một đám nga cao ngồng. Mà, hết cái xóm kinh này có ai có cái nhà vừa cũ, vừa xưa như nhà Trọng đâu.

Ở nhà Trọng, có nhiều thứ mấy chục năm rồi không thay đổi. Cảnh cũ giữ nguyên đã đành, tánh tình lớp người sau cũng y chang người trước, như từ một khuôn đúc ra. Như Trọng vậy, mười năm, kể từ ngày chị Ái tôi bỏ Trọng đi, Trọng vẫn giữ nguyên cái khăn choàng tắm treo đầu sào, chiếc nón lá quai nhung đã ngả màu thâm sì, cũ mèm, giữ cây lược sừng đã gãy mất mấy cái răng với cái kiếng soi để ở đầu giường như thể chị Hai tôi vẫn còn ở đâu đây, như thể chút nữa khi tắm xong, chị sẽ bước vào, chải đầu, rồi vừa nghiêng đầu, vừa quạt hong khô tóc bên cái cửa buồng trông ra hàng lơn nước, chỉ cần một cơn gió nhẹ, lá vú sữa khô nằm trên mái nhà sẽ tuôn xuống như mưa.

Sao tôi lúc nào cũng thèm ngồi ở đó, ở cái vị trí yên bình đó, nhất là bây giờ, khi tôi vừa lang thang hết một mùa nắng. Nhất là khi nghe Trọng biểu thằng Bầu ở nhà bắc nồi cơm để anh đi nhỏ vài cọng bông súng nấu canh với mấy con cá vừa thả câu được hồi hôm. Tôi hỏi, đám trái giắc ngoài bờ liếp còn không, thằng Bầu nói còn. "Vậy anh Hai hái giùm em một mớ nấu chua ăn, thềm quá chùng", tôi dặn với theo. Rồi Trọng quay lưng đi, không để cho tôi kịp nhìn anh kỹ; nhưng thật thà vậy, Trọng đứng lờ ngó ở đây một hồi, thể nào không nén lòng tôi cũng ôm chầm lấy anh mà khóc. Trời ơi, cảnh này, người này, sao y chang như năm ngoái, năm kia, chỉ khác là thằng Bầu đã lớn bộn lên, và mớ tóc bạc trên đầu Trọng là thay đổi, nó trắng thêm, nhiều thêm. Tôi tự hỏi mình lòng đang nghĩ đến cái gì mà lòng đau quá vậy cà.

Chị Ái, tôi với Trọng cùng một đám con trai con gái nữa lớn lên cùng nhau trên cái xóm rạch Ô Môi này. Cỡ mười bảy, mười tám tuổi, thấy Trọng thương quá, tôi nói chơi chơi với chị Ái: "Em xí thằng Trọng". Chị tôi cười ngất, xong trề môi như đưa đờ "người ta mà em làm như trái bình bát chín cây vậy, bày đặt xí phần". Ba Trọng mất sớm, má đi lấy chồng ít về, từ nhỏ Trọng sống với ông nội, mười tuổi, ông nội cũng mất, đang ở tuổi con nít chưa hết con nít, người lớn cũng chưa tới người lớn, anh đã gánh vác trọng trách lo hương hỏa cho gia đình. Một mình, với hai con chó, một con mèo, học xong, Trọng còn phải quần quật với chín công ruộng, một mảnh vườn đất cằn cỗi, già nua, lâu rày không thu được huê lợi gì, nhưng quý là trên đó chôn cả thầy chín cái mã ông bà, và ngôi nhà gạch đã có 3 đời, cất trên nền cao theo kiểu chữ công, ba gian nhà rộng mênh mông trông ra cái sân gạch trơn rêu, mút sân là cái hàng rào

giăng ngang, đứng dưới mé sông nhìn lên, dây rào che tầm nhìn, chỉ thấy thấp thoáng mái ngói lợp trải màu vừa xanh vừa mốc.

Nhà Trọng có một cái lạ nữa là trên bàn thờ lúc nào cũng chong đèn, ngày tháng này qua ngày tháng khác, năm này qua năm khác, ngọn đèn truyền thống từ đời cố Trọng, nội rồi tới Trọng, không bao giờ được phép tắt. Chiều nào chị em tôi đi ngang qua cũng thấy Trọng lọ mọ ngồi lau cái bóng đèn hột vịt ám khói, chấm dầu bằng cái vè mặt thành kính, nâng niu. Lúc đó, tôi ước thầm, phải chi Trọng ngộ lời thương, tôi sẽ làm hết thay công việc đó thay Trọng đến suốt đời, đến khi trở thành bà già cóc kiết, tôi giữ lửa thì hay phải biết. Nhưng Trọng thì lại thích chị Ái hơn tôi, Trọng thương thầm chị cũng nhiều như tôi thương thầm anh vậy. Vậy mà anh không biết, còn cắc có biểu tôi làm mai. Nên có bữa, tôi hỏi má cho hai chị em đi coi hát, tới cái đập vô xóm Chệt, Trọng đã bồn chồn chờ sẵn, tôi trao chị cho anh, giả đồ đau chân để tụt lại đằng sau một khoảng xa xa. Tới sân uỷ ban xã, Trọng với chị tôi mua vé vào coi hát, tôi ngồi ngoài đầu cầu, đập muỗi. Trọng không quên mua cho tôi một ly đá bào như để cảm ơn lắm lắm. Ngồi buồn, nghe hát vắng vắng trong kia, tuồng thì giễu nhau ong óng như gà kêu đẽ, nhưng nước mắt tôi chảy ròng ròng lúc nào không biết. Vài người trong đoàn hát thấy, họ hỏi, sao khóc mò vậy, tôi cười thưa, tại tuồng cải lương hay quá. Họ cười, sao nhạy nước mắt vậy, đi hát đi, đem nước mắt mình ra để lấy nước mắt người ta.

Tôi thưa má cho lên thị xã xin vô Đoàn Cải lương Bông Tràm, lang thang nguyên một mùa nắng, mùa mưa về thăm má. Cũng có lúc gặp Trọng, kêu anh Hai ơi, anh Hai à, tuồng như anh em một nhà thương nhau lắm (ai mà biết có thương thiệt). Cũng có lúc viện cớ qua nhà thăm nom thằng Bầu, ôm nó lên, nựng nịu, đã đốt, coi nó giống Trọng ở chỗ nào, mà giống chỗ nào tôi cũng ưa. Cũng có lúc ngồi trăn trăn ngó chị Ái tôi mặc áo đồ, chân xỏ guốc cao đi ngúc ngắc trong nhà, thấy không hợp mà cũng không muốn nói ra. Chị thì lại nhìn tôi, sẫm soi guốc giày, quần áo tôi rồi tẩm tặc, "Em sướng thiệt...". Tôi cười, "Chị cũng sướng thấy mò, anh Trọng hiền khô, lại thương vợ...". Chị cười nhẹ, "Thương thôi thì được cái gì. Chị không hợp với cảnh nhà này, thầy Thành nói vậy...". Tôi hỏi, thầy Thành nào, chị cười, thầy mới về dạy ở trường xã mình nè, thầy hay lại nhà chơi, chưa vợ nên hay biểu chị làm mai, tưởng chuyện gì khó, con gái xứ này giỏi giang thiếu gì. Có lần, thầy thấy chị ngồi lau ống khói đèn thờ, thầy bảo, xứ này không hợp với chị, thầy nói câu nào nghĩ lại cũng trúng. Em gặp thầy một lần coi, thầy Thành nói chuyện hay lắm, thì người ta từ thành phố xuống mà. Nghe kể chuyện trên đó rồi, chị thấy sống ở đây chán thiệt, chán thối mò đi. Gì mà ngày nào cũng giống y ngày nấy, hồng thấy thay đổi gì hết trơn".

Vậy rồi tôi lại đi, một bữa má tôi lên thăm, mới bước chân tới cửa đã vừa nói vừa khóc: "Con Ái tệ quá, nó bỏ chồng nó theo người ta rồi. Biết nó hư thân vậy, má thà sanh cái hột gà, hột vịt còn hơn. Thôi, hết rồi, coi như đời này má không coi nó là con má nữa". Rồi má hỉ mũi cái rột: "Con coi kỹ, có phải cái nhà thằng Trọng chỉ có đàn ông là sống được?". Tôi không trả lời, Trọng mà rước tôi về bên ấy, chừng nào tôi bỏ đi.

Trời Ô Môi rộng vô cùng, đất thênh thang vô cùng bởi những khoảng trống mà chị Hai tôi bỏ lại. Má tôi xấu hổ vì con gái một dạ hai lòng, nhà có gì ăn cũng chắt chiu cho cha con Trọng, như bù đắp nỗi đau, nỗi thiệt thòi. Tôi cười thầm má tôi hoài, buồng chuối xiêm, trái mướp, nắm rau với mấy cái bánh con con làm sao bù đắp nỗi một con người, sao má tôi không đem tôi qua bên để đền, tôi hy sinh liền cho má coi. Nhưng từ lúc chị Ái tôi bỏ đi, cứ mỗi lần qua nhà, Trọng lánh đi chỗ khác. Tôi buồn, trách. Thằng Bầu mới sáu tuổi nhưng đã trở thành xướng ngôn viên cho ba nó, nó biểu: "Dì út đừng có giận, ba con nói dì giống má con quá, nhìn dì, ba con chịu hồng nổi".

Mười năm rồi, không biết đã thay đổi gì chưa. Tôi hỏi thằng Bầu lúc rày ba nó làm gì mà đen thui vậy. Thằng Bầu nói, hết mùa, ba nó chạy xuống ra bến đò ngoài thị trấn chạy đò dục.

Nhiều công chuyện lắm, ba con nó còn coi sóc cái rẫy khóm ngoài liếp nữa.

Trọng không nghèo, nhưng cũng chưa đủ giàu để sửa lại ngôi nhà đã bệu rệu. Mỗi một, bù xè thi nhau tấn công vào những cây cột gỗ, bộ ngựa chân quỳ, mấy cái tủ thờ, trường kỷ. Tôi nằm nghe rõ ràng tiếng bù xè nhai cây trèo trẹo. Thằng Bầu nói con mèo mướp càng già càng tệ, mỗi lần bắt được một con chuột là mỗi lần làm ngôi rớt xuống, bể tan nát. Thật ra, với tài bươn chải, tháo vát, tần tiện, lại thêm má tôi giúp đỡ, Trọng có thể cất được một cái nhà khác, gọn gàng, vừa đủ để ở.

Tôi nói gần xa, chê chỗ này cây mục, chỗ kia kèo sắt gãy. Trọng nói anh cũng lo không biết căn nhà có qua nổi mùa mưa năm nay không. Không biết cha con anh có còn giữ gìn được những bức liễn chạm trổ cầu kỳ, những bức tranh vẽ cảnh đồng quê, trời đất, trâu bò, trẻ con hiền hoà, những tờ giấy dán tường vẽ truyện Trầu Cau, truyện Tấm Cám, rồi cái giường, căn buồng, cái ngạch cửa... Bữa nào mưa lớn, hai cha con cũng chạy xất bắt xang bang. Tôi hỏi chạy làm gì, thằng Bầu cười: "Chạy đi lấy đồ hứng nước dột đó, di Út". Tôi cười:

- Anh Hai à, để vậy hoài đâu có được, thôi, cất nhà mới cho rồi, ông bà mình rồi cũng hiểu cho mình chớ chấp nhứt gì.

Trọng chỉ cười nhẹ, ngó ra khoảng sân nắng. Thằng Bầu cười: "Di Út giống hệt ngoại, biểu y chang. Ba con nói với con hoài, ba con hông muốn thay đổi gì hết, để má con nhớ được đường, nhớ được nhà mà về".

Trời ơi, tới bây giờ, Trọng còn mong một ngày như thế, cái ngày mà chị tôi sẽ trở về. Chị sẽ về ư? Sẽ về à? Không biết! Chỉ biết anh giữ nguyên cảnh cũ nhà xưa là để chờ người đang sống. Tự nhiên trong bụng tôi thấy rầu. Bầu lại tròn con mắt: "Để con nấu cơm đãi di Út một bữa, mà, chút xíu nữa cơm chín rồi, di ở lại ăn cơm với hai ba con, trừ ngoại ra, lâu lắm nhà con mới mời cơm được một người".

Càng lớn, thằng Bầu càng giống Trọng, tử tế, đàng hoàng lại pha thêm một chút gàn gàn. Bữa giỗ, Trọng uống hơi nhiều, nó ngồi kế bên nhắc: "Ba, ông cố nói, uống rượu có chừng thôi, uống ít còn nhiều, uống nhiều là mất hết đó". Cao hứng cỡ nào Trọng cũng ngưng lại ngay đó, ai cũng lạ khi thấy thằng con nói vậy mà cha cũng nghe.

Bây giờ, Bầu vừa bước qua tuổi mười lăm, chưa chắc nó nhớ chuyện cũ. Hai dì cháu lui hụi trong bếp, tôi hỏi, "Bầu, còn nhớ má hôn con?", nó ngần ngừ một lúc, nhìn quanh, rồi nó thăm thì "Con cũng hông biết, chắc là không. Nhưng nói thiệt, con sợ ba buồn... Hồi má đi, con mới chút tấn chớ gì...". Nó nói, có má cũng được, mà không có cũng được. Bây giờ quần áo rách, nó tự may được rồi, nhà cửa nó cũng dọn dẹp gọn bần nhưng cũng có lúc nó cần có má, để hỏi vài chuyện... Tôi hỏi chuyện gì, nó cười, bẽn lẽn, dường như những câu chuyện đó người ta chỉ dành để nói với má người ta. Tôi thương nó chút nữa đã ghì đầu nó ôm vào ngực. Chợt nó hỏi:

- Sao di Út không lấy chồng, di ở vậy hoài, bà ngoại rầu lắm đó.
- Di còn phải đi hát.
- Đi hát vui hơn lấy chồng hả di?

Tôi cười, lấy chồng vui hơn, nhưng phải lấy ngay trên người mình thương kia. Còn đi hát thì không vui không buồn, mơ hồ lắm, thấy cười ha ha chưa chắc là vui, thấy rặn ra một đồng nước mắt vậy mà hông phải buồn. Có lúc đang ở nhà lại muốn đi, có lúc đang hát trên sân khấu vậy tự nhiên thèm về nhà. Bầu hỏi tôi thường đóng vai gì, tôi kể, nhiều lắm, hiền có, ác có, mà toàn vai phụ không thôi... Tự dưng tôi nghe nổi buồn chao chát trong lòng, tôi bảo, nhưng có một vai di thêm mà không ai cho đóng, vai gì hả, vai một người bình thường, có

chồng, sống với nhau trong căn nhà xưa, cũ kỹ. Buổi sáng chở mớ rau vườn ra chợ, mua ít thức ăn mang về nấu bữa cơm trưa, chiều phụ chồng mần cỏ rẫy, chạng vạng chờ chồng từ ngoài đìa vác một mớ bông súng bước vô nhà... Và để được nghe con trai mình nói với mình những câu chuyện chỉ để dành nói cho má nó nghe thôi. Ừ, dì chỉ ước có vai bình thường vậy...

Trọng đang nằm võng, tôi nghe nhịp đưa vùn vụt rồi cò kẹt dưng dưng chậm lại, tôi biết anh có nghe lời tôi nói. Căn nhà tự nhiên lặng lẽ đến kỳ lạ, nghe tiếng thằng Bầu thở ngổ ngàng, nghe cả tiếng ơ cá kho sôi tằm tằm trên bếp, tôi ngửi thấy đâu đây mùi bông súng Đà Lạt thơm dịu, ngọt thanh pha cái mùi tanh tanh của bùn dưới đáy ao. Không lẽ im re hoài, tôi nói với Trọng, rằng anh có nhớ chị Hai thì cũng vậy thôi, người vẫn chưa về, thử thương tôi đi, tôi sẽ giúp thằng Bầu nấu cơm, vá áo, giúp anh lau ống khói, châm dầu cái đèn chong nhỏ, giữ cho ngọn lửa suốt đêm ngày le lói đỏ như giữ vạ truyền thống nhà mình đã trăm năm nay. Sau này, chị Hai có về, tôi sẽ trao anh lại, như ngày xưa vậy, tôi làm cũng được lắm mà, gọn bản chớ gì.

Mà, trời ơi, Trọng ác với tôi chi vậy, sao bắt tôi phải kìm lòng không được để nói ra, nhìn tôi mà không hiểu à?

Bởi yêu thương

Bao giờ qua cửa Sáu Tâm cũng cần nhăn. Bao giờ qua cửa anh cũng thấy Điệp đang lúi húi dọn dẹp, nấu nướng gì đó, "Mấy chuyện lật vật, để tôi làm, sao không chịu nằm nghỉ không biết". Bữa nay thì tới lượt chị nhăn, Sáu Tâm về nhà với một đôi đầu gối bê bết máu :

- Tâm lại té à. Đi đường phải cẩn thận chớ.
- Không - Anh bảo - Hôm nay dạy San nó đi gối.
- Tuồng gì ?
- Phàn Lê Huê.

Chị bắt anh ngồi xuống giường, khẽ khàng vén ống quần lên, tháo cái chân giả ra, băng bó lại đầu gối cụt chông chơ vẫn còn tươm máu. Sáu Tâm nghe một giọt nước mặn nhỏ xuống làm rất bỏng chỗ vết thương, anh cảm rằm (như tia chị), "Khóc cái gì. Chút xíu vậy cũng khóc".

Hồi trưa này, San cũng ôm gối anh mà khóc.

San là học trò của anh, nó làm tiếp viên ở quán Mây Lang Thang. Trưa nào, anh kéo cái bội khăn đi ngang cũng thấy nó ngồi băng đá đặng trước sân ngó cuộc đời. Sơn tô, phấn trát đậm như mấy người lên đồng. Có bữa anh dừng lại chỗ gốc bàng, đứng rao : "Mười ngàn năm cái khăn. Khăn Mỹ... Tho có ho như thầy Minh cũng không rách. Mua khăn cô nhỏ. Khăn mới lau tủ cũ cũ lau xe...", anh thấy nó cười. Một bữa nó hỏi, có phải ngày xưa Sáu Tâm từng làm kép hát không ?

Sáu Tâm tự trào, tôi mặt rỏ như "ga- mo - qua - xa - ky" (gà mổ quá xá kỹ), đầu tóc bù xù, xi cà que, mình mẩy lúc nào hôi mồ hôi mà là kép chánh sao ? Nói chơi hoài.

Nhưng San tin. Hồi đó, đoàn Mây Mùa Thu về hát ở đình Tân Thuận. Hôm ấy, đoàn hát vở "Đời Cô Lựu" thật khuya, ông bán khăn này vẫn còn trẻ lắm, ông đóng vai Luân, mặc bộ đồ bà ba vá chằng vá đụp, quần thì xăn ống thấp ống cao. Lúc xả giàn là tới đoạn Luân quỳ xuống ngang gối, ôm cô Lựu ngẩng mặt lên, kêu mẹ. Trời ơi, San bưng rổ khoai ế đứng nhìn mà rưng rưng nước mắt, sao mà cô Lựu ôm Luân lại gọn gàng triu mến đến như vậy, sao Luân hạnh phúc và sung sướng đến như vậy.

Đó là lúc San ước mơ sau này lớn lên sẽ trở thành đào hát. Ừ, trở thành đào hát, không cần phải đóng vai chính, nổi tiếng làm gì, hát phụ cũng được, đóng vai ác, vai hầu gái, cung nữ, bà già cũng được... Nhưng San mê vai có má nhất. Dù người mẹ nghèo bị hắt hủi cỡ nào, người mẹ giàu có tàn nhẫn cỡ nào để chia cắt duyên con (như mấy tuồng cải lương bây giờ hay hát), nhưng có làm gì thì hết thầy đều vì thương quá con mình.

San hai mươi bốn tuổi hai mươi bốn năm má mất. Bà chết vì sinh khó. Cha San thường say rượu, lúc say phà cái mùi hèm khăm khăm vô mặt San," Tại cái con vô dụng này nên tao mới khổ sở như vậy, vợ cũng chết, tiền cũng hết".

San cố sống để khỏi phải là đứa vô dụng. Áo cha rách, San khâu. Cha kêu buồn ối, San chạy lấy thau lại hứng, đắp khăn nóng cho người. Sáu tuổi nó đã ề ạch rách cái rổ khoai lang luộc, xách thùng mía lạnh rảo chân khắp làng trên xóm dưới. Mười hai tuổi nó xin chạy bàn, rửa chén ở quán "Mây Lang Thang", mười tám tuổi nó lấy chồng. Phải lấy chồng mới có tiền lễ để cha nó đổi chiếc xích lô lấy cái Honda. Mà, đời kỳ thiệt, San lấy ngay cái thằng hồi nhỏ nó ghét cay ghét đắng. Nó nhớ như in những lần na cái thùng mía lạnh ngang qua nhà, thằng chồng nó lúc đó chừng mười, mười hai tuổi chuyên chặn nó lại, giạt mía mà ăn. Có bữa San cự, thằng nó vạch quần ra đái tòn tòn vô thùng mía, vừa đái vừa cười ha ha. Hôm đó, San về nhà mà trong tay không có tiền. Di nắm tóc nó mà đánh, San có nói gì thì di cũng không tin. Bây giờ lại lấy nhau, mỗi lần thấy chồng tụt quần, lòng San dậy lên một nỗi căm thù. Được hai tuần, San thôi, lại bỏ về quán Mây Lang Thang, nhưng không còn rửa chén mà ngồi trong mấy cái buồng vuông vuông nhỏ nhỏ để tiếp khách.

Ước mơ xưa chưa bao giờ trở thành hiện thực. Những khi quán vắng, San cố ngủ cho nhiều, ngủ là khỏi thấy lòng buồn, má hy sanh cho cái phận bèo bọt này làm chi không biết. Ngủ để coi có mơ thấy mình trở thành đào hát không. Ngủ vì không thích tùm lại với chị em để đánh bài, bàn số đề, giữa móng tay, nặn mụn hay đi sắm áo dây, váy ngắn.

Mất gần một tháng Sáu Tâm mới nghe hết câu chuyện đời của nó. Mỗi bữa ngồi đụt nắng dưới gốc cây còng trước quán, San kể anh nghe một đoạn. Nhưng anh kếp cũ không nhắc gì đến vắng hào quang cũ, chỉ San ngồi nhắc hoài, nó kêu anh dạy nghề. Sáu Tâm bảo, "Nghề hát bạc lắm". San bảo, nghề của em còn bạc hơn, bạc tại chỗ, những thằng mần nắn mình, kêu mình bà xã à, cưng ời, toàn là tụi coi khinh mình như rác. Dứt khoát, em phải trở thành đào hát, như đào Điệp ở đoàn chú vậy.

San nhớ, cô đào thiệt hiền, dân dã, tan buổi diễn để nguyên bộ áo dài nâu, cái đầu tóc bới ngồi ăn cháo vịt. Thấy San cứ tàn ngần nhìn, cô hỏi San đói không. San gật đầu, không đói nhưng vẫn gật đầu. Cô gọi thêm một tô cháo, biểu San ăn đi, ngồi kế cô mà ăn. San ngồi trước tô cháo nhưng cứ nhìn cô, chỉ mong được nép vô lòng kêu tiếng má. Đào Điệp hỏi, con bán khoai hả, sao tan hát rồi mà không về ? Khoai còn hết ? Cô mua cho. Ăn xong, con mau về đi, tan hát rồi, đường tối lắm.

San nhớ hoài cái khuôn mặt dịu dàng đó, bao giờ nó cũng nghĩ, má mình còn sống dứt khoát giống như cô ấy. Nó kết luận, chỉ gặp một lần thôi mà em thương cổ suốt đời.

Câu chuyện làm cho Sáu Tâm xúc động, gương mặt đen đúa trầm lặng như tượng gỗ bỗng mềm lại. Anh bảo anh sẽ dạy. Ở đâu ư ? Tại cái sân ximăng dưới gốc cây bàng này. Sân chật đầy lá rụng có bữa bỗng dựng biến thành sân triều. Sáu Tâm gọi, "Cung nữ !", San dạ, te te đi ra tay dâng chén rượu ngang mày. Người đời qua lại, có cười.

Đám khách nhậu trong quán biết Sáu Tâm là anh kếp hết thời, cứ đòi nghe cho được. Mấy lần bà chủ quán ra biểu anh, "hát vài câu đi rồi có tiền" (như bà mẹ biểu đứa con nít ăn cơm đi rồi cho kẹo), lần nào Sáu Tâm cũng lắc đầu. Bà ta phật lòng, nghèo còn sĩ diện, nghèo mà không biết nghe lời người có tiền. San hỏi, anh bảo :

- Có làm gì, đi đâu, chưa bao giờ tôi quên mình là nghệ sỹ, nghệ sỹ là người của công chúng, người ta yêu mình bởi họ thấy mình cao quý hơn họ, tôi không thể vì tiền mà sống hèn được. Cô nhỏ, sau này có trở thành đào hát, cô nhớ lời tôi nghen.

Mỗi ngày, Sáu Tâm ghé chỗ San chừng mười mười lăm phút. Thời gian còn lại, anh kéo cái bội đàn bằng nan tre có gắn mấy cái bánh xe đi bán khăn, áo dạo. Anh cần tiền, nhiều tiền. Nhưng anh cũng muốn về nhà. Nên lúc nào trong lòng cũng như lửa đốt.

Nhà Sáu Tâm ở xóm Gò Mả. Xóm nhỏ tụm lại trên nền nghĩa địa cũ. Những ngôi nhà cửa trước luôn mở về phía nội ô như bị người ta lấn tới nên giật lù đến đây. Nhà anh cất kê chòm mả lạng, anh không sợ, ma cũng như người, mình tử tế với họ thì họ cũng tử tế với mình. Chỉ ngại, những lúc anh không ở nhà, chị thế nào cũng mở cửa ra, nhìn những chòm cỏ xa xanh kia, và nghĩ về cái chết.

Điệp càng ngày càng yếu. Chị ốm, mỏng như hột cốm dẹp. Tóc đã rụng đến nỗi ở xa chừng mười bước có thể đếm được từng sợi, từng sợi còn sót lại. Chị thôi xót xa rồi. Thôi từ cái bữa Sáu Tâm đã làm vỡ gương, chị nhắc hoài anh chưa mua lại. Thôi từ cái bữa mơ màng thấy anh nhạt tóc chị rụng trên giường đem đi giấu ở cái thùng đạn hồi trước đựng đồ nghề vá xe. Chị níu lấy anh, vùi nước mắt vô ngực anh mà ướt :

- Tâm ơi ! Tâm khổ vì tôi chi vậy ?

Đâu mà biết nà. Tại duyên nợ. Điệp lớn hơn Sáu Tâm tròn con giáp. Lúc anh mới vô đoàn hát, anh gọi Điệp bằng chị, xưng em. Điệp toàn hát vai má anh, ráng lắm thì cũng vai em trai, loại em chuyên đi đưa thơ cho người yêu chị gái mình. Vậy mà yêu, yêu treó căng ngồng, cũng không biết để lòng thương lúc nào, ghê lắm cái lối thương thầm, thấy đầm đầm vậy chứ rút không ra. Lúc đầu thì Điệp thấy buồn cười lắm, chị cứ theo chọc anh hoài, thí dụ tụi mình làm vợ chồng, phải gọi làm sao, Tâm ha ?

Cho tới cái bữa về hát Vàm Léo, nửa đêm trải chiếu nằm ngủ dưới khán đài, sàn diễn đổ sập xuống, Sáu Tâm đẩy Điệp ra, chỉ anh là còn kẹt lại trong đống đổ nát. Xương ống quyển bị giập. Đau lắm, nằm một chỗ, không xoay mình được. Ông bầu cũng nghèo, tiếc tiền, cứ bảo, trật chân chút đỉnh rồi sai người đi hái thuốc về bó, đắp thuốc tới khúc chân bị hoại, lầy lụy, người ta mới đưa anh đến bệnh viện. Tháo khớp. Nỗi đau không nói được bằng lời, lia khúc chân là mãi mãi đứt lia sân khấu.

Đó là những năm sân khấu cải lương lâm vào cảnh khó khăn. Đoàn hát phải biểu diễn khắp cùng quê xó, phải trưng dụng những dụng cụ phụ diễn đã bị nắng mưa làm cho mục nát. "Mưa Mùa Thu" rã gánh, ông bầu bảo, còn ai hát hò gì nữa, tới Hồng Điệp cũng bỏ nghề rồi, trông mong gì.

Điệp cùng Sáu Tâm dìu dắt nhau đến cái xóm Gò Mả này. Chị không hối tiếc, cuộc đời người ta ngoài ăn với ngủ, thời gian còn lại là đi tìm một nửa của chính mình. Chị thì có anh. Hai người, hai đôi tay hồi nào giờ chỉ quen múa gươm, lấy roi sảy ngựa với ba cái chân để kiếm sống. Cực khổ nhọc nhằn nhưng không người thương nhớ nghề xưa. Điệp xin từ ông bầu rất nhiều món đồ diễn, đem về cất kỹ, thỉnh thoảng, chị mặc áo đính Kim Sa hát Mạnh Lệ Quân với anh. Lúc đó Điệp vẫn chưa phát bệnh.

Bây giờ chị không còn sống bao lâu nữa. Khối u ở cổ đã đi vào não. Gương mặt xinh đẹp của chị biến đổi, nhiều bữa ngủ thức dậy, đôi mắt sưng húp, mũi chảy máu ròng ròng. Tai bắt đầu ù ù không nghe rõ. Nếu không phải trang trải tiền thuốc cho chị, Sáu Tâm đã không lang thang ngoài đường. Anh muốn được ở nhà, ở bên chị, nắm nướu từng giây, từng phút, để lúc chị đau anh giúp cho ly nước, vốc thuốc, cái khăn ướt lau mặt, để ôm ghì chị vào lòng mỗi khi lên cơn vật vã. Nhiều bữa mưa dầm đụt ở mái hiên nhà nào đó, Sáu Tâm thêm được khóc. Anh nhìn mãi đôi tay mình. Đôi tay từng làm mướn, đi bốc mả, vá xe, đôi tay từng bung bê ở nhà hàng này, quán nhậu nọ sao lại bất lực không thể níu giữ được người mình thương.

Nhưng bao giờ anh cũng về nhà với khuôn mặt tươi cười. Cười không phải vì vui. Anh nghĩ, may mình là nghệ sỹ, nếu không, sao có thể cười giòn khi đang tan nát lòng đau. Nhiều khi, về tới đầu xóm, Sáu Tâm phải dừng lại, đốt điếu thuốc để lắng cảm xúc của mình lại.

Anh sợ cả lúc bước vô nhà thấy chị đang nằm ngủ, Điệp biết hết. Nên một mồi thế nào chị cũng làm cái gì đó để đợi anh về. Chị thương anh quá.

May mà có San. Câu chuyện của nó làm cho cả hai người nhận ra họ đã sống một đời nghệ sỹ đầy ý nghĩa. Như San, họ chưa thay đổi được cuộc đời bất hạnh của nó nhưng đã an ủi nó rất nhiều. Điệp bảo :

- Em không tiếc gì đâu. Tâm đừng buồn cho em nữa, nghen.

Chị dặn, đừng nói cho San biết chị sống với anh, lại bệnh hoạn như vậy, "nó đã giữ trong lòng một hình ảnh đẹp để ước mơ, mình đừng phá hư đi". Nhưng rồi một đêm chị không ngủ mà nằm nghe trái tim anh đập từng nhịp gấp rã, anh đang sống, chị nói với lòng, cái cơ thể này đang sống, mìnhỡ nào để anh tận người theo mình. Vô tình, chị nghĩ tới San.

Bất ngờ, một buổi trưa, San tới. Hôm đó, Sáu Tâm không đi bán mà ở nhà lợp lại cái mái che đằng trước, lúc này trời trở gió, mưa cứ tạt vô nhà. Anh còn kịp chạy lại lấy cái khăn vắt đầu giường đội lên đầu cho chị như vẫn thường làm khi khách đến nhà. San hơi khựng lại, nhưng nó nhận ra cô đào Điệp năm nào. Vẫn còn đó một đôi mắt rất hiền, hơi ướt, dịu dàng :

- San phải không ?

Và còn đó một giọng nói mềm như lá lụa non.

Đó là một ngày trời oi nắng, mây đứng trăn trên trời. Đó là ngày San nhận ra, trước người đàn bà đau ốm này đây, mình vô tình gây nên tội, tội đẹp. Và tim nó thắt lại một cái đau nhói, vậy ra, người đàn ông bán khăn áo dạo không ở một mình. Không biết làm gì, San lại mở cửa sổ ra, nhìn ra những chòm cỏ xa xanh, nó kêu lên, "trời ơi, ở đây bánh thiệt, em thích một căn nhà như vậy lắm", lòng vừa đau vừa thẹn thù cười cái cộc đi kiếm con trâu.

Sau này, mỗi khi rảnh, dù Sáu Tâm còn kéo cái bội áo khăn lang thang trên đường phố, San cũng lại nhà. Căn nhà mà hồi mới thấy xa xa, nó tưởng là của mình. Bây giờ, lại đó, San quét nhà, nấu cơm, đợi Điệp ngủ San kéo mền tới cảm cho chị rồi lược những sợi tóc buồn xơ xác như những chiếc lá lìa cành đem đi dẫu. Bữa trưa đầy gió, chị biểu San đem lược lại chị chải tóc cho. Nó có mái tóc hết chị ngày còn trẻ. Tụi mình có nhiều cái giống nhau ghê. Chị cũng không có má, lớn lên trong trại mồ côi. Chị đến với sân khấu để vay mượn những thâm tình mà mình chưa hề có. Hồi nhỏ chị cũng cực lắm, nhưng không đến nỗi sa chân như San. Chị em mình còn một chuyện giống nhau nữa, đó San biết, tụi mình cùng thương anh Sáu, thương lắm, phải không ?

San ngỡ ngác hết mấy giây rồi lắc đầu. Chị bảo đừng dẫu chị, Ủ nếu không chê Tâm tàn tật thì bao giờ chị đi cho chị gởi lại. Em làm lại cuộc đời đi, Tâm rộng lòng lắm, không chấp nhứt chuyện này nọ đâu. Tâm dễ tánh. Mặc gì cũng được, ăn gì cũng xong. Con người đàng hoàng, nghệ sỹ mà đàng hoàng, không phù phiếm, buông thả. Kiếm người tin được không phải dễ đâu, San"

San không trả lời, không thể nói dối rằng "Thôi !" nhưng cũng không thể gạt đầu cái rụp. Có phải là trao trái chanh trái bưởi cho nhau đâu mà một người đàn bà trao người mình thương yêu nhất cho một người đàn bà.

Sáu Tâm không biết chuyện này, tối lại nằm gối đầu lên tay anh, chị bảo, San nó thương anh lắm. Anh cười, "Tôi bây giờ đã thành ông già, còn cô nhỏ đó..." Chị cũng cười, "Có sao, như Tâm với em". Sáu Tâm biểu, ngủ à nghe. Nhưng chị biết anh vẫn thức bởi những ý nghĩ mới mẻ trong lòng. Chị thì ngủ, giấc cuối cùng, sâu thiệt là sâu. Đắp cổ muôn đời.

...San bỏ quán Mây Lang Thang, chiều chiều ngồi bán chuối, khoai lang nướng mở hành bán ngoài cổng nhà văn hoá. Hỏi về giấc mơ trở thành đào hát, nó cười đã bỏ lâu rồi. Đi hát lữ nổi tiếng, thí dụ thôi ghê, người ta biết lúc trước tôi từng làm tiếp viên quán bia thì nhớ danh cả một giới nghệ sỹ, làm người ta mất cảm tình với cái lương, vậy khác nào hại cả nền sân khấu nước nhà. Cũng giống như phim tình cảm, đôi khi người ta vì yêu mà rút ruột lìa xa người mình yêu. Biết làm sao, hoàn cảnh vậy mà.